

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 224/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 25 tháng 01 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố, công khai số liệu dự toán ngân sách tỉnh Phú Thọ năm 2017

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 03/2005/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2005 của Bộ Tài chính quy định về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Phú Thọ về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2017;

Theo đề nghị của Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, công khai số liệu dự toán ngân sách tỉnh Phú Thọ năm 2017, chi tiết tại các biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Minh Châu

Tỉnh: Phú Thọ.

Phụ biểu số 01

**ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA
BÀN TỈNH PHÚ THỌ NĂM 2016**

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2016	Ước thực hiện năm 2016 (*)	% U' TH/DT
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	3,941,050	4,396,000	111.5
I	Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước	3,721,050	4,194,000	112.7
1	Thu từ DNNN Trung ương	540,000	430,000	79.6
2	Thu từ DNNN địa phương	520,000	570,000	109.6
3	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	120,000	170,000	141.7
4	Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	1,200,000	1,200,000	100.0
5	Lệ phí trước bạ	205,000	225,000	109.8
6	Thuế thu nhập cá nhân	130,000	140,000	107.7
7	Thuế bảo vệ môi trường	427,000	730,000	171.0
8	Phí và lệ phí	75,000	77,000	102.7
9	Tiền sử dụng đất	300,000	400,000	133.3
10	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	60,000	70,000	116.7
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	6,000	3,500	58.3
12	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	13,000	17,500	134.6
13	Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích,.. tại xã	17,400	20,000	114.9
14	Thu khác ngân sách	86,650	120,000	138.5
15	Thu xổ số kiến thiết	21,000	21,000	100.0
II	Thu thuế xuất, nhập khẩu, thuế TTĐB, thuế VAT hàng nhập khẩu do Hải quan thu	220,000	202,000	91.8

Ghi chú:

(*): Không bao gồm 246.900 triệu đồng các khoản thu được để lại chi và quản lý qua NSNN (các khoản ghi thu, ghi chi và các khoản thu phản ánh qua ngân sách theo quy định).

Tỉnh: Phú Thọ.

Phụ biểu số 02.

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2016

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2016	Ước TH năm 2016 (*)	%ƯTH /DT
TỔNG CHI NSDP (A + B + C + D)		9,729,842	11,475,100	117.9
A	Chi cân đối NSDP	8.153.739	8.801.778	107.9
I	Chi đầu tư phát triển	786,200	876,200	111.4
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung	514,200	514,200	100.0
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	270,000	360,000	133.3
3	Chi đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp theo chế độ	2,000	2,000	100.0
II	Chi thường xuyên	6,923,854	7,922,853	114.4
1	Chi sự nghiệp kinh tế	1,030,203	1,398,125	135.7
2	Chi sự nghiệp văn hóa	4,167,168	4,669,106	112.0
	- Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	2,903,612	3,088,881	106.4
	+ Chi sự nghiệp giáo dục	2,655,374	2,820,615	106.2
	+ Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	248,238	268,266	108.1
	- Chi sự nghiệp y tế	699,502	813,243	116.3
	- Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ	28,360	28,363	100.0
	- Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin	132,285	143,557	108.5
	- Chi sự nghiệp thể dục - thể thao	31,343	31,347	100.0
	- Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình	26,624	26,627	100.0
	- Chi đảm bảo xã hội	345,442	537,088	155.5
3	Chi Quản lý hành chính	1,536,167	1,663,713	108.3
4	Chi an ninh - quốc phòng địa phương	123,290	124,876	101.3
5	Chi khác ngân sách	18,405	18,407	100.0
6	Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	48,621	48,626	100.0
	- Kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ: BHXH cho cán bộ không chuyên trách cấp xã; hỗ trợ người có thu nhập thấp; kinh phí tăng biên chế, BHYT các đối tượng CCB, TNXP, quân nhân, ...)	40,621		
	- Các nhiệm vụ dự kiến phát sinh khác	8,000		
III	Chi dự phòng ngân sách	140,960		
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1,200	1,200	100.0
V	Chi thực hiện cải cách tiền lương từ nguồn thu do HĐND tỉnh giao tăng so với dự toán Trung ương giao	1,525	1,525	100.0
VI	Chi từ nguồn dự kiến huy động đầu tư theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	300,000		
B	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu NSTW	1.555.103	1.321.000	84.9
C	Các khoản chi được quản lý qua NSNN	21.000	21.000	100.0
	- Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết	21,000	21,000	100.0
D	Chi kết dư và chủ vắn nguồn năm 2016 san g n		1,331,322	

Ghi chú:

(*): Không bao gồm 246.900 triệu đồng các khoản thu được để lại chi và quản lý qua NSNN (các khoản ghi thu, ghi chi và các khoản thu phản ánh qua ngân sách theo quy định).

Tỉnh: Phú Thọ.

Phụ biểu số 01.

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2016	Ước thực hiện năm 2016 ⁽¹⁾	Dự toán năm 2017
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	3.941.050	4.396.000	4.896.000
1	Thu nội địa	3,700,050	4,173,000	4,686,000
2	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu	220,000	202,000	210,000
3	Thu phản ánh qua NSNN (từ nguồn thu xổ số)	21,000	21,000	
B	T THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	9.708.842	11.475.100	10.543.766
1	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	3,646,920	4,130,000	4,024,900
	- Các khoản thu NSDP hưởng 100%	3,646,920	4,130,000	931,000
	- Các khoản thu phân chia NSDP hưởng theo tỷ lệ (%)			3,093,900
2	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	5,737,878	6,107,000	6,518,866
	- Thu từ nguồn bổ sung cân đối NSDP	2,514,823	2,514,823	4,973,822
	- Thu từ nguồn bổ sung có MT từ NSTW	2,142,180	3,592,177	1,545,044
	- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách khác theo quy định	1,080,875		-
3	Thu kết dư ngân sách năm 2014		9,100	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang để thực hiện cải cách tiền lương và các nhiệm vụ còn lại theo chế độ quy định	24,044	1,229,000	-
5	Dự kiến huy động đầu tư theo khoản 3 - điều 8 Luật NSNN	300,000		-
C	CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	9.708.842	11.475.100	10.543.766
1	Chi đầu tư phát triển (Bao gồm cả chi hỗ trợ doanh nghiệp)	786,200	897,200	536,930
2	Chi thường xuyên ⁽²⁾	6,923,854	7,922,853	7,954,238
3	Chi từ nguồn dự kiến huy động đầu tư theo khoản 3 - Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước	300,000	-	-
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1,200	1,200	1,200
5	Chi dự phòng ngân sách	140,960		-179,970
6	Chi thực hiện cải cách tiền lương từ nguồn do HDND tính giao thu tăng so với dự toán Trung ương giao	1,525	1,525	-
7	Chi kết dư, chuyển nguồn năm 2015 sang năm 2016	-	1,331,322	-
8	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1,555,103	1,321,000	1,529,538
9	Bội thu ngân sách địa phương			341,890

Ghi chú:

(1): Không bao gồm các khoản thu, chi được để lại quản lý qua NSNN (các khoản ghi thu, ghi chi và các khoản thu, chi phản ánh qua ngân sách theo quy định).

(2): Dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 đã bao gồm nguồn 10% tiết kiệm và 35-40% thu để lại thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

Tỉnh: Phú Thọ.

Phụ biểu số 02.

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2016	ƯỚC THỰC HIỆN 2016 (*)	DỰ TOÁN NĂM 2017
	TỔNG CÁC KHOẢN THU TRÊN ĐỊA BÀN	3,941,050	4,396,000	4,896,000
I	Tổng các khoản thu cân đối NSNN	3,721,050	4,194,000	4,686,000
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương	540,000	430,000	519,200
2	Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương	520,000	570,000	489,700
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	120,000	170,000	209,300
4	Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	1,200,000	1,200,000	1,407,000
5	Lệ phí trước bạ	205,000	225,000	290,000
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	6,000	3,500	3,000
7	Thuế thu nhập cá nhân	130,000	140,000	180,000
8	Thuế bảo vệ môi trường	427,000	730,000	920,000
9	Thu phí và lệ phí	75,000	77,000	110,000
10	Tiền sử dụng đất	300,000	400,000	300,000
11	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	60,000	70,000	85,000
12	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	13,000	17,500	20,000
13	Các khoản thu tại xã	17,400	20,000	21,000
14	Thu khác ngân sách	86,650	120,000	110,800
15	Thu xổ số kiến thiết	21,000	21,000	21,000
II	Thuế XK, thuế NK, thuế TTĐB, thuế VAT hàng nhập khẩu do Hải quan thu	220,000	202,000	210,000
	CÂN ĐỐI NSDP			
A	Tổng các khoản thu cân đối NSDP	9,708,842	11,475,100	10,543,766
1	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	3,646,920	4,130,000	4,024,900
	- Các khoản thu 100%	3,646,920	4,130,000	931,000
	- Thu phân chia tỷ lệ phần trăm (%)			3,093,900
2	Thu bổ sung từ NSTW	5,737,878	6,107,000	6,518,866
	- Thu từ nguồn bổ sung cân đối NSDP	2,514,823	2,514,823	4,973,822
	- Thu từ nguồn bổ sung có MT từ NSTW	2,142,180	3,592,177	1,545,044
	- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách khác theo quy định	1,080,875		
3	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang để thực hiện cải cách tiền lương và các nhiệm vụ còn lại theo chế độ quy	24,044	1,229,000	
4	Thu kết dư ngân sách năm 2015		9,100	-
5	Dự kiến thu huy động đầu tư xây dựng CSHT theo khoản 3 - điều 8 Luật NSNN	300,000	-	
B	Tổng chi ngân sách địa phương		-	10,543,766
C	Bội thu ngân sách địa phương			341,890

Ghi chú:

(*) : Không bao gồm các khoản thu được để lại chi và quản lý qua NSNN (các khoản ghi thu, ghi chi và các khoản thu phân ánh qua ngân sách theo quy định).

Tỉnh Phú Thọ.

Phụ biểu số 03.

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2017*(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ)***Đơn vị tính: Triệu đồng.**

S T T	NỘI DUNG	Dự toán năm 2017
A	<u>Ngân sách cấp tỉnh</u>	
I	Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh	9,309,916
1	Thu ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp	2,791,050
-	<i>Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%</i>	1,744,500
-	<i>Các khoản thu phân chia phần ngân sách tỉnh hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)</i>	1,046,550
2	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	6,518,866
	- Thu từ nguồn bổ sung cân đối NSDP	4,973,822
	- Thu từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW	1,545,044
	- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách khác theo quy định	-
II	Chi ngân sách cấp tỉnh	9,309,916
1	Chi cân đối ngân sách cấp tỉnh	3,656,077
2	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1,529,538
3	Bội thu ngân sách địa phương	341,890
4	Chi bổ sung cho ngân sách cấp huyện	3,782,411
B	<u>Ngân sách huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh</u> (bao gồm NS cấp huyện và NS xã, phường, thị trấn)	
I	Nguồn thu ngân sách huyện (bao gồm cả NS xã, phường, thị trấn)	5,016,261
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	1,233,850
-	<i>Các khoản thu ngân sách huyện hưởng 100%</i>	478,960
-	<i>Các khoản thu phân chia NS huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)</i>	754,890
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	3,782,411
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	3,782,411
-	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định	
II	Chi ngân sách huyện (bao gồm NS cấp huyện và NS xã, phường, thị trấn)	5,016,261

Tỉnh: Phú Thọ.

Phụ biểu số 04.

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017
(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 25/1/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2016	Ước TH năm 2016 ⁽¹⁾	Dự toán năm 2017
TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		9,729,842	11,475,100	10,543,766
A	Chi cân đối NSDP	8,153,739	8,801,778	8,672,338
I	Chi đầu tư phát triển	786,200	876,200	536,930
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung	514,200	514,200	588,820
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	270,000	360,000	290,000
3	Chi đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp theo chế độ	2,000	2,000	-
4	Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương			(341,890)
II	Chi thường xuyên	6,923,854	7,922,853	7,954,238
1	Chi sự nghiệp kinh tế	1,030,203	1,398,125	1,115,009
2	Chi sự nghiệp văn hóa	4,167,168	4,669,106	5,069,270
	- Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	2,903,612	3,088,881	3,631,079
	+ Chi sự nghiệp giáo dục	2,655,374	2,820,615	3,315,694
	+ Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	248,238	268,266	315,385
	- Chi sự nghiệp y tế	699,502	813,243	757,257
	- Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ	28,360	28,363	31,630
	- Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin	132,285	143,557	163,767
	- Chi sự nghiệp thể dục - thể thao	31,343	31,347	37,285
	- Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình	26,624	26,627	28,209
	- Chi đảm bảo xã hội	345,442	537,088	420,043
3	Chi Quản lý hành chính	1,536,167	1,663,713	1,631,320
4	Chi an ninh - quốc phòng địa phương	123,290	124,876	110,553
5	Chi khác ngân sách	18,405	18,407	20,086
6	Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	48,621	48,626	8,000
	- Kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ: BHXH cho cán bộ không chuyên trách cấp xã; hỗ trợ người có thu nhập thấp; kinh phí tăng biên chế, BHYT các đối tượng CCB, TNXP, quân nhân, ...)	40,621		-
	- Các nhiệm vụ dự kiến phát sinh khác	8,000		8,000
III	Chi dự phòng ngân sách	140,960		179,970
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1,200	1,200	1,200
V	Chi thực hiện cải cách tiền lương từ nguồn thu do HĐND tỉnh giao tăng so với dự toán Trung ương giao	1,525	1,525	-
VI	Chi từ nguồn dự kiến huy động đầu tư theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	300,000		-
B	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu NSTW cho NSDP	1,555,103	1,321,000	1,529,538
C	Các khoản chi được quản lý qua NSNN	21,000	21,000	-
	- Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết	21,000	21,000	
D	Chi từ nguồn kết dư và chuyển nguồn năm 2015 sang 2017		1,331,322	
E	Bội thu ngân sách địa phương			341,890

Ghi chú:

(1): Không bao gồm các khoản chi được để lại chi và quản lý qua NSNN (các khoản ghi thu, ghi chi và các khoản chi phân ánh qua ngân sách theo quy định).

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU CÁC HUYỆN, THÀNH, THỊ NĂM 2017
(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Tổng cộng	Việt Trì	Phú Thọ	Phù Ninh	Lâm Thao	Tam Nông	Thanh Thủy	Đoan Hùng	Thanh Ba	Hạ Hoà	Cẩm Khê	Yên Lập	Thanh Sơn	Tân Sơn
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.580,600	614,300	105,200	111,030	114,420	61,800	82,065	126,010	78,045	71,710	49,120	62,500	80,800	23,600
1	Thu từ các doanh nghiệp Trung ương	6,700	500	500	1,000			500	200	3,500				500	
2	Thu từ các doanh nghiệp địa phương và doanh nghiệp cổ phần hoá có vốn nhà nước	4,000	1,500	300	100	100				2,000					
3	Thu từ khu vực CTN ngoài QĐ	667,000	225,000	36,500	46,500	45,000	24,000	45,000	79,000	28,500	39,500	13,400	32,000	44,200	8,400
-	Thu từ các DN ngoài QĐ	619,900	206,500	33,000	42,500	42,500	22,500	43,000	75,000	26,500	36,500	11,400	30,400	42,200	7,900
-	Thu từ các hộ KD cá thể	47,100	18,500	3,500	4,000	2,500	1,500	2,000	4,000	2,000	3,000	2,000	1,600	2,000	500
4	Thuế thu nhập cá nhân	66,500	30,000	5,000	5,000	4,300	2,250	2,250	3,600	3,000	3,000	2,300	1,800	2,700	1,300
5	Thu tiền sử dụng đất	293,000	129,000	30,000	13,000	24,000	15,000	15,000	11,000	11,000	8,000	12,000	10,000	10,000	5,000
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3,000	2,100	200	230	320	50	15	10	45	10	20	-	-	-
-	Khu vực DNTU, DNĐP, DNĐTNN	842	400	30	190	210	5		7						
-	Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	1,294	1,000	100	30	60	35	10	3	35	6	15			
-	Hộ gia đình, cá nhân	864	700	70	10	50	10	5		10	4	5			
7	Tiền thuê đất	85,000	52,000	2,000	12,500	10,500	1,300	600	1,600	2,100	300	800	400	600	300
-	Khu vực DNTU, DNĐP, DNĐTNN	51,000	28,000	600	11,500	8,300	200	100	500	1,600	-		50	150	-
-	Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	33,950	24,000	1,400	1,000	2,200	1,100	500	1,100	500	250	800	350	450	300
-	Hộ gia đình, cá nhân	50	-	-	-	-	-	-	-	-	50	-	-	-	-
8	Lệ phí trước bạ	290,000	134,700	19,300	23,000	16,500	8,700	8,700	19,300	13,600	11,300	10,000	8,900	11,900	4,100
9	Thu phí và lệ phí	80,400	18,000	5,500	4,500	5,200	4,500	5,000	4,500	10,500	4,600	4,500	5,600	6,500	1,500
-	Phí bảo vệ MT khai thác khoáng sản	39,480	4,000	2,500	2,000	2,000	1,800	3,780	1,500	9,000	2,000	1,500	4,200	4,200	1,000
-	Phí, lệ phí còn lại (đã bao gồm lệ phí môn bài) (*)	40,920	14,000	3,000	2,500	3,200	2,700	1,220	3,000	1,500	2,600	3,000	1,400	2,300	500
10	Thu quỹ đất công ích, hoa lợi công sản và thu khác tại xã	21,000	2,500	700	1,500	3,000	2,700	2,300	1,500	1,000	1,900	2,300	1,000	400	200
11	Thu khác ngân sách	64,000	19,000	5,200	3,700	5,500	3,300	2,700	5,300	2,800	3,100	3,800	2,800	4,000	2,800
-	Thu xử phạt VPHC trong lĩnh vực giao thông do lực lượng thuộc cơ quan Trung ương thu	46,000	15,000	4,500	2,500	3,000	2,300	1,700	3,500	1,800	2,300	2,300	2,300	2,800	2,000
-	Thu khác còn lại (đã bao gồm thu xử phạt VPHC trong lĩnh vực giao thông do lực lượng thuộc địa phương thu)	18,000	4,000	700	1,200	2,500	1,000	1,000	1,800	1,000	800	1,500	500	1,200	800
B	THU ĐIỀU TIẾT NGÂN SÁCH HUYỆN, THÀNH, THỊ ĐƯỢC HƯỞNG (Đã bao gồm ngân sách cấp xã)	1.233,850	580,050	65,050	78,155	81,370	42,858	52,534	82,752	50,688	48,182	37,213	44,775	54,425	15,800
1	Thu điều tiết từ các khoản thu trên địa bàn:	990,550	364,350	65,050	69,275	72,130	42,618	52,534	80,152	50,528	48,182	36,813	40,935	52,185	15,800
2	Thu điều tiết từ các khoản do Cục Thuế tỉnh quản lý thu:	243,300	215,700	-	8,880	9,240	240	-	2,600	160	-	400	3,840	2,240	-
-	Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh (Thu từ các DN ngoài quốc doanh)	229,200	211,200	-	8,000	9,000	-	-	1,000	-	-	-	-	-	-
-	Thu tiền sử dụng đất	2,100	2,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (UBND tỉnh cấp giấy phép)	12,000	2,400	-	880	240	240	-	1,600	160	-	400	3,840	2,240	-

Ghi chú:

(*): Đã bao gồm phí nước thải sinh hoạt do Công ty Cổ phần cấp nước Phú Thọ tổ chức thu (Việt Trì: 3.000 triệu đồng; thị xã Phú Thọ: 570 triệu đồng; huyện Phù Ninh: 400 triệu đồng; huyện Lâm Thao: 700 triệu đồng; huyện Thanh Thủy: 220 triệu đồng; huyện Hạ Hoà: 50 triệu đồng), theo quy định ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%; Không bao gồm phí chợ (được ghi thu phản ánh qua ngân sách nhà nước theo quy định).

Tỉnh: Phú Thọ.

Phụ biểu số 06.

**SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH
CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Huyện, thành, thị	Tổng thu NSNN trên địa bàn theo phân cấp	Thu NS huyện được hưởng theo phân cấp	Dự toán chi ngân sách huyện	Số bổ sung từ NS cấp tỉnh cho NS huyện
1	Việt Trì	614,300	580,050	667,769	87,719
2	Phú Thọ	105,200	65,050	230,843	165,793
3	Phù Ninh	111,030	78,155	314,857	236,702
4	Lâm Thao	114,420	81,370	287,446	206,076
5	Tam Nông	61,800	42,858	321,541	278,683
6	Thanh Thủy	82,065	52,534	300,289	247,755
7	Đoan Hùng	126,010	82,752	406,411	323,660
8	Thanh Ba	78,045	50,688	382,343	331,655
9	Hạ Hòa	71,710	48,182	408,384	360,202
10	Cẩm Khê	49,120	37,213	479,487	442,274
11	Yên Lập	62,500	44,775	368,334	323,559
12	Thanh Sơn	80,800	54,425	506,125	451,700
13	Tân Sơn	23,600	15,800	342,432	326,632
Cộng		1,580,600	1,233,850	5,016,261	3,782,411

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2017
(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển						Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TĐTT	PTTH		
Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Định mức	Nghiệp vụ																
	TỔNG CỘNG	9,309,916	3,656,077	329,730	588,820	82,800	(341,890)	3,211,007	1,758,334	1,452,673	341,048	120,700	67,542	1,119,080	717,340	95,107	37,285	28,209		
A	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	329,730	329,730	329,730	588,820	82,800	(341,890)													
B	CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH	3,211,007	3,211,007	-				3,211,007	1,758,334	1,452,673	341,048	120,700	67,542	1,119,080	717,340	95,107	37,285	28,209		
I	CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ CỦA TỈNH	1,880,217	1,880,217	-				1,880,217	1,252,222	627,996	274,574	119,380	61,722	593,802	548,017	63,162	19,325	28,209		
1	Văn phòng UBND tỉnh	29,016	29,016	-				29,016	7,876	21,140	26,016	-	-	3,000	-	-	-	-		
-	Chi định mức QLNN	7,056	7,056	-				7,056	7,056	-	7,056			-						
-	Trung tâm Công báo -Tin học	820	820	-				820	820		820			-						
-	Chi các hoạt động nghiệp vụ	2,800	2,800	-				2,800		2,800	2,800			-						
-	Chi hoạt động của thường trực UBND tỉnh,	4,000	4,000	-				4,000		4,000	4,000			-						
-	Kinh phí xây dựng, hoàn thiện và rà soát các văn bản quy phạm pháp luật	140	140	-				140		140	140			-						
-	Chi duy trì cảnh quan môi trường khu vực UBND tỉnh	3,000	3,000	-				3,000		3,000	3,000			-						
-	Ban chỉ đạo phòng chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma tuý, mại dâm tỉnh	200	200	-				200		200	200			-						
-	Chi sửa chữa và mua sắm thiết bị, tài sản UBND tỉnh	1,000	1,000	-				1,000		1,000	1,000			-						
-	In và phát hành Công báo của tỉnh	3,000	3,000	-				3,000		3,000				3,000						
-	Chi hoạt động của Ban tiếp công dân,	500	500	-				500		500	500			-						
-	Chi cải tạo, nâng cấp và xây mới một số hạng mục công trình thuộc trụ sở làm việc của các cơ quan khu vực UBND tỉnh Phú Thọ.	4,000	4,000	-				4,000		4,000	4,000			-						
-	Chi cải tạo nhà ăn thành nhà làm việc	1,000	1,000	-				1,000		1,000	1,000			-						
-	Chi triển khai ứng dụng công nghệ thông tin (triển khai hệ thống một cửa điện tử tích hợp dịch vụ công trực tuyến; triển khai hệ thống quản lý văn bản và điều hành tích hợp chữ ký số ...).	500	500	-				500		500	500			-						
-	Chi khác	1,000	1,000	-				1,000		1,000	1,000			-						
2	Văn phòng HĐND tỉnh.	15,474	15,474	-				15,474	5,347	10,127	15,474	-	-	-	-	-	-	-		
-	Chi định mức	4,407	4,407	-				4,407	4,407	-	4,407			-						
-	Phụ cấp kiêm nhiệm đại biểu HĐND tỉnh	940	940	-				940	940	-	940			-						
-	Phụ cấp nghiên cứu tài liệu + công tác phi của các đại biểu cơ sở + Đặt báo + Tài liệu chuyên môn các đại biểu	500	500	-				500		500	500			-						
-	Chi các kỳ họp HĐND tỉnh	600	600	-				600		600	600			-						
-	Chi hỗ trợ đoàn đại biểu quốc hội	900	900	-				900		900	900			-						
-	Chi hoạt động của 4 ban của HĐND Tỉnh	1,000	1,000	-				1,000		1,000	1,000			-						
-	Chi các hoạt động giám sát, khảo sát.	1,000	1,000	-				1,000		1,000	1,000			-						
-	Chi hoạt động tiếp xúc cử tri	500	500	-				500		500	500			-						
-	Chi các hội nghị giao ban trong tỉnh	300	300	-				300		300	300			-						
-	Kinh phí xây dựng và rà soát các văn bản quy phạm pháp luật	160	160	-				160		160	160			-						
-	Chi hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh	2,500	2,500	-				2,500		2,500	2,500			-						

-	Kinh phí đảm bảo các hoạt động của HĐND theo mức chi của Nghị quyết 44/NQ-HĐND ngày 12/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ chi hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Phú Thọ	500	500	-				500	500	500				-			
-	Chi xây dựng bàn tin	200	200	-				200	200	200				-			
-	Kinh phí duy trì trang thông tin điện tử đoàn đại biểu quốc hội và HĐND tỉnh	500	500	-				500	500	500				-			

5	Trung tâm Tin học và Thông kê Khoa học và Công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	1,202	1,202	-				1,202	902	300	-	-	-	-	-	-	-
	Chi định mức	902	902	-				902	902	-							
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản.	300	300	-				300		300							
6	Trung tâm Kỹ thuật đo lường - thử nghiệm (Sở Khoa học và Công nghệ)	820	820	-				820	820	-							

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017															
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách														
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDĐT
	Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ											
7	Trung tâm ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	984	984	-				984	984	-							
8	Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	13,524	13,524	-				13,524	255	13,269	-	-	-	-	-	-	
	Chi định mức	255	255	-				255	255	-							
	Chi hoạt động nghiệp vụ của Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ	269	269	-				269		269							
	Chi nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	12,000	12,000	-				12,000		12,000							
	Bổ sung vốn điều lệ Quỹ phát triển khoa học công nghệ	1,000	1,000	-				1,000		1,000							
9	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	1,596	1,596	-				1,596	1,596		1,596						
10	Chi cục thú y	9,906	9,906	-				9,906	6,196	3,710	1,596						
	- Chi định mức biên chế QLNN	1,596	1,596	-				1,596	1,596		1,596						
	- Chi định mức biên chế sự nghiệp	4,510	4,510	-				4,510	4,510								
	- Chi kiểm tra vệ sinh thú y, công tác thú y thủy sản và phòng chống bệnh đại	600	600	-				600		600							
	- Phòng chống dịch diện rộng	2,000	2,000	-				2,000		2,000							
	- Kinh phí sửa chữa các trạm thú y: Cẩm Khê, Đoan Hùng	200	200	-				200		200							
	- Thuê trụ sở làm việc các trạm (Việt Trì, Thanh Thủy, Thanh Sơn, Tân Sơn, Hạ Hoà, Lâm Thao)	120	120	-				120		120							
	- Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-				500		500							
	- Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra	180	180	-				180	90	90							
	- Chi hoạt động nghiệp vụ tuyên truyền; chi phân tích mẫu thuốc và thức ăn chăn nuôi	200	200	-				200		200							
11	Văn phòng Chi cục bảo vệ thực vật	7,964	7,964	-				7,964	5,764	2,200	1,368						
	- Chi định mức biên chế QLNN	1,368	1,368	-				1,368	1,368		1,368						
	- Chi định mức biên chế sự nghiệp	4,346	4,346	-				4,346	4,346								
	- Chi kiểm tra, lấy mẫu thuốc, phân tích	150	150	-				150		150							
	- Hỗ trợ công tác tuyên truyền + Nghiệp vụ	200	200	-				200		200							
	- Kinh phí xây dựng mô hình kỹ thuật diệt chuột hại cây trồng	200	200	-				200		200							
	- Chi hoạt động kiểm dịch thực vật	150	150	-				150		150							
	- Chi thực hiện KH: Đẩy mạnh ứng dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trên cây trồng	500	500	-				500		500							
	- Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra	100	100	-				100	50	50							
	- Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-				500		500							
	- Chi hoạt động phòng trừ sâu bệnh+ duy trì bẫy đèn	450	450	-				450		450							
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	6,357	6,357	-				6,357	4,457	1,900	5,707						
	- Chi định mức biên chế	4,407	4,407	-				4,407	4,407		4,407						
	- Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg+Chi trang phục thanh tra + chi lấy mẫu kiểm tra, phân tích mẫu giống và phân bón	280	280	-				280	50	230	280						
	- Chi sửa chữa lớn trụ sở	500	500	-				500		500	500						
	- Chi duy trì trang thông tin điện tử	100	100	-				100		100	100						
	- Chi nghiệp vụ sở	220	220	-				220		220	220						
	- Chi sửa chữa thường xuyên tài sản cố định	200	200	-				200		200	200						
	- Ban chỉ đạo các chương trình nông nghiệp của tỉnh	200	200	-				200		200							
	- Chi cho công tác báo cáo tiền độ SX NLN	450	450	-				450		450							

13	Chi cục Đề điều và Phòng chống lụt bão	13,810	13,810	-			13,810	3,580	10,230	1,254	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức biên chế QLNN	1,254	1,254	-			1,254	1,254		1,254			-			
-	Chi định mức đội quản lý đê	2,296	2,296	-			2,296	2,296					-			
-	Tu bổ đê, kè công	5,000	5,000	-			5,000		5,000				-			
-	Cải tạo, sửa chữa nâng cấp kè	4,000	4,000	-			4,000		4,000				-			

		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017															
STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách														
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDĐT	PTTH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất		Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Định mức								
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	60	60	-				60	30	30							
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản và nghiệp vụ.	500	500	-				500		500							
-	Chi Ban chỉ huy phòng chống lụt bão: 400 triệu đồng; chi sửa chữa hạt Thanh Thủy: 300 triệu.	700	700	-				700		700							
14	Chi cục Thủy lợi	9,150	9,150	-				9,150	2,920	6,230	1,924	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức biên chế QLNN	1,824	1,824	-				1,824	1,824		1,824						
-	Định mức biên chế sự nghiệp	1,066	1,066	-				1,066	1,066								
-	Chi ban chỉ đạo, quản lý CTMT nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn	200	200	-				200	-	200							
-	Chi hoạt động tuyên truyền, kiểm tra chống úng, chống hạn, vệ sinh môi trường nông thôn.	300	300	-				300	-	300							
-	Chi sửa chữa + mua sắm tài sản	300	300	-				300		300							
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	60	60	-				60	30	30							
-	Chi nghiệp vụ.	400	400	-				400	-	400	100						
-	Duy tu sửa chữa thường xuyên các công trình cấp nước sinh hoạt do cộng đồng quản lý và các công trình thủy lợi.	5,000	5,000	-				5,000	-	5,000							
15	Chi cục Thủy sản	4,562	4,562	-				4,562	2,332	2,230	1,682	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức biên chế QLNN	1,482	1,482	-				1,482	1,482		1,482						
-	Chi định mức biên chế sự nghiệp	820	820	-				820	820								
-	Chi nghiệp vụ	200	200	-				200		200	200						
-	Hỗ trợ mua cá hậu bị giống mới để sản xuất cá bố mẹ, bảo tồn lưu giữ giống cá quý hiếm...	400	400	-				400		400							
-	Hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật sản xuất giống mới và cải tạo đàn cá bố mẹ cho các cơ sở sản xuất giống trên địa bàn	300	300	-				300		300							
-	Chi điều tra cảnh báo phòng trị bệnh dịch thủy sản (chỉ lấy mẫu, xét nghiệm, kiểm tra...); điều tra, lấy mẫu thức ăn phục vụ thanh tra chuyên ngành	200	200	-				200		200							
-	Chi sửa chữa nhà và mua sắm tài sản, thiết bị phục vụ chuyên môn	400	400	-				400		400							
-	Chi thực hiện quan trắc môi trường, lấy mẫu phân tích, xét nghiệp cảnh báo, phòng trị dịch bệnh thủy sản.	200	200	-				200		200							
-	Tổ chức thực hiện KH phát triển cá lồng thâm canh	200	200	-				200		200							
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	60	60	-				60	30	30							
-	Chi tuyên truyền khuyến khích phát triển thủy sản	300	300	-				300		300							
16	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	3,462	3,462	-				3,462	1,522	1,940	3,462	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức	1,482	1,482	-				1,482	1,482		1,482						
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	80	80	-				80	40	40	80						
-	Chi mua sắm thiết bị, tài sản, sửa chữa tài sản	300	300	-				300		300	300						
-	Chi xây dựng quản lý chuỗi cung cấp thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn.	600	600	-				600		600	600						
-	Chi giám sát chất lượng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông lâm thủy sản.	200	200	-				200		200	200						

-	Chi xúc tiến thương mại, kết nối doanh nghiệp, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm.	150	150	-				150		150	150			-			
-	Chi tổ chức các đoàn thanh tra liên ngành kiểm tra, giám sát cảnh báo nguy cơ mất an toàn thực phẩm.	300	300	-				300		300	300			-			
-	Chi nghiệp vụ tuyên truyền, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, phổ biến pháp luật về an toàn TP, lấy mẫu phân tích ...	350	350	-				350		350	350			-			
17	Chi cục Lâm nghiệp	2,110	2,110	-				2,110	1,520	590	1,770			-			

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017														
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách													
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên theo lĩnh vực									
				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDĐT
	Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	Định mức	Nghiệp vụ											
-	Chi định mức biên chế	1,140	1,140	-				1,140	1,140	-	1,140					
-	Chi định mức sự nghiệp	340	340	-				340	340	-						
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản cố định	150	150	-				150		150						
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra và chi nghiệp vụ quản lý lâm nghiệp.	480	480	-				480	40	440	480					
18	Chi cục phát triển nông thôn	3,305	3,305	-				3,305	2,135	1,170	2,535	-	-	-	-	-
-	Chi định mức QLNN	1,710	1,710	-				1,710	1,710	-	1,710					
-	Chi định mức sự nghiệp	425	425	-				425	425	-	425					
-	Chi nghiệp vụ	100	100	-				100		100	100					
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản cố định	300	300	-				300		300	300					
-	Kinh phí hội chợ làng nghề	200	200	-				200		200						
-	Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo CTMTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Phú Thọ: 200 triệu đồng; Kinh phí hoạt động của Văn phòng điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Phú Thọ: 200 triệu đồng.	400	400	-				400		400						
-	Chi kiểm tra, chỉ đạo làng nghề và thương công nhận làng nghề (3 làng x30tr); kiểm tra 20tr; tập huấn bồi dưỡng kiến thức cho Trưởng các làng nghề 60tr.	170	170	-				170		170						
19	Chi cục kiểm lâm	32,155	32,155	-				32,155	28,258	3,897	30,045					
-	Chi định mức	28,258	28,258	-				28,258	28,258	-	28,258					
-	Chi mua sắm tài sản	500	500	-				500		500	500					
-	Chi trang phục ngành và nghiệp vụ.	800	800	-				800	-	800	800					
-	Chi hỗ trợ công tác tuyên truyền PCCR.	360	360	-				360		360						
-	Chi hỗ trợ sửa chữa đường băng cản lửa.	200	200	-				200		200						
-	Chi mua sắm thiết bị.	300	300	-				300		300						
-	Bảo vệ rừng mùa khô hanh 139 xuất	250	250	-				250		250						
-	Chi trả nợ kinh phí xây dựng trụ sở làm việc	487	487	-				487		487	487					
-	Hỗ trợ sửa chữa các Hạt kiểm lâm: Tân Sơn, Phú Lâm, Việt Trì, Thanh Sơn; các hạt: Lai động, Phượng vĩ, Bến Sơn, Tam Cừu, Chí Tiên, Ngọc lập. (CC Kiểm Lâm).	1,000	1,000	-				1,000		1,000						
20	Vườn Quốc gia Xuân Sơn	4,910	4,910	-				4,910	3,910	1,000	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	3,910	3,910	-				3,910	3,910	-						
-	Kinh phí tuyên truyền tập huấn cho người dân về công tác phòng chống cháy rừng.	200	200	-				200		200						
-	Chi nghiệp vụ	300	300	-				300		300						
-	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản	500	500	-				500		500						
21	Ban quản lý rừng phòng hộ Sông Bứa	1,295	1,295	-				1,295	595	700	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức biên chế	595	595	-				595	595	-						
-	Chi nghiệp vụ và xây dựng đường băng cản lửa.	200	200	-				200		200						
-	Chi mua sắm, cải tạo, sửa chữa nhà làm việc.	500	500	-				500		500						
22	Ban quản lý rừng phòng hộ Ngòi Giành	1,505	1,505	-				1,505	805	700	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức biên chế	805	805	-				805	805	-						
-	Chi nghiệp vụ và xây dựng đường băng cản lửa.	200	200	-				200		200						
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản và thanh toán kinh phí sửa chữa nhà làm việc.	500	500	-				500		500						
23	Trung tâm khuyến nông	6,870	6,870	-				6,870	2,870	4,000	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	2,870	2,870	-				2,870	2,870	-						

-	Thông tin tuyên truyền	300	300	-				300		300				-			
-	Tham quan học tập	100	100	-				100		100				-			
-	Tập huấn, huấn luyện ...	500	500	-				500		500				-			
-	Tổ chức tuyên truyền nhân rộng mô hình thâm canh cải tạo vườn bưởi Đoàn hùng	200	200	-				200		200				-			
-	Kinh phí mua sắm tài sản phục vụ tuyên truyền	200	200	-				200		200				-			

		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách																
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển						Chi thường xuyên theo lĩnh vực									
			Tổng cộng	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TĐTT	PTTH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ								
-	XD mô hình trình diễn, khuyến nông, khuyến ngư	2,000	2,000	-				2,000	2,000									
-	Chi sửa chữa nhà làm việc và các công trình	500	500	-				500										
-	Chi hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm cho nông dân	200	200	-				200										
24	Trung tâm giống vật nuôi Phú Thọ	4,058	4,058	-				4,058	1,558	2,500	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức biên chế	1,558	1,558	-				1,558	1,558	-								
-	Chi tuyên truyền + nghiệp vụ	300	300	-				300		300								
-	Hỗ trợ sản xuất giống lợn gốc ông bà để sản xuất giống bố mẹ chất lượng	800	800	-				800		800								
-	Hỗ trợ sản xuất gà giống	300	300	-				300		300								
-	Chi mua sắm + sửa chữa tài sản	500	500	-				500		500								
-	Hỗ trợ sản xuất tinh dịch lợn	300	300	-				300		300								
-	Chi hỗ trợ cải tạo đàn bò bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo	300	300	-				300		300								
25	Ban quản lý dự án công trình xây dựng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	425	425	-				425	425	-								
26	Sở Nội vụ	6,412	6,412	-				6,412	4,632	1,780	6,412	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức	4,592	4,592	-				4,592	4,592	-	4,592							
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra	80	80	-				80	40	40	80							
-	Kinh phí thực hiện chương trình phát triển thanh niên giai đoạn 2015-2020	300	300	-				300		300	300							
-	Kinh phí triển khai thực hiện chính sách tỉnh giảm biên chế	500	500	-				500		500	500							
-	Chi nghiệp vụ	440	440	-				440		440	440							
-	Chi sửa chữa + mua sắm tài sản và duy trì mạng Lan	500	500	-				500		500	500							
27	Ban Tôn giáo	1,698	1,698	-				1,698	798	900	1,698	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức	798	798	-				798	798	-	798							
-	Chi nghiệp vụ	300	300	-				300		300	300							
-	Mua sắm tài sản	100	100	-				100		100	100							
-	Chi chúc mừng, thăm hỏi các tổ chức, chức việc, chức sắc tôn giáo	500	500	-				500		500	500							
28	Ban dân tộc	3,270	3,270	-				3,270	2,290	980	3,270	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức biên chế	2,260	2,260	-				2,260	2,260	-	2,260							
-	Cung cấp thông tin, tập huấn bồi dưỡng kiến thức và thăm hỏi người có uy tín theo QĐ 18/2011/QĐ-TTg	400	400	-				400		400	400							
-	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản	300	300	-				300		300	300							
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra	60	60	-				60	30	30	60							
-	Chi nghiệp vụ	250	250	-				250		250	250							
29	Ban thi đua khen thưởng	2,196	2,196	-				2,196	1,596	600	2,196	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức	1,596	1,596	-				1,596	1,596	-	1,596							
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200	-				200		200	200							
-	Các nhiệm vụ phục vụ thi đua khen thưởng	400	400	-				400		400	400							
30	Thanh tra tỉnh	7,738	7,738	-				7,738	5,688	2,050	7,738	-	-	-	-	-	-	
-	Chi theo định mức	4,920	4,920	-				4,920	4,920	-	4,920							
-	Chi trang phục thanh tra + Chi bồi dưỡng công chức thanh tra	868	868	-				868	468	400	868							
-	Thanh tra viên trực tiếp tiếp dân và xử lý đơn thư	300	300	-				300	300	-	300							
-	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản	300	300	-				300		300	300							
-	Kinh phí duy trì mạng Lan và trang thông tin điện tử	200	200	-				200		200	200							

-	Kinh phí trích cho thanh tra tỉnh để thực hiện các nội dung theo Thông tư Liên tịch số 90/2012/TTLT-BTC- TTCP ngày 30/5/2012 và Nghị quyết 29/2012/NQ-HĐND ngày 17/12/2012.	600	600	-				600		600	600			-			
-	Chi nghiệp vụ	550	550	-				550		550	550			-			
31	Trung tâm Thông tin tư liệu thanh tra (Thanh tra tỉnh)	1,452	1,452	-				1,452	902	550	1,452		-	-	-	-	-
-	Chi theo định mức	902	902	-				902	902	-	902			-			

		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017															
STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách														
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDĐT	PTTH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất		Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	Định mức								
-	Chi nghiệp vụ + duy trì thông tin điện tử + tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về khiếu nại tố cáo...	350	350	-				350		350	350						
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản.	200	200	-				200		200	200						
32	Sở Tài chính	11,534	11,534	-				11,534	7,884	3,650	11,534	-	-	-	-	-	-
-	Chi theo định mức	7,728	7,728	-				7,728	7,728	-	7,728						
-	Công bố giá hàng tháng và kiểm tra kê khai giá.	300	300	-				300		300	300						
-	Duy trì diện rộng hệ thống TABMIT....	500	500	-				500		500	500						
-	Kinh phí xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật	50	50	-				50		50	50						
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 52/2009/NĐ-CP, Nghị định số 04/2016/NĐ-CP về quản lý TSNN; Thông tư 123/2011/TT-BTC về việc quản lý, khai thác phần mềm quản lý, đăng ký tài sản nhà nước trong công tác kiểm tra, rà soát, đăng nhập dữ liệu tài sản nhà, đất, xe ô tô, tài sản khác 500tr trở lên; tài sản kết cấu giao thông đường bộ, TS ban QL dự án vào cơ sở dữ liệu quốc gia; triển khai thực hiện Quyết định số 08/2016/QĐ-TTg quy định việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung ...	400	400	-				400		400	400						
-	Kinh phí chi nghiệp vụ: Thực hiện Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 về thực hiện cs thu lợi phí; Thông tư liên tịch số 32/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính về theo dõi, đôn đốc thu hồi nợ, giao nhận và hoàn trả vốn đầu tư lưới điện hạ áp nông thôn; công tác quản lý tài chính doanh nghiệp.	300	300	-				300		300	300						
-	Chi hội đồng thẩm định bảng giá đất theo ND 44/2014/NĐ-CP ; Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể tính tiền sử dụng đất theo ND 45/2014/NĐ-CP; TT số 48/2012/TT-BTC; TT số 137/2010/TT-BTC; TT số 38/2014/TT-BTC theo quy định Luật Giá.	300	300	-				300		300	300						
-	Kinh phí duy trì mạng Lan, trang thông tin điện tử và công tác thống kê, lưu trữ tài chính	450	450	-				450		450	450						
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-				500		500	500						
-	Chi nghiệp vụ ngân.	550	550	-				550		550	550						
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra và nghiệp vụ.	456	456	-				456	156	300	456						
33	Sở Công thương	10,878	10,878	-				10,878	6,098	4,780	10,878	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	6,048	6,048	-				6,048	6,048	-	6,048						
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	100	100	-				100	50	50	100						
-	Chi hoạt động của Ban hội nhập kinh tế quốc tế	200	200	-				200		200	200						
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản, nâng cấp hệ thống điện của sở.	550	550	-				550		550	550						
-	Kinh phí bán giao lưới điện áp nông thôn (Ban quản lý RE II)+ Tổ chức thu hồi vốn Dự án năng lượng nông thôn.	200	200	-				200		200	200						
-	Chi xúc tiến thương mại, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ thương mại; Hỗ trợ tổ chức đưa hàng về nông thôn miền núi	600	600	-				600		600	600						

-	Chi BCD an toàn lưới điện cao áp (200 triệu); tập huấn kiến thức cho các CSSXKD (150 triệu); đánh giá tác động môi trường ngành công thương (150 triệu).	500	500	-				500		500	500			-			
-	Kinh phí quy hoạch phát triển Điện lực tỉnh Phú Thọ đến năm 2025 có xét đến năm 2030.	1,000	1,000	-				1,000		1,000	1,000			-			
-	Kinh phí tổ chức hội nghị ngành công thương và hội nghị khuyến công khu vực phía bắc năm 2017.	300	300	-				300		300	300			-			

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017															
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách														
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH
Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	Định mức	Nghiệp vụ													
-	Kinh phí quy hoạch Dự án thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Phú Thọ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (QĐ số 951/QĐ-UBND ngày 25/3/2011; QĐ số 1263/QĐ-UBND ngày 16/5/2012): 300 triệu; Dự án Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp tỉnh Phú Thọ đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (QĐ số 746/QĐ-UBND ngày 31/3/2016): 300 triệu.	600	600	-				600	600	600							
-	Chi nghiệp vụ ngành.	330	330	-			330	330	330								
-	Kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng đề án cơ sở dữ liệu ngành công thương.	450	450	-			450	450	450								
34	Sở Xây dựng	6,728	6,728	-			6,728	5,558	1,170	6,728							
-	Chi định mức	5,488	5,488	-			5,488	5,488	-	5,488							
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	140	140	-			140	70	70	140							
-	Kinh phí mua sắm tài, sửa chữa tài sản.	180	180	-			180		180	180							
-	Kinh phí mở lớp tập huấn văn bản pháp luật liên quan đến xây dựng	50	50	-			50		50	50							
-	Kinh phí điều tra, thu thập số liệu báo cáo thông kê ngành Xây dựng theo Thông tư 06/2012/TT-BXD ngày 10/10/2012 của Bộ Xây dựng.	150	150	-			150		150	150							
-	Kinh phí hoạt động của BCD thực hiện chính sách hỗ trợ về nhà ở đối với hộ nghèo.	200	200	-			200		200	200							
-	Chi nghiệp vụ.	220	220	-			220		220	220							
-	Kinh phí xác định, công bố chỉ số giá xây dựng năm 2017 theo TT số 02/2012/TT-BXD.	300	300	-			300		300	300							
35	Sở Giao thông vận tải	10,587	10,587	-			10,587	9,767	820	10,587							
-	Chi định mức	9,520	9,520	-			9,520	9,520	-	9,520							
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản.	300	300	-			300		300	300							
-	Chi nghiệp vụ ngành.	330	330	-			330		330	330							
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	437	437	-			437	247	190	437							
36	Sở Tư pháp.	7,997	7,997	-			7,997	4,324	3,673	7,997							
-	Chi định mức	4,294	4,294	-			4,294	4,294	-	4,294							
-	Chi công tác cải cách hành chính nhà nước và hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính	400	400	-			400		400	400							
-	Kinh phí duy trì tủ sách pháp luật (2triệu đồng/xã/năm; riêng huyện Tân Sơn: 2.5triệu đồng/xã/năm)	563	563	-			563		563	563							
-	Chi phục vụ công tác hành chính tư pháp: Mua biểu mẫu, sổ sách cấp hộ tịch cho các xã phường, thị trấn; quản lý khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp	400	400	-			400		400	400							
-	Kinh phí chi phục vụ công tác xây dựng thi hành văn bản quy phạm pháp luật; Công tác hành chính tư pháp;	300	300	-			300		300	300							
-	Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra, rà soát hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật	500	500	-			500		500	500							
-	Mua sắm, sửa chữa, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và sửa chữa trụ sở làm việc Sở Tư pháp.	350	350	-			350		350	350							

-	Kinh phí thực hiện Đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và đăng ký hộ tịch (cấp tỉnh)	300	300	-				300		300	300							
-	Chi nghiệp vụ.	330	330	-				330		330	330							
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	60	60	-				60	30	30	60							
-	Kinh phí tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật	500	500	-				500		500	500							
37	Sở Tài nguyên và Môi trường	25,164	25,164	-				25,164	4,524	20,640	4,737			-		-		-

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách															
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển						Chi thường xuyên theo lĩnh vực								
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDĐT	PTTH
	Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ												
-	Chi định mức	4.407	4.407	-				4.407	4.407	-	4.407							
-	Chi nghiệp vụ kiểm tra, giám sát, tuyên truyền, tập huấn nghiệp vụ ...	330	330	-				330		330	330							
-	Chính lý biến động đất đai.	1.000	1.000	-				1.000		1.000								
-	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2016-2020.	1.500	1.500	-				1.500		1.500								
-	Kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 cấp tỉnh.	800	800	-				800		800								
-	Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai của các tổ chức sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.	1.000	1.000	-				1.000		1.000								
-	Xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới, đo đạc thống kê chi tiết hiện trạng sử dụng đất nông, lâm trường quốc doanh trên địa bàn toàn tỉnh.	3.000	3.000	-				3.000		3.000								
-	Các hoạt động quản lý khoáng sản và thẩm định cấp quyền khai thác khoáng sản	200	200	-				200		200								
-	Xây dựng mạng lưới quan trắc động thái nước dưới đất vùng Lâm Thao.	500	500	-				500		500								
-	Kinh phí thực hiện dự án xây dựng CSDL tài nguyên môi trường.	1.000	1.000	-				1.000		1.000								
-	Kinh phí lập, thực hiện dự án điều tra hoá đất kỹ đầu tỉnh Phú Thọ.	2.000	2.000	-				2.000		2.000								
-	Kinh phí thực hiện dự án "Quy hoạch phân bố và bảo vệ tài nguyên nước tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2030".	2.000	2.000	-				2.000		2.000								
-	Các hoạt động quản lý tài nguyên nước - khí tượng thủy văn	100	100	-				100		100								
-	Quản lý thu thập, xử lý thông tin tài nguyên và môi trường.	1.000	1.000	-				1.000		1.000								
-	Duy trì trang thông tin + Xây dựng bản tin Tài nguyên môi trường	400	400	-				400		400								
-	Thực hiện mạng lưới quan trắc, phân tích, cảnh báo ô nhiễm môi trường giai đoạn 2016-2020.	500	500	-				500		500								
-	Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường tỉnh	100	100	-				100		100								
-	Phối hợp với các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh thực hiện chương trình bảo vệ môi trường	200	200	-				200		200								
-	Kinh phí điều tra, khảo sát, lập công bố danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.	1.000	1.000	-				1.000		1.000								
-	Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Phú Thọ đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030.	1.000	1.000	-				1.000		1.000								
-	Chi trang phục + Chế độ bồi dưỡng công chức thanh tra.	217	217	-				217	117	100								
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản của sở Tài nguyên	400	400	-				400		400								
-	Kinh phí đo đạc trích lục bản đồ đối với những nhà đầu tư không sử dụng ngân sách nhà nước đầu tư vào tỉnh Phú Thọ	100	100	-				100		100								
-	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của 11 huyện trên địa bàn tỉnh.	360	360	-				360		360								
-	Đề án cung cấp thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện đến 2020.	200	200	-				200		200								
-	Kinh phí thực hiện Dự án hệ thống mạng thông tin về Tài nguyên môi trường.	1.000	1.000	-				1.000		1.000								
-	Kinh phí xây dựng Đề án bảo vệ môi trường nông thôn tỉnh.	400	400	-				400		400								

		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách																
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển						Chi thường xuyên theo lĩnh vực									
			Tổng cộng	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDĐT	PTTH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ								
38	Chi cục quản lý đất đai	2,910	2,910	-				2,910	1,710	1,200	2,810	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức	1,710	1,710	-				1,710	1,710	-	1,710							
-	Chi tập huấn, tuyên truyền phổ biến Luật đất đai	200	200	-				200		200	200							
-	Chi xác định giá đất, thẩm định hồ sơ xác định giá đất làm căn cứ thu tiền SDD, tiền thuê đất của các huyện, thành, thị.	500	500	-				500		500	500							
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200	-				200		200	200							
-	Chi nghiệp vụ.	200	200	-				200		200	200							
-	Lập danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2017	100	100	-				100		100								
39	Chi cục Bảo vệ Môi trường	3,052	3,052	-				3,052	2,052	1,000	2,252	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức	2,052	2,052	-				2,052	2,052	-	2,052							
-	Chi nghiệp vụ.	100	100	-				100		100	100							
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	100	100	-				100		100	100							
-	Tuyên truyền phổ biến pháp luật về tài nguyên môi trường	200	200	-				200		200								
-	Xây dựng báo cáo chuyên đề hiện trạng môi trường; Kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường, thẩm định đánh giá tác động môi trường (ĐTM)	350	350	-				350		350								
-	Lấy mẫu, giám định các thông số môi trường phục vụ việc xác nhận hoàn thành các công trình xử lý môi trường trước khi đưa vào vận hành; Kiểm tra hiện trạng môi trường khu vực thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) ... Quản lý môi trường.	250	250	-				250		250								
40	Trung tâm Công nghệ thông tin - Sở Tài nguyên và Môi trường	1,295	1,295	-				1,295	595	700	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức	595	595	-				595	595	-								
-	Chi nghiệp vụ (hướng dẫn, kiểm tra, thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác dữ liệu tài nguyên môi trường tại Phòng Tài nguyên môi trường cấp huyện và cấp xã; tiếp nhận, xử lý, phân loại và xác định giá trị tài liệu về tài nguyên môi trường và chỉ cho hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin...)	500	500	-				500		500								
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200	-				200		200								
41	Trung tâm quan trắc bảo vệ môi trường	2,045	2,045	-				2,045	595	1,450	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức	595	595	-				595	595	-								
-	Chi nghiệp vụ	350	350	-				350		350								
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200	-				200		200								
-	Vận hành Trạm quan trắc môi trường không khí tự động	400	400	-				400		400								
-	Kinh phí sửa chữa, thay thế các linh kiện của Trạm quan trắc môi trường không khí tự động Theo văn bản quy định của Bộ Tài nguyên và môi trường.	500	500	-				500		500								
42	Trung tâm kỹ thuật công nghệ tài nguyên	1,685	1,685	-				1,685	935	750	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức	935	935	-				935	935	-								
-	Chi nghiệp vụ	450	450	-				450		450								
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-				300		300								
43	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	1,520	1,520	-				1,520	1,020	500	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức	1,020	1,020	-				1,020	1,020	-								
-	Chi nghiệp vụ trích lục bản đồ, trích sao hồ sơ địa chính, điều chỉnh hồ sơ biến động đất đai...	200	200	-				200		200								
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-				300		300								
44	Trung tâm phát triển quỹ đất	1,825	1,825	-				1,825	1,275	550	-	-	-	-	-	-	-	

-	Chi định mức	1,275	1,275	-				1,275	1,275	-				-			
-	Chi nghiệp vụ quản lý quỹ đất (Cảm mốc giới, đo đạc bản đồ, lập kế hoạch phương án khai thác sử dụng đất ...)	250	250	-				250		250				-			
-	Chi thực hiện nhiệm vụ đấu giá quyền sử dụng đất	-	-	-				-		-				-			
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-				300		300				-			
45	Quỹ Bảo vệ môi trường	2,455	2,455	-				2,455	255	2,200	-	-	-	-	-	-	-

		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																	
STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y tế	Văn hoá	TDĐT	PTTH		
					Chi đầu tư XD/CB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất		Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	Định mức									Nghiệp vụ	
-	Chi định mức	455	455	-				455	255	200									
-	Bổ sung vốn điều lệ Quỹ bảo vệ môi trường	2,000	2,000	-				2,000		2,000									
46	Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch	36,616	36,616	-				36,616	15,136	21,480	7,986	-	-	-	27,130	1,500	-		
*	Chi định mức	7,056	7,056	-				7,056	7,056	-	7,056								
*	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	100	100	-				100	50	50	100								
*	Chi nghiệp vụ ngành.	330	330	-				330		330	330								
*	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-				500		500	500								
*	Đoàn kịch	6,670	6,670	-				6,670	2,720	3,950	-	-	-	-	6,670	-	-		
-	Định mức	2,720	2,720	-				2,720	2,720	-					2,720				
-	Xây dựng tiết mục mới	500	500	-				500		500					500				
-	Chi biểu diễn miễn phí (62 buổi theo chỉ tiêu pháp lệnh).	500	500	-				500		500					500				
-	Hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp	200	200	-				200		200					200				
-	Chi cải tạo, sửa chữa nhà làm việc, nhà hội trường và xây dựng nhà kho Đoàn kịch nói.	1,500	1,500	-				1,500		1,500					1,500				
-	Chi mua sắm sửa chữa tài sản	500	500	-				500		500					500				
-	Chi bồi dưỡng luyện tập	400	400	-				400		400					400				
-	Dàn dựng, biểu diễn phục vụ các nhiệm vụ chính trị	200	200	-				200		200					200				
-	Tập huấn nâng cao trình độ nghệ thuật	150	150	-				150		150					150				
*	Đoàn chèo	6,580	6,580	-				6,580	3,230	3,350	-	-	-	-	6,580	-	-		
-	Định mức	3,230	3,230	-				3,230	3,230	-					3,230				
-	Xây dựng tiết mục mới	650	650	-				650		650					650				
-	Chi biểu diễn miễn phí (62 buổi theo chỉ tiêu pháp lệnh).	500	500	-				500		500					500				
-	Hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp	300	300	-				300		300					300				
-	Chi sửa chữa, mua sắm thiết bị	800	800	-				800		800					800				
-	Chi bồi dưỡng luyện tập	450	450	-				450		450					450				
-	Dàn dựng biểu diễn phục vụ các nhiệm vụ chính trị	300	300	-				300		300					300				
-	Bảo tồn lưu giữ phát huy di sản Hát Soan và di sản khác	200	200	-				200		200					200				
-	Tập huấn nâng cao trình độ nghệ thuật	150	150	-				150		150					150				
*	Nghiệp vụ Văn hóa thông tin	4,000	4,000	-				4,000		4,000					4,000				
*	Trung tâm Văn hóa thông tin (trong đó có 200 triệu chi nghiệp vụ).	2,280	2,280	-				2,280	2,080	200					2,280				
*	Chi nghiệp vụ công tác gia đình	600	600	-				600		600					600				
*	Hoạt động nghiệp vụ du lịch (bao gồm kinh phí chi hoạt động của Ban chỉ đạo phát triển du lịch 200tr).	1,200	1,200	-				1,200		1,200					1,200				
*	Kinh phí chi cho Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá (trong đó chi cho Ban chỉ đạo 200 triệu).	500	500	-				500		500					500				
*	Kinh phí quy hoạch phát triển du lịch tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2030; Sản xuất ấn phẩm giới thiệu về du lịch Phú Thọ; xây dựng 01 sản phẩm du lịch đặc trưng của tỉnh...	2,000	2,000	-				2,000		2,000					2,000				
*	Chương trình hợp tác phát triển 8 tỉnh Tây bắc mở rộng	500	500	-				500		500					500				
*	Kinh phí sửa chữa trụ sở làm việc của Sở Văn hóa.	1,000	1,000	-				1,000		1,000					1,000				
*	Kinh phí cải tạo, sửa chữa trụ sở Thư viện tỉnh (trong đó sửa chữa sân: 300 triệu đồng).	1,800	1,800	-				1,800		1,800					1,800				
*	Chi chuyển môn nghiệp vụ thể thao + tổ chức các hoạt động thể thao	1,500	1,500	-				1,500		1,500								1,500	

47	Bảo tàng Hùng Vương	4,150	4,150	-			4,150	1,600	2,550	-	-	-	-	-	4,150	-	-
-	Chi định mức	1,600	1,600	-			1,600	1,600	-				-		1,600		
-	Chi phí cho công tác kiểm kê, phân loại, bảo quản, tu sửa phục chế hiện vật, tư liệu ..	300	300	-			300		300				-		300		
-	Chi khảo sát khai quật di tích khảo cổ học: Tháp Xuân Ang, huyện Hạ Hòa + An Đạo Phú Ninh.	500	500	-			500		500				-		500		

-	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản	300	300	-				300	-	300				-		300		
-	Kinh phí tổ chức hội thảo và xuất bản tập sách âm nhạc kỷ niệm 20 năm tái lập tỉnh: 80 triệu; Tổ chức cuộc thi ảnh nghệ thuật "Vẻ đẹp tiềm ẩn quê hương con người Phú Thọ 2017: 70 triệu).																	
		150	150	-				150	-	150				-		150		
-	Hỗ trợ kinh phí trả nhuận bút	400	400	-				400	-	400				-		400		

		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																	
STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách														TDTT	PTTH	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực											
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá			
					Chi đầu tư XD/CB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ									
52	Tạp chí văn nghệ Đất Tỏ	1,996	1,996	-					1,996	1,346	650	-	-	-	-	-	1,996	-	-
-	Chi định mức	680	680	-					680	680	-						680		
-	Hỗ trợ trả nhuận bút Tạp chí văn nghệ Đất Tỏ và phụ san Tạp chí văn nghệ Đất Tỏ	666	666	-					666	666	-						666		
-	Cấp tạp chí văn hóa đất tổ cho các xã ĐBK+ATK: 100tr; Cấp tạp chí cho 301 đối tượng lãnh đạo trong tỉnh: 100tr.	200	200	-					200	200	-						200		
-	Kinh phí tổ chức cuộc thi vẽ đề tài "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" + tổ chức hội báo xuân + xuất bản các phụ trương ...	250	250	-					250	250	-						250		
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản.	200	200	-					200	200	-						200		
53	Hội Nhà báo	1,175	1,175	-					1,175	675	500	-	-	-	-	-	1,175	-	-
-	Chi định mức	425	425	-					425	425	-						425		
-	Chi giải thưởng hội nhà báo hàng năm: 150 triệu; Tổ chức hội báo xuân: 100 triệu.	250	250	-					250	250	-						250		
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản.	200	200	-					200	200	-						200		
-	Chi nghiệp vụ	300	300	-					300	300	-						300		
54	Trung tâm phát hành phim và chiếu bóng	8,254	8,254	-					8,254	5,454	2,800	-	-	-	-	-	8,254	-	-
-	Chi định mức biên chế	600	600	-					600	600	-						600		
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản máy móc, thiết bị.	300	300	-					300	300	-						300		
-	Chi mua sắm máy chiếu phim HD.	500	500	-					500	500	-						500		
-	Chi sửa chữa rạp Hoà Phong.	1,500	1,500	-					1,500	1,500	-						1,500		
-	Chi nghiệp vụ.	500	500	-					500	500	-						500		
-	Chi trợ giá các buổi chiếu phim miền núi 2.745.000đ x 1.616 buổi, phim thiếu nhi 126 buổi x 2.637.000đ + cấp bù kinh phí các buổi chiếu phim do nhà nước điều chỉnh chính sách tiền lương: 86 triệu.	4,854	4,854	-					4,854	4,854	-						4,854		
55	Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch	3,776	3,776	-					3,776	1,476	2,300	-	-	-	-	-	3,776	-	-
-	Chi định mức	1,476	1,476	-					1,476	1,476	-						1,476		
-	Chi nghiệp vụ	300	300	-					300	300	-						300		
-	Kinh phí chương trình xúc tiến du lịch tỉnh Phú Thọ năm 2017.	1,500	1,500	-					1,500	1,500	-						1,500		
-	Biên tập, in ấn phát hành Bản tin Du lịch Phú Thọ + in tờ rơi, tờ gấp quảng bá du lịch Phú Thọ	300	300	-					300	300	-						300		
-	Sửa chữa, mua sắm tài sản	200	200	-					200	200	-						200		
56	Trung tâm dịch vụ môi trường và Hạ tầng kỹ thuật khu Di tích lịch sử Đền Hùng	1,420	1,420	-					1,420	820	600	-	-	-	-	-	1,420	-	-
-	Chi định mức:	820	820	-					820	820	-						820		
-	Kinh phí duy tu, bảo dưỡng 20km đường thuộc Khu di tích lịch sử Đền Hùng quản lý.	600	600	-					600	600	-						600		
57	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	51,874	51,874	-					51,874	26,904	24,970	6,430	-	-	-	-	-	-	-
*	Chi quản lý nhà nước	6,430	6,430	-					6,430	5,600	830	6,430	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	5,600	5,600	-					5,600	5,600	-	5,600	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi hoạt động tuyên truyền chính sách người có công, bảo trợ xã hội ...	330	330	-					330	330	330	-					-		
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-					500	500	500	-					-		
*	Trung tâm Trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần	8,326	8,326	-					8,326	7,626	700	-					-		
-	Chi định mức	4,200	4,200	-					4,200	4,200	-						-		
-	Chi phụ cấp trực theo QĐ 73/2011/QĐ-TTg	426	426	-					426	426	-						-		

-	Trợ cấp các đối tượng theo ND 136/2013/ND-CP.	3,000	3,000	-				3,000	3,000	-				-			
-	Chi tuyên truyền tư vấn cho người tâm thần dựa vào cộng đồng.	300	300	-				300		300				-			
-	Chi mua sắm sửa chữa tài sản.	400	400	-				400		400				-			
*	Trung tâm giáo dục Lao động xã hội	9,084	9,084	-				9,084	8,684	400	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	5,200	5,200	-				5,200	5,200	-				-			

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017													
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách												
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên theo lĩnh vực								
				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá
	Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ									
-	Chi phụ cấp thu hút đặc thù (theo TT số 18/2004/TT-BLĐTBXH; QĐ số 4115/QĐ-UBND).	884	884	-				884	884	-					
-	Chi mua sắm sửa chữa tài sản.	400	400	-				400	400						
-	Kinh phí tổ chức cai nghiện cho đối tượng ma tuý tại trung tâm.	2,600	2,600	-				2,600	2,600	-					
*	Trung tâm điều dưỡng người có công	5,644	5,644	-				5,644	4,944	700	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	4,800	4,800	-				4,800	4,800	-					
-	Chi phụ cấp trực theo QĐ 73/2011/QĐ-TTg	144	144	-				144	144	-					
-	Chi mua sắm sửa chữa tài sản.	400	400	-				400	400						
-	Chi hỗ trợ đưa người có công đi điều dưỡng tập trung	300	300	-				300	300						
*	Nghiệp vụ ngành	600	600	-				600	600						
*	Thu gom các đối tượng lang thang	100	100	-				100	100						
*	Mai táng phí cựu Cựu chiến binh, thanh niên xung phong, quân nhân, dân công hỏa tuyến ... theo chế độ.	12,000	12,000	-				12,000	12,000						
*	Chi công tác an toàn vệ sinh lao động + phòng chống cháy nổ	200	200	-				200	200						
*	Các đoàn đi thăm viếng nghĩa trang liệt sĩ	600	600	-				600	600						
*	Chi quà các đối tượng chính sách tết +27/7+báo	1,100	1,100	-				1,100	1,100						
*	Hoạt động của ban chỉ đạo giải quyết việc làm	200	200	-				200	200						
*	Hỗ trợ hoạt động xuất khẩu lao động và tuyên truyền về xuất khẩu lao động	500	500	-				500	500						
*	Kinh phí chi công tác tuyên truyền, kiểm tra giám sát thực hiện đề án công tác xã hội	70	70	-				70	70						
*	Đưa đón các đối tượng đi điều dưỡng	400	400	-				400	400						
*	Kinh phí ký niệm ngày Thương binh liệt sỹ 27/7	500	500	-				500	500						
*	Thu thập, xử lý thông tin cung cầu lao động	350	350	-				350	350						
*	Kinh phí thực hiện đề án trợ giúp người khuyết tật	100	100	-				100	100						
*	Chi rà soát hộ nghèo (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)	250	250	-				250	250						
*	Chi ban chỉ đạo giảm nghèo	100	100	-				100	100						
*	Chi tổ chức hội thi giáo viên dạy nghề.	500	500	-				500	500						
*	Chi hoạt động của hội đồng trọng tài giải quyết tranh chấp lao động, hội nghị tuyên truyền, kiểm tra việc thực hiện bộ luật lao động tại các doanh nghiệp.	200	200	-				200	200						
*	Kinh phí thực hiện chương trình bảo vệ trẻ em tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016-2020; Chi nghiệp vụ chăm sóc trẻ em.	500	500	-				500	500						
*	Kinh phí thực hiện quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 28/6/2013 phê duyệt chương trình hành động vì trẻ em Phú Thọ giai đoạn 2013-2020	200	200	-				200	200						
*	Kinh phí thực hiện QĐ số 234/QĐ-TTg ngày 05/02/2016 của Thủ tướng CP về chương trình phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ em GD 2016-2020; Triển khai KH số 3673/KH-UBND ngày 29/8/2016 về phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ em tỉnh Phú Thọ. GD 2016-2020.	200	200	-				200	200						
*	Chi hoạt động bình đẳng giới và Ban chỉ đạo vì sự tiến bộ của phụ nữ	450	450	-				450	450						
*	Kinh phí thực hiện đề án 647/QĐ-TTg về chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt giai đoạn 2014-2020	300	300	-				300	300						

*	Chi các ban chỉ đạo các chương trình của ngành (người cao tuổi; dạy nghề; ...)	300	300	-				300		300				-			
*	Kinh phí chi cho các hoạt động quản lý đối tượng bảo trợ xã hội	200	200	-				200		200				-			
*	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	100	100	-				100	50	50				-			

		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách															
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên theo lĩnh vực											
				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y tế	Văn hoá	TDĐT	PTTH	
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất		Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	Định mức									Nghiệp vụ
*	Hỗ trợ kinh phí tiên ân và tiền đi lại cho trẻ em phẫu thuật tim bẩm sinh	50	50	-				50		50								
*	Kinh phí xây dựng công trình Kho lưu trữ và quản lý hồ sơ Người có công với cách mạng	1,070	1,070	-				1,070		1,070								
*	Các nhiệm vụ phát sinh khác	600	600	-				600		600								
*	Kinh phí quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Phú Thọ	200	200	-				200		200								
*	Kinh phí tổ chức mở các lớp kỹ năng nghề	150	150	-				150		150								
*	Kinh phí thực hiện KH số 87/KH-UBND ngày 12/01/2015 về Trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; KH số 880/KH-UBND về thúc đẩy sự tham gia của Trẻ em, GD 2016-2020:	300	300	-				300		300								
58	Chi cục phòng chống tệ nạn xã hội	2,418	2,418	-				2,418	1,368	1,050	1,868	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	1,368	1,368	-				1,368	1,368	-	1,368							
-	Chi nghiệp vụ tuyên truyền về phòng chống tệ nạn xã hội	300	300	-				300		300								
-	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản	200	200	-				200		200	200							
-	Hoạt động nghiệp vụ, kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình phòng chống ma túy; Công tác phòng chống ma túy	500	500	-				500		500								
-	Hoạt động nghiệp vụ tiếp nhận phụ nữ và trẻ em từ nước ngoài về	50	50	-				50		50								
59	Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Phú Thọ	500	500	-				500	300	200	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Định mức	300	300	-				300	300	-	-							
-	Kinh phí vận động tài trợ + tổ chức lễ trao quà và nghiệp vụ	200	200	-				200		200								
60	Trung tâm quản lý sau cai nghiện ma túy	2,749	2,749	-				2,749	2,549	200	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Định mức	1,300	1,300	-				1,300	1,300									
-	Chi phụ cấp thu hút đặc thù (theo QĐ số 73/2011/QĐ-TTg; QĐ số 4115/QĐ-UBND)	272	272	-				272	272									
-	Chi chế độ cho đối tượng sau cai nghiện theo TT 121/2010/TTLT BTC-BLĐTBXH ngày 12/8/2010	977	977	-				977	977									
-	Chi mua sắm sửa chữa tài sản	200	200	-				200		200								
61	Ban Quản lý các khu công nghiệp Phú Thọ	5,704	5,704	-				5,704	3,504	2,200	5,704	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức biên chế	3,164	3,164	-				3,164	3,164	-	3,164							
-	Định mức biên chế sự nghiệp	340	340	-				340	340	-	340							
-	Chi quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp	200	200	-				200		200	200							
-	Chi lập quy hoạch chi tiết các khu công nghiệp	1,000	1,000	-				1,000		1,000	1,000							
-	Chi nghiệp vụ xúc tiến đầu tư vào các khu công nghiệp + chi ứng dụng công nghệ thông tin quản lý khu Công nghiệp	800	800	-				800		800	800							
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200	-				200		200	200							
62	Sở Thông tin và truyền thông	8,815	8,815	-				8,815	5,137	3,678	8,815	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức biên chế	3,729	3,729	-				3,729	3,729	-	3,729							
-	Chi nhuận bút và nghiệp vụ phục vụ chuyên môn công giao tiếp điện tử	1,668	1,668	-				1,668	1,368	300	1,668							
-	Kinh phí duy trì trung tâm tích hợp dữ liệu	350	350	-				350	-	350	350							
-	Kinh phí sửa chữa trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ	300	300	-				300	-	300	300							
-	Kinh phí thực hiện kế hoạch tổng thể tuyên truyền bảo vệ chủ quyền của Việt nam ở biển Đông	450	450	-				450	-	450	450							

-	Kinh phí thực hiện đề án số 3935/ĐA-UBND ngày 05/10/2012 của UBND tỉnh về đề án phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2013-2020	500	500	-				500	-	500	500								
-	Kinh phí tập huấn, bồi dưỡng để nâng cấp đài truyền thanh theo kế hoạch số 3885/KH-UBND ngày 24/9/2013 của UBND tỉnh	200	200	-				200	-	200	200								

-	Kinh phí mua thuốc chống mối, khử trùng kho lưu trữ.	600	600	-				600	-	600	600			-			
-	Chi tập huấn công tác văn thư lưu trữ	300	300	-				300	-	300	300			-			
-	Kinh phí thực hiện tạo lập, chuyển đổi, số hóa thông tin tài liệu của văn phòng HĐND và UBND tỉnh (dữ liệu điện tử).	700	700	-				700	-	700	700			-			
-	Kinh phí chỉnh lý tài liệu còn tồn đọng tại các sở ngành, UBND các huyện.	1,000	1,000	-				1,000	-	1,000	1,000			-			

		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách															
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TĐTT	PTTH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ								
66	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp.	7,196	7,196	-				7,196	2,160	5,036	6,260	-	-	936	-	-	-	
-	Chi định mức	2,160	2,160	-				2,160	2,160	-	2,160	-	-	-	-	-	-	
-	Chi sự nghiệp khuyến công tỉnh Phú Thọ.	3,000	3,000	-				3,000	3,000	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản.	200	200	-				200	200	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Kinh phí thực hiện chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.	200	200	-				200	200	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi nghiệp vụ khuyến công	200	200	-				200	200	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Kinh phí đào tạo	936	936	-				936	936	-	-	936	-	-	-	-	-	
-	Chi chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.	500	500	-				500	500	-	-	-	-	-	-	-	-	
67	Công ty phát triển hạ tầng Khu công nghiệp	1,558	1,558	-				1,558	1,558	-	1,558	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức	1,558	1,558	-				1,558	1,558	-	1,558	-	-	-	-	-	-	
68	Trung tâm tư vấn đầu tư và dịch vụ Khu công nghiệp	600	600	-				600	600	-	600	-	-	-	-	-	-	
69	Trung tâm quy hoạch xây dựng Phú Thọ	1,224	1,224	-				1,224	1,224	-	1,224	-	-	-	-	-	-	
70	Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Phú Thọ (Sở Xây dựng)	864	864	-				864	864	-	864	-	-	-	-	-	-	
71	Trung tâm thông tin tư vấn tài sản và Dịch vụ Tài chính	2,566	2,566	-				2,566	1,066	1,500	2,566	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức	1,066	1,066	-				1,066	1,066	-	1,066	-	-	-	-	-	-	
-	Chi mua sắm + sửa chữa tài sản	200	200	-				200	200	-	200	-	-	-	-	-	-	
-	Chi tuyên truyền, tập huấn, cập nhật các chính sách kế toán tài chính, quản lý tài sản công	1,000	1,000	-				1,000	1,000	1,000	-	-	-	-	-	-	-	
-	Xây dựng bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2017	200	200	-				200	200	200	200	-	-	-	-	-	-	
-	Chi nghiệp vụ.	100	100	-				100	100	100	100	-	-	-	-	-	-	
72	Trung tâm xúc tiến đầu tư (Sở Kế hoạch và Đầu tư)	2,376	2,376	-				2,376	1,476	900	2,376	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức	1,476	1,476	-				1,476	1,476	-	1,476	-	-	-	-	-	-	
-	Chi đón tiếp các đoàn khách nước ngoài đến làm việc với tỉnh + chi nghiệp vụ	400	400	-				400	400	400	400	-	-	-	-	-	-	
-	Chi mua sắm + sửa chữa tài sản	300	300	-				300	300	300	300	-	-	-	-	-	-	
-	Phát hành bản tin Xúc tiến đầu tư	200	200	-				200	200	200	200	-	-	-	-	-	-	
73	Ban quản lý dự án Văn hoá thể thao và du lịch	1,030	1,030	-				1,030	680	350	1,030	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức	680	680	-				680	680	-	680	-	-	-	-	-	-	
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản + Nghiệp vụ	350	350	-				350	-	350	350	-	-	-	-	-	-	
74	Quý phát triển đất tỉnh Phú Thọ	590	590	-				590	340	250	590	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức biên chế	340	340	-				340	340	-	340	-	-	-	-	-	-	
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	50	50	-				50	-	50	50	-	-	-	-	-	-	
-	Chi nghiệp vụ + Phụ cấp cán bộ kiêm nhiệm	200	200	-				200	200	200	200	-	-	-	-	-	-	
75	Trung tâm Công nghệ thông tin Tây bắc	1,620	1,620	-				1,620	820	800	1,620	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức biên chế	820	820	-				820	820	-	820	-	-	-	-	-	-	
-	Mua sắm + sửa chữa tài sản	200	200	-				200	-	200	200	-	-	-	-	-	-	
-	Chi triển khai công tác ứng cứu khẩn cấp sự cố máy tính và mạng máy tính trong tỉnh và chi nghiệp vụ.	300	300	-				300	300	300	300	-	-	-	-	-	-	
-	Chi bổ sung hoạt động theo tiêu chí trung tâm vùng	300	300	-				300	300	300	300	-	-	-	-	-	-	
76	Phòng công chứng số 1	600	600	-				600	600	-	600	-	-	-	-	-	-	
77	Phòng công chứng số 2	450	450	-				450	450	-	450	-	-	-	-	-	-	
78	Trung tâm trợ giúp pháp lý:	2,660	2,660	-				2,660	1,760	900	2,660	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức biên chế	1,760	1,760	-				1,760	1,760	-	1,760	-	-	-	-	-	-	
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản + Máy trang phục cho trợ giúp viên pháp lý.	200	200	-				200	200	200	200	-	-	-	-	-	-	
-	Chi trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật.	200	200	-				200	200	200	200	-	-	-	-	-	-	

-	Chi công tác truyền thông về trợ giúp pháp lý; Chi trợ giúp pháp lý lưu động và các nghiệp vụ khác	500	500	-				500		500							
79	Trung tâm dịch vụ bản đầu giá tài sản:	475	475	-				475	375	100	475						
80	Văn phòng Ban an toàn giao thông tỉnh.	1,066	1,066	-				1,066	1,066	-	1,066						
81	Ban quản lý dự án xây dựng và bảo trì công trình giao thông	340	340	-				340	340	-	340						

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách															
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDĐT	PTTH
	Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ												
82	Trung tâm Công Giao tiếp điện tử Phú Thọ (Sở Thông tin và Truyền thông)	1,812	1,812	-				1,812	1,312	500	1,812	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức	1,312	1,312	-				1,312	1,312	-	1,312							
-	Chi đảm bảo an toàn an ninh thông tin mạng	100	100	-				100		100	100							
-	Chi hoạt động nghiệp vụ công giao tiếp điện tử.	200	200	-				200		200	200							
-	Mua sắm tài sản	200	200	-				200		200	200							
83	Trung tâm Thông tin tư vấn và Dịch vụ đối ngoại (Sở Ngoại vụ).	1,802	1,802	-				1,802	902	900	1,802	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức	902	902	-				902	902	-	902							
-	Chi mua sắm tài sản	200	200	-				200		200	200							
-	Chi hoạt động trang thông tin đối ngoại.	100	100	-				100		100	100							
-	Kinh phí thực hiện vận động tài trợ của các tổ chức phi chính phủ.	300	300	-				300		300	300							
-	Chi nghiệp vụ: Thông tin, tư vấn, tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn, ... về hoạt động đối ngoại.	300	300	-				300		300	300							
84	Trung tâm xúc tiến thương mại (Sở Công thương).	2,730	2,730	-				2,730	1,230	1,500	2,730	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức	1,230	1,230	-				1,230	1,230	-	1,230							
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-				300		300	300							
-	Chi xây dựng tài liệu xúc tiến thương mại	200	200	-				200		200	200							
-	Chi tham gia hội trợ xúc tiến thương mại các tỉnh; hỗ trợ chương trình đưa hàng Việt về nông thôn...	300	300	-				300		300	300							
-	Chi thực hiện Kế hoạch phát triển Thương mại điện tử tỉnh giai đoạn 2016-2020	500	500	-				500		500	500							
-	Xây dựng kế hoạch hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm trong nông nghiệp giai đoạn 2017-2020; hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến xuất khẩu...	200	200	-				200		200	200							
85	Văn phòng tỉnh uỷ	57,793	57,793	-				57,793	7,289	50,504	-	57,793	-	-	-	-	-	
*	Chi của Văn phòng tỉnh uỷ	10,262	10,262	-				10,262	7,289	2,973	-	10,262	-	-	-	-	-	
-	Chi theo định mức	6,890	6,890	-				6,890	6,890	-	6,890							
-	Phụ cấp cấp uỷ theo QĐ169 (55 BCH đảng bộ tỉnh)	399	399	-				399	399	-	399							
-	Chi nghiệp vụ công nghệ thông tin	250	250	-				250		250	250							
-	Chi nghiệp vụ về tài chính đảng	100	100	-				100		100	100							
-	Chi mở các lớp tập huấn nghiệp vụ (công tác tài chính đảng; Công nghệ thông tin lễ tân, khánh tiết; công tác văn thư, lưu trữ).	300	300	-				300		300	300							
-	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng	800	800	-				800		800	800							
-	Chi tiền ăn và các chế độ cho 3 cán bộ cơ yếu + trang phục cán bộ nghiệp vụ lễ tân	103	103	-				103		103	103							
-	Chi tuyên truyền phổ biến pháp luật , xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo	120	120	-				120		120	120							
-	Kinh phí tổ chức đi học tập trao đổi kinh nghiệm	300	300	-				300		300	300							
-	Mua sắm sửa chữa tài sản	1,000	1,000	-				1,000		1,000	1,000							
*	Chi nghiệp vụ khối Đảng	38,631	38,631	-				38,631		38,631	38,631							
-	Chi tặng thưởng đảng bộ trong sạch, vững mạnh	500	500	-				500		500	500							
-	Chi duy trì cảnh quan môi trường tỉnh uỷ	2,000	2,000	-				2,000		2,000	2,000							
-	Chi học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh	300	300	-				300		300	300							
-	Chi học tập nghị quyết Trung ương + Tỉnh.	3,000	3,000	-				3,000		3,000	3,000							
-	Chi khen thưởng của khối tỉnh uỷ	2,000	2,000	-				2,000		2,000	2,000							

-	Chi hoạt động các ban chỉ đạo của Tỉnh uỷ	900	900	-				900		900		900		-			
-	Chi tiếp các đoàn khách đến thăm và làm việc với tỉnh	1,500	1,500	-				1,500		1,500		1,500		-			
-	Chi đưa đón cán bộ lão thành cách mạng đi tham quan nghỉ mát	500	500	-				500		500		500		-			
-	Chi hoạt động của Thường trực Tỉnh uỷ + Ban Thường vụ.	4,500	4,500	-				4,500		4,500		4,500		-			
-	Chi tặng huy hiệu 40,50,60... năm tuổi Đảng	17,251	17,251	-				17,251		17,251		17,251		-			

		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách															
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDĐT	PTTH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ								
-	Chi xây dựng thẩm định đề án, văn bản, báo cáo trình Ban chấp hành, Ban thường vụ tỉnh uỷ	2,000	2,000	-	-	-	-	2,000	-	2,000	-	-	-	-	-	-		
-	Kinh phí thực hiện Kế hoạch số 148-KH/TU về Công nghệ thông tin.	680	680	-	-	-	-	680	-	680	-	-	-	-	-	-		
-	Chi các cuộc kiểm tra theo chương trình của tỉnh uỷ	300	300	-	-	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-		
-	Các nhiệm vụ phát sinh khỏi tỉnh uỷ	3,200	3,200	-	-	-	-	3,200	-	3,200	-	-	-	-	-	-		
*	Kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên khỏi tỉnh uỷ	2,500	2,500	-	-	-	-	2,500	-	2,500	-	-	-	-	-	-		
*	Chi báo tri mạng công nghệ thông tin của Tỉnh uỷ	400	400	-	-	-	-	400	-	400	-	-	-	-	-	-		
*	Chi sửa chữa trụ sở làm việc của Tỉnh uỷ.	6,000	6,000	-	-	-	-	6,000	-	6,000	-	-	-	-	-	-		
86	Ban Tổ chức	10,279	10,279	-	-	-	-	10,279	4,680	5,599	-	-	-	-	-	-		
-	Chi theo định mức	4,680	4,680	-	-	-	-	4,680	4,680	-	-	-	-	-	-	-		
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-	-	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-		
-	Chi nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng	350	350	-	-	-	-	350	-	350	-	-	-	-	-	-		
-	Chi dưỡng sức thăm hỏi	4,949	4,949	-	-	-	-	4,949	-	4,949	-	-	-	-	-	-		
87	Ban Tuyên giáo	7,520	7,520	-	-	-	-	7,520	4,410	3,110	-	-	-	-	-	-		
-	Chi theo định mức	4,160	4,160	-	-	-	-	4,160	4,160	-	-	-	-	-	-	-		
-	Chi hoạt động trung tâm, báo cáo viên, tuyên truyền viên: 200 triệu; Chi Ban chỉ đạo, bộ phận giúp việc cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh: 400tr.	600	600	-	-	-	-	600	-	600	-	-	-	-	-	-		
-	Kinh phí thực hiện các hội nghị giao ban ngành tuyên giáo: 100 triệu; tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ tuyên giáo cấp huyện: 40 triệu.	140	140	-	-	-	-	140	-	140	-	-	-	-	-	-		
-	Kinh phí thực hiện đề án 01 về tăng cường công tác nghiên cứu, điều tra, nắm bắt và định hướng dư luận xã hội tỉnh	250	250	-	-	-	-	250	-	250	-	-	-	-	-	-		
-	Chi thông tin sinh hoạt chi bộ, tuyên truyền viên	850	850	-	-	-	-	850	-	850	-	-	-	-	-	-		
-	Phụ cấp báo cáo viên theo hướng dẫn 06-HD/BTCTW-BTGTW	119	119	-	-	-	-	119	119	-	-	-	-	-	-	-		
-	Phụ cấp công tác viên dư luận xã hội theo Hướng dẫn số 06-HD/BTGTW	131	131	-	-	-	-	131	131	-	-	-	-	-	-	-		
-	Chi thực hiện đề án 04/TU về nâng cao chất lượng tuyên truyền miệng.	170	170	-	-	-	-	170	-	170	-	-	-	-	-	-		
-	Kinh phí tổ chức các đợt học Nghị quyết + chuyên đề	300	300	-	-	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-		
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-	-	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-		
-	Chi Ban chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại	200	200	-	-	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-		
-	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng	300	300	-	-	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-		
88	Ủy ban kiểm tra tỉnh uỷ	5,780	5,780	-	-	-	-	5,780	4,160	1,620	-	-	-	-	-	-		
-	Chi theo định mức	4,160	4,160	-	-	-	-	4,160	4,160	-	-	-	-	-	-	-		
-	Hội nghị triển khai công tác kiểm tra, giám sát nhiệm kỳ 2015-2020	70	70	-	-	-	-	70	-	70	-	-	-	-	-	-		
-	Chi công tác phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra tỉnh uỷ và các ban xây dựng đảng tỉnh, Tòa án tỉnh, Viện Kiểm sát tỉnh ...	300	300	-	-	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-		
-	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng	300	300	-	-	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-		
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-	-	-	-	300	-	300	-	-	-	-	-	-		
-	Chi thực hiện công tác kiểm tra, tập huấn, giám sát của 11 thành viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh uỷ.	450	450	-	-	-	-	450	-	450	-	-	-	-	-	-		
-	Chi công tác xuất bản báo tin công tác kiểm tra, giám sát của Tỉnh uỷ Phú thọ.	200	200	-	-	-	-	200	-	200	-	-	-	-	-	-		
89	Ban Dân vận	4,560	4,560	-	-	-	-	4,560	2,860	1,700	-	-	-	-	-	-		

-	Chi theo định mức	2,860	2,860	-				2,860	2,860	-		2,860		-			
-	Mua tạp chí Dân vận, bản tin tôn giáo	100	100	-				100		100		100		-			
-	Chi hoạt động Ban chỉ đạo của đảng về Quy chế dân chủ, công tác tôn giáo.	400	400	-				400		400		400		-			
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-				300		300		300		-			
-	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng	200	200	-				200		200		200		-			

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017															
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách														
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDĐT	PTTH
Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	Định mức	Nghiệp vụ													
-	Chi xây dựng, biên tập, in ấn phát hành cuốn: Thông tin công tác dân vận tỉnh Phú Thọ	350	350	-				350		350							
-	Chi tổ chức các hội nghị; Thực hiện các nghị quyết, Quyết định, Chương trình của tỉnh uỷ về công tác dân vận	250	250	-				250		250							
-	Chi hoạt động của Ban chỉ đạo điều hành phối hợp hoạt động công tác dân vận.	100	100	-				100		100							
90	Báo Phú Thọ	14,518	14,518	-				14,518	5,455	9,063	-	14,518					
-	Chi theo định mức	5,200	5,200	-				5,200	5,200	-		5,200					
-	Hỗ trợ chi 3 hợp đồng theo kết luận của Thường trực Tỉnh uỷ	255	255	-				255	255	-		255					
-	Xuất bản đặc san tin ảnh Phú Thọ miền núi	600	600	-				600		600							
-	Chi nhuận bút các loại báo + Báo biểu (Báo thường 330 tờ x 260 ký x 1200đ; Báo cuối tuần 330 tờ x 51 ký x 1800đồng)	5,247	5,247	-				5,247		5,247		5,247					
-	In màu trang 1 và trang 4 (7.454 tờ x 5 số /tuần x 52 tuần x 396đồng / tờ)	767	767	-				767		767		767					
-	Bổ sung kinh phí cước phát hành các ấn phẩm Báo Phú Thọ	1,548	1,548	-				1,548		1,548		1,548					
-	Chi hỗ trợ tổ chức kỷ niệm 55 năm ngày xuất bản số đầu tiên và in sách những tác phẩm xuất sắc của phóng viên Báo Phú Thọ + Tổ chức hội thảo báo Đảng các tỉnh phía bắc.	300	300	-				300		300		300					
-	Chi sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, vật tư dùng cho công tác chế bản.	600	600	-				600		600		600					
91	Ban Nội chính	4,730	4,730	-				4,730	2,730	2,000	-	4,730					
-	Chi theo định mức	2,730	2,730	-				2,730	2,730	-		2,730					
-	Mở các lớp tập huấn tuyên truyền về phòng chống tham nhũng tại các huyện, thành, thị	100	100	-				100		100		100					
-	Chi nghiệp vụ công tác xây dựng đảng	200	200	-				200		200		200					
-	Chi tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật + Chi xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo, tiếp công dân	200	200	-				200		200		200					
-	Nâng cấp và duy trì trang thông tin điện tử	100	100	-				100		100		100					
-	Chi hoạt động của Ban chỉ đạo cải cách tư pháp tỉnh	300	300	-				300		300		300					
-	Biên tập, in ấn, phát hành cuốn Bản tin Nội chính và Phòng chống tham nhũng	250	250	-				250		250		250					
-	Chi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát về lĩnh vực nội chính và Phòng chống tham nhũng.	150	150	-				150		150		150					
-	Mua tin tố cáo về tham nhũng	100	100	-				100		100		100					
-	Chi thực hiện các cuộc kiểm tra, rà soát các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội của Ban thường vụ Tỉnh uỷ.	300	300	-				300		300		300					
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-				300		300		300					
92	Đảng uỷ khối các cơ quan tỉnh	7,227	7,227	-				7,227	3,147	4,080	-	7,227					
-	Chi theo định mức	2,990	2,990	-				2,990	2,990	-		2,990					
-	Chi phụ cấp cấp uỷ theo QĐ169-QĐ/TW	157	157	-				157	157	-		157					
-	Chi khen thưởng cơ sở	120	120	-				120		120		120					
-	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng (Các lớp cảm tình đảng và lớp Đảng viên mới ..., chi kiểm tra, giám sát và bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng).	400	400	-				400		400		400					
-	Chi hoạt động Ban chỉ đạo cơ quan văn hoá quy chế dân chủ, học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; xã hội hoá học tập	100	100	-				100		100		100					
-	Hoạt động của hội Cựu chiến binh.	70	70	-				70		70		70					
-	Hoạt động của Đoàn thanh niên	70	70	-				70		70		70					

-	Hoạt động của Công đoàn viên chức	70	70	-				70		70		70		-			
-	Kinh phí triển khai các Nghị quyết TW, Tỉnh và của Đảng ủy khối.	200	200	-				200		200		200		-			
-	Chi xây dựng, thẩm định đề án, các báo cáo... trình Ban chấp hành, Ban thường vụ theo quy định số 12-QĐ/TU ngày 07/10/2010 của Tỉnh ủy	100	100	-				100		100		100		-			

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách															
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên theo lĩnh vực											
				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDĐT	PTTH	
	Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	Định mức	Nghiệp vụ													
-	Kinh phí chi cho công nghệ thông tin	70	70	-				70		70								
-	Chi cho các đoàn kiểm tra, giám sát theo quy định số 12/QĐ-TU	80	80	-				80		80								
-	Mua sắm và sửa chữa tài sản	300	300	-				300		300								
-	Chi mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho các chi đảng bộ cơ sở + Tổ chức hội nghị báo cáo viên giỏi năm 2017.	200	200	-				200		200								
-	Kinh phí tổ chức đại hội Cựu chiến binh khối lần thứ V (Nhiệm kỳ 2017-2022).	300	300	-				300		300								
-	Kinh phí tổ chức đại hội Đoàn Thanh niên khối lần thứ IX (Nhiệm kỳ 2017-2022).	300	300	-				300		300								
-	Kinh phí tổ chức đại hội Công đoàn viên chức (Nhiệm kỳ 2017-2022).	100	100	-				100		100								
-	Kinh phí xây dựng kho lưu trữ.	1,500	1,500	-				1,500		1,500								
-	Chi bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho đối tượng 4	100	100	-				100		100								
93	Đảng uỷ khối doanh nghiệp	6,974	6,974	-				6,974	4,374	2,600	-	6,974	-	-	-	-	-	-
-	Chi theo định mức	2,990	2,990	-				2,990	2,990	-	-	2,990	-	-	-	-	-	-
-	Chi phụ cấp cấp uỷ theo 169 của các doanh nghiệp trực thuộc	1,384	1,384	-				1,384	1,384	-	-	1,384	-	-	-	-	-	-
-	Chi khen thưởng cơ sở	120	120	-				120		120		120	-	-	-	-	-	-
-	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng (Các lớp cảm tình đảng và lớp Đảng viên mới ..., chi kiểm tra, giám sát và bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng).	400	400	-				400		400		400	-	-	-	-	-	-
-	Chi hoạt động Ban chỉ đạo cơ quan văn hoá quy chế dân chủ, học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; xã hội hoá học tập, Ban chỉ đạo phát triển tổ chức đảng trong Doanh nghiệp	100	100	-				100		100		100	-	-	-	-	-	-
-	Hoạt động của hội Cựu chiến binh	70	70	-				70		70		70	-	-	-	-	-	-
-	Hoạt động của Đoàn thanh niên	70	70	-				70		70		70	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí triển khai các Nghị quyết TW, Tỉnh và đảng bộ khối.	200	200	-				200		200		200	-	-	-	-	-	-
-	Chi xây dựng, thẩm định đề án, các báo cáo ... trình BCH, BTV theo quy định số 12-QĐ/TU ngày 07/10/2010 của Tỉnh uỷ	100	100	-				100		100		100	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí chi cho công nghệ thông tin	70	70	-				70		70		70	-	-	-	-	-	-
-	Cho cho các đoàn kiểm tra, giám sát theo quy định số 12/QĐ-TU	80	80	-				80		80		80	-	-	-	-	-	-
-	Chi mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho các chi đảng bộ cơ sở	160	160	-				160		160		160	-	-	-	-	-	-
-	Mua sắm và sửa chữa tài sản	300	300	-				300		300		300	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí tổ chức đại hội Cựu chiến binh khối lần thứ III (Nhiệm kỳ 2017-2022).	240	240	-				240		240		240	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí tổ chức đại hội Đoàn Thanh niên khối lần thứ III (Nhiệm kỳ 2017-2022).	280	280	-				280		280		280	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí tổ chức Lễ kỷ niệm 10 năm thành lập Đảng bộ khối doanh nghiệp.	250	250	-				250		250		250	-	-	-	-	-	-
-	Kinh phí tổ chức hội nghị Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam (30 triệu); tổ chức hội nghị đối thoại giữa Doanh nghiệp với Lãnh đạo UBND tỉnh (30 triệu).	60	60	-				60		60		60	-	-	-	-	-	-
-	Chi bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho đối tượng 4	100	100	-				100		100		100	-	-	-	-	-	-
94	Ban Bảo vệ sức khỏe	9,144	9,144	-				9,144	4,594	4,550	-	-	-	-	9,144	-	-	-
-	Chi định mức	1,300	1,300	-				1,300	1,300	-	-	-	-	-	1,300	-	-	-
-	Chi định mức sự nghiệp	3,250	3,250	-				3,250	3,250	-	-	-	-	-	3,250	-	-	-

-	Chi khám sức khoẻ định kỳ	600	600	-				600		600				-	600			
-	Mời giáo sư hội chẩn	650	650	-				650		650				-	650			
-	Chi trợ cấp thường xuyên đối với Cán bộ nguyên UV TƯ đảng khoá II,III và cán bộ hoạt động Cách mạng trước 01/1/1945 bị bệnh hiểm nghèo	44	44	-				44	44	-				-	44			
-	Sửa chữa nhà làm việc thành khu điều trị	2,000	2,000	-				2,000		2,000				-	2,000			

		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách																
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển						Chi thường xuyên theo lĩnh vực									
			Tổng cộng	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y tế	Văn hoá	TDĐT	PTTH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ								
-	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản (có 300 triệu mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm dạy nghề và giới thiệu việc làm phụ nữ)	500	500	-				500	-	500		500	-					
-	Hỗ trợ kinh phí cho "Quỹ hỗ trợ phụ nữ nghèo"	2,000	2,000	-				2,000	-	2,000		2,000	-					
-	Kinh phí cài tạo, nâng cấp công trình phụ trợ	1,000	1,000	-				1,000	-	1,000		1,000	-					
-	Kinh phí tổ chức đoàn đại biểu phụ nữ đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc T3/2017 + Tuyên truyền tập huấn, quán triệt Nghị quyết Đại hội Phụ nữ Việt Nam, tỉnh, điều lệ hội; Tổng kết 10 năm Nghị quyết 11/NQ-TW; sơ kết 5 năm ND 56/2012/ND-CP,...	600	600	-				600	-	600		600	-					
-	Kinh phí tham gia cuộc thi do Trung ương hội chi đạo "Dọc đường công tác hội"; "Sáng tác biểu trưng về nông thôn mới".	150	150	-				150	-	150		150	-					
-	Kinh phí thực hiện Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2027"; Đề án "Tuyên truyền giáo dục, vận động phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ trong tình hình mới".	500	500	-				500	-	500		500	-					
-	Chi nghiệp vụ.	100	100	-				100	-	100		100	-					
-	Kinh phí tổ chức các hoạt động kết nghĩa với Bộ đội Biên phòng tỉnh Lai Châu.	200	200	-				200	-	200		200	-					
-	Đề án đào tạo bồi dưỡng cán bộ hội Liên hiệp phụ nữ giai đoạn 2013-2017 (Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương)	134	134	-				134	-	134		134	-					
100	Mặt trận tổ quốc	8,534	8,534	-				8,534	3,884	4,650	-	-	8,534	-	-	-	-	
-	Chi định mức	3,782	3,782	-				3,782	3,782	-		3,782	-					
-	Kinh phí tổ chức học tập Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và Nghị quyết Đại hội đảng toàn quốc lần thứ XII + Tập huấn triển khai Luật MTTQ Việt Nam (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành.	300	300	-				300	-	300		300	-					
-	Kinh phí hoạt động của Ủy ban mặt trận tổ quốc cấp tỉnh và hỗ trợ sinh hoạt phí theo quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 28/5/2014	252	252	-				252	102	150		252	-					
-	Chi triển khai công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; tổ chức thực hiện Đề án đổi mới nâng cao chất lượng cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết XD nông thôn mới, đô thị văn minh"; triển khai cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; tổ chức ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc; tổ chức tập huấn, hướng dẫn quy trình giám sát, kiểm tra, tổ chức đoàn giám sát, tổ chức tiếp xúc, đối thoại với người đứng đầu cấp ủy các cấp với nhân dân; tổ chức nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận trong nhân dân; tổ chức HD của hội đồng tư vấn và công tác tham gia xây dựng chính sách pháp luật; triển khai thực hiện quy chế dân chủ; hoạt động thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư công cộng và các hoạt động khác.	700	700	-				700	-	700		700	-					
-	Kinh phí triển khai các nhiệm vụ thực hiện chương trình phối hợp với các sở, ban ngành	700	700	-				700	-	700		700	-					
-	Chi xuất bản cuốn thông tin công tác mặt trận; Triển khai cuộc vận động "người Việt nam dùng hàng Việt Nam";	500	500	-				500	-	500		500	-					
-	Kinh phí hoạt động của Ủy ban đoàn kết công giáo tỉnh	600	600	-				600	-	600		600	-					

		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách															
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển						Chi thường xuyên theo lĩnh vực								
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDĐT	PTTH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ								
-	Chi ban chỉ đạo toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư	200	200	-				200	-	200			200	-				
-	Kinh phí tổ chức đại hội Ủy ban Đoàn kết công giáo nhiệm kỳ 2017-2022.	300	300	-				300	-	300			300	-				
-	Kinh phí tổ chức hội nghị đánh giá 10 năm trong công tác triển khai "Phụng dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng".	150	150	-				150	-	150			150	-				
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản và các nghiệp vụ khác	550	550	-				550	-	550			550	-				
101	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh	1,509	1,509	-				1,509	684	825	-	-	1,509	-	-	-	-	
-	Chi định mức	684	684	-				684	684	-			684	-				
-	Hỗ trợ kinh phí hoạt động 9 hội thành viên (25 triệu đồng /1 hội)	225	225	-				225		225			225	-				
-	Kinh phí tổ chức các hội nghị và thông tin tuyên truyền; vận động viên trợ phi chính phủ và chi phí nghiệp vụ khác	400	400	-				400		400			400	-				
-	Chi mua sắm trang thiết bị + sửa chữa tài sản	200	200	-				200		200			200	-				
102	Hội nông dân	7,467	7,467	-				7,467	3,597	3,870	-	-	7,467	-	-	-	-	
-	Chi định mức	3,172	3,172	-				3,172	3,172	-			3,172	-				
-	Chi theo định mức sự nghiệp (thuộc Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ việc làm).	425	425	-				425	425	-			425	-				
-	Kinh phí tổ chức tập huấn thực hiện Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 quy định về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân.	300	300	-				300		300			300	-				
-	Chi các hội nghị tập huấn, triển khai xây dựng mô hình kinh tế tập thể theo nghị quyết của tỉnh uỷ về xây dựng nông thôn mới + Thực hiện quy chế giám sát, phân biện xã hội.	400	400	-				400		400			400	-				
-	Hỗ trợ kinh phí hoạt động ban chỉ đạo giải quyết khiếu nại tố cáo của nông dân theo Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ; Ban chỉ đạo triển khai kết luận 61 và quyết định 673 cấp tỉnh	200	200	-				200		200			200	-				
-	Kinh phí tổ chức hội nghị giao ban cụm + Tham gia các Hội nghị do TW tổ chức.	200	200	-				200		200			200	-				
-	Kinh phí vận hành Trang thông tin điện tử Hội nông dân + In cuốn thông tin công tác hội.	50	50	-				50		50			50	-				
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200	-				200		200			200	-				
-	Quỹ hỗ trợ nông dân	2,000	2,000	-				2,000		2,000			2,000	-				
-	Tổ chức hội nghị tổng kết phong trào Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi và hộ nghèo vượt khó các cấp.	220	220	-				220		220			220	-				
-	Chi tổ chức hội thi Nhà nông đua tài toàn quốc lần thứ IV/2017.	300	300	-				300		300			300	-				
103	Hội cựu chiến binh	3,058	3,058	-				3,058	1,708	1,350			3,058	-				
-	Chi định mức	1,708	1,708	-				1,708	1,708	-			1,708	-				
-	Kinh phí chi nghiệp vụ chuyên môn	200	200	-				200		200			200	-				
-	Kinh phí triển khai các hội nghị và các hoạt động khác	300	300	-				300		300			300	-				
-	Hỗ trợ kinh phí đi đư các hội nghị do trung ương tổ chức	150	150	-				150		150			150	-				
-	Kinh phí tổ chức đại hội nhiệm kỳ 2017-2022	500	500	-				500		500			500	-				
-	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản	200	200	-				200		200			200	-				
104	Liên minh HTX	5,837	5,837	-				5,837	1,824	4,013			5,624	213				
-	Chi định mức	1,824	1,824	-				1,824	1,824	-			1,824	-				
-	Hỗ trợ chi nghiệp vụ	200	200	-				200		200			200	-				

-	Xây dựng và phát hành Bản tin kinh tế tập thể	100	100	-				100		100			100	-			
-	Kinh phí hoạt động ban đổi mới và phát triển kinh tế tập thể	100	100	-				100		100			100	-			
-	Bổ sung vốn điều lệ cho quỹ phát triển hợp tác xã	2,000	2,000	-				2,000		2,000			2,000	-			

-	Chi công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về khoa học - công nghệ, đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho Hội thành viên và người dân.	280	280	-					280	280			280	-			
-	Chi hoạt động các hội thi sáng tạo kỹ thuật (Liên hiệp các hội Khoa học - Kỹ thuật)	900	900	-					900	900				-			
-	Chi tổ chức Đại hội Hội liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh lần thứ III, giai đoạn 2017-2022.	400	400	-					400	400			400	-			
-	Chi mua sắm + sửa chữa tài sản.	300	300	-					300	300			300	-			

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017															
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách														
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực									
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDĐT
	Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ											
110	Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh Phú Thọ	230	230	-				230	130	100			230	-			
111	Hội bảo trợ người tàn tật và trẻ em mồ côi tỉnh Phú Thọ	245	245	-				245	195	50			245	-			
112	Hội người mù	360	360	-				360	260	100	-	-	360	-	-	-	
-	Chi định mức và nghiệp vụ.	360	360	-				360	260	100			360	-			
113	Hội luật gia	180	180	-				180	130	50			180	-			
114	Hội nạn nhân chất độc da cam/đioxin	180	180	-				180	130	50			180	-			
115	Hội sinh vật cảnh và làm vườn	524	524	-				524	374	150	-	-	524	-	-	-	
-	Chi định mức và nghiệp vụ.	524	524	-				524	374	150			524	-			
116	Sở Giáo dục và Đào tạo	58,135	58,135	-				58,135	5,986	52,149	-	-	58,135	-	-	-	
-	Chi định mức	5,936	5,936	-				5,936	5,936	-			5,936	-			
-	Chi bồi dưỡng công chức thanh tra và trang phục thanh tra.	100	100	-				100	50	50			100	-			
-	Chi nghiệp vụ.	330	330	-				330		330			330	-			
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-				500		500			500	-			
-	Chi nghiệp vụ (tổ chức các cuộc thi, kỳ thi; bồi dưỡng đội ngũ; chi các ban chỉ đạo; các hội nghị, tập huấn; chi nghiên cứu đề tài khoa học cấp ngành; chi mua phôi bằng tốt nghiệp; chi biên soạn tài liệu; trang thiết bị, văn phòng phẩm phục vụ các kỳ thi và công tác chuyên môn...)	15,869	15,869	-				15,869		15,869			15,869	-			
-	Chi mua sắm thiết bị phòng học bộ môn vật lý, hóa học, sinh học, ngoại ngữ cho các trường trung học xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia.	6,000	6,000	-				6,000		6,000			6,000	-			
-	Chi học bổng cho học sinh THPT đạt giải theo qui định của tỉnh.	700	700	-				700		700			700	-			
-	Chi thực hiện nhiệm vụ duy trì phổ cập các cấp	1,000	1,000	-				1,000		1,000			1,000	-			
-	Chi thực hiện kế hoạch dạy và học ngoại ngữ, chi mua thiết bị dạy học cho giáo dục phổ thông theo kế hoạch 3132/KH-UBND ngày 13/9/2011 của UBND tỉnh, giai đoạn 2011-2020.	6,000	6,000	-				6,000		6,000			6,000	-			
-	Chi ứng dụng công nghệ thông tin phần mềm quản lý thư viện; nâng cấp, xây dựng, kết nối hệ thống thông tin quản lý trường học và các hoạt động giáo dục...	3,700	3,700	-				3,700		3,700			3,700	-			
-	Chi mua thiết bị, đồ chơi ngoài trời cho các trường mầm non và bổ sung thiết bị cho các lớp mầm non 5 tuổi để xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, duy trì phổ cập và chương trình giáo dục mầm non mới.	9,500	9,500	-				9,500		9,500			9,500	-			
-	Chi khác giáo dục	5,000	5,000	-				5,000		5,000			5,000	-			
-	Kinh phí khen thưởng thi đua của ngành	3,500	3,500	-				3,500		3,500			3,500	-			
*	Khối các trường Trung học phổ thông	345,166	345,166	-				345,166	282,962	62,203	-	-	345,166	-	-	-	
-	Trường THPT Thanh Sơn	10,122	10,122	-				10,122	7,944	2,178	-	-	10,122	-	-	-	
-	Chi định mức	9,122	9,122	-				9,122	7,944	1,178			9,122	-			
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	1,000	1,000	-				1,000	-	1,000			1,000	-			
-	Trường THPT Minh Đài	9,527	9,527	-				9,527	7,241	2,286	-	-	9,527	-	-	-	
-	Chi định mức	8,027	8,027	-				8,027	7,241	786			8,027	-			
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	1,500	1,500	-				1,500	-	1,500			1,500	-			
-	Trường THPT Văn Miếu	8,588	8,588	-				8,588	6,454	2,134	-	-	8,588	-	-	-	
-	Chi định mức	7,088	7,088	-				7,088	6,454	634			7,088	-			
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	1,500	1,500	-				1,500	-	1,500			1,500	-			
-	Trường THPT Hương Cẩn	8,847	8,847	-				8,847	7,051	1,796	-	-	8,847	-	-	-	
-	Chi định mức	7,847	7,847	-				7,847	7,051	796			7,847	-			

Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	1,000	1,000	-				1,000	-	1,000				1,000				
Trường THPT Thạch Kiệt	8,488	8,488	-				8,488	6,676	1,813	-	-	-	8,488	-	-	-	-
Chi định mức	7,488	7,488	-				7,488	6,676	813				7,488				
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	1,000	1,000	-				1,000	-	1,000				1,000				
Trường THPT Yên Lập	11,120	11,120	-				11,120	9,295	1,825	-	-	-	11,120	-	-	-	-
Chi định mức	10,120	10,120	-				10,120	9,295	825				10,120				

Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-				300		300				300				
Trường THPT Từ Đà	5,894	5,894	-				5,894	4,883	1,011	-	-	-	5,894	-	-	-	-
Chi định mức	5,494	5,494	-				5,494	4,883	611				5,494				
Chi thanh toán cải tạo, sửa chữa công, hàng rào của trường	400	400	-				400	-	400				400				
Trường THPT Trung Giáp	5,713	5,713	-				5,713	4,584	1,129	-	-	-	5,713	-	-	-	-
Chi định mức	5,213	5,213	-				5,213	4,584	629				5,213				

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách															
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDĐT	PTTH
	Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ												
	Chi sửa chữa, cải tạo nhà lớp học 9A2, mái nhà lớp học mẫu 8A	500	500	-				500	-	500							500	
	Trường THPT Long Châu Sa	8,944	8,944	-				8,944	7,398	1,546	-	-	-				8,944	
	Chi định mức	8,444	8,444	-				8,444	7,398	1,046							8,444	
	Chi cải tạo, sửa chữa nhà lớp học 2 tầng	500	500	-				500	-	500							500	
	Trường THPT Phong Châu	9,205	9,205	-				9,205	7,773	1,432	-	-	-				9,205	
	Chi định mức	8,805	8,805	-				8,805	7,773	1,032							8,805	
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	400	400	-				400	-	400							400	
	Trường THPT Mỹ Văn	6,806	6,806	-				6,806	5,791	1,015	-	-	-				6,806	
	Chi định mức	6,506	6,506	-				6,506	5,791	715							6,506	
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-				300	-	300							300	
	Trường THPT Tam Nông	7,269	7,269	-				7,269	5,927	1,342	-	-	-				7,269	
	Chi định mức	6,769	6,769	-				6,769	5,927	842							6,769	
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-				500	-	500							500	
	Trường THPT Hưng hoá	4,888	4,888	-				4,888	3,894	994	-	-	-				4,888	
	Chi định mức	4,488	4,488	-				4,488	3,894	594							4,488	
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	400	400	-				400	-	400							400	
	Trường THPT Hùng Vương	9,826	9,826	-				9,826	8,001	1,825	-	-	-				9,826	
	Chi định mức	8,826	8,826	-				8,826	8,001	825							8,826	
	Chi cải tạo, sửa chữa tài sản, sân trường	1,000	1,000	-				1,000	-	1,000							1,000	
	Trường THPT Việt Trì	10,463	10,463	-				10,463	9,133	1,330	-	-	-				10,463	
	Chi định mức	9,963	9,963	-				9,963	9,133	830							9,963	
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-				500	-	500							500	
	Trường THPT CN Việt Trì	7,564	7,564	-				7,564	6,692	872	-	-	-				7,564	
	Chi định mức	7,264	7,264	-				7,264	6,692	572							7,264	
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-				300	-	300							300	
	Trường THPT KT Việt Trì	6,450	6,450	-				6,450	5,619	831	-	-	-				6,450	
	Chi định mức	6,150	6,150	-				6,150	5,619	531							6,150	
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-				300	-	300							300	
	Trường THPT Chuyên Hùng Vương	20,010	20,010	-				20,010	16,933	3,077	-	-	-				20,010	
	Chi định mức	19,010	19,010	-				19,010	16,933	2,077							19,010	
	Chi cải tạo, sửa chữa nhà và sân trường Khu A	1,000	1,000	-				1,000	-	1,000							1,000	
	Trường THPT Dân tộc Nội trú Tĩnh	17,844	17,844	-				17,844	15,957	1,887	-	-	-				17,844	
	Chi định mức	17,144	17,144	-				17,144	15,957	1,187							17,144	
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	700	700	-				700	-	700							700	
	Trường Dân tộc Nội trú Thanh Sơn	14,188	14,188	-				14,188	12,545	1,643	-	-	-				14,188	
	Chi định mức	13,488	13,488	-				13,488	12,545	943							13,488	
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	700	700	-				700	-	700							700	
	Trường Dân tộc Nội trú Yên Lập	9,898	9,898	-				9,898	8,491	1,407	-	-	-				9,898	
	Chi định mức	9,198	9,198	-				9,198	8,491	707							9,198	
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	700	700	-				700	-	700							700	
	Trường Dân tộc Nội trú Đoàn Hùng	8,970	8,970	-				8,970	7,717	1,253	-	-	-				8,970	
	Chi định mức	8,270	8,270	-				8,270	7,717	553							8,270	
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	700	700	-				700	-	700							700	
	Trường Dân tộc Nội trú - THCS Tân Sơn	9,900	9,900	-				9,900	8,586	1,314	-	-	-				9,900	
	Chi định mức	9,200	9,200	-				9,200	8,586	614							9,200	
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	700	700	-				700	-	700							700	
	Trung tâm KT-TH-HN tỉnh	5,420	5,420	-				5,420	4,161	1,259	-	-	-				5,420	

Chi định mức	4,920	4,920	-				4,920	4,161	759				4,920				
Chi tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông	-	-	-				-	-	-				-				
Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-				500	-	500				500				
Trường Bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý Giáo dục	6,521	6,521	-				6,521	4,322	2,199	-	-	-	6,521	-	-	-	-
Chi định mức	5,085	5,085	-				5,085	4,322	763				5,085				
Chi các lớp đào tạo, bồi dưỡng	937	937	-				937		937				937				

		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách															
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên theo lĩnh vực											
				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất		Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	Định mức									Nghiệp vụ
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-				500	-	500				500				
	Trung tâm Ngoại ngữ Tin học	4,031	4,031	-				4,031	2,469	1,562	-	-	-	4,031	-	-	-	-
	Chi định mức	2,905	2,905	-				2,905	2,469	436				2,905				
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-				300		300				300				
	Chi các lớp đào tạo, bồi dưỡng	826	826	-				826		826				826				
117	Trường trung cấp nông lâm nghiệp Phú Thọ	6,346	6,346	-				6,346	3,782	2,565	-	-	-	6,346	-	-	-	-
	- Chi theo định mức	5,546	5,546	-				5,546	3,782	1,765				5,546				
	- Chi mua sắm thiết bị dạy học và biên soạn giáo trình	300	300	-				300		300				300				
	- Chi tư vấn tuyển sinh: 100 triệu; xây dựng mô hình nông nghiệp cho học sinh thực hành, thực tập: 100 triệu.	200	200	-				200		200				200				
	- Chi sửa chữa, mua sắm tài sản	300	300	-				300		300				300				
118	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Phú Thọ	8,043	8,043	-				8,043	6,792	1,251	-	-	-	8,043	-	-	-	-
	- Chi theo định mức	7,643	7,643	-				7,643	6,792	851				7,643				
	- Chi tư vấn đào tạo và tuyển sinh	100	100	-				100		100				100				
	- Mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-				300		300				300				
119	Trung tâm giáo dục thường xuyên Tỉnh	10,456	10,456	-				10,456	3,407	7,049	-	-	-	10,456	-	-	-	-
	- Chi theo định mức	9,656	9,656	-				9,656	3,407	6,249				9,656				
	- Chi tư vấn đào tạo và tuyển sinh	300	300	-				300		300				300				
	- Mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-				500		500				500				
120	Trường chính trị tỉnh	10,713	10,713	-				10,713	7,590	3,124	-	-	-	10,713	-	-	-	-
	- Chi theo định mức	9,203	9,203	-				9,203	7,079	2,124				9,203				
	- Chi hỗ trợ tiền ăn các lớp trung cấp chính trị chính quy	510	510	-				510	510	-				510				
	- Mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động giảng dạy: 900 triệu; kỷ niệm 60 năm thành lập trường: 100 triệu.	1,000	1,000	-				1,000	-	1,000				1,000				
121	Trường Đại học Hùng vương	78,502	78,502	-				78,502	38,168	40,334	-	-	-	78,502	-	-	-	-
	- Chi theo định mức + phân bổ học sinh	49,198	49,198	-				49,198	31,496	17,702				49,198				
	- Đào tạo 80 sinh viên Lào	5,772	5,772	-				5,772	5,772	-				5,772				
	- Chi học bổng cho học sinh sư phạm (TT 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01/8/2013)	700	700	-				700	-	700				700				
	- Chi trợ cấp xã hội theo TT LT số 53/1998/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH và TLT số 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH.	900	900	-				900	900	-				900				
	- Chi đào tạo theo học tín chỉ và kiểm định chất lượng	3,500	3,500	-				3,500	-	3,500				3,500				
	- Phân bổ thêm theo khu vực	9,633	9,633	-				9,633	-	9,633				9,633				
	- Chi mua sắm + sửa chữa thường xuyên	2,000	2,000	-				2,000	-	2,000				2,000				
	- Kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin quản lý sinh viên.	800	800	-				800	-	800				800				
	- Kinh phí đào tạo Giáo viên chất lượng cao	2,000	2,000	-				2,000	-	2,000				2,000				
	- Kinh phí thực hiện Đề án tăng cường năng lực ngoại ngữ đến năm 2020.	1,000	1,000	-				1,000	-	1,000				1,000				
	- Kinh phí thực hiện Đề án phân tích hóa học.	1,000	1,000	-				1,000	-	1,000				1,000				
	- Chi cải tạo sửa chữa nhà Trung tâm hành chính hiệu bộ	2,000	2,000	-				2,000	-	2,000				2,000				
122	Trường cao đẳng y tế	18,733	18,733	-				18,733	9,803	8,929	-	-	-	18,733	-	-	-	-
	- Chi định mức + phân bổ học sinh	15,233	15,233	-				15,233	9,803	5,429				15,233				
	- Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy và học	2,000	2,000	-				2,000	-	2,000				2,000				
	- Kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin quản lý sinh viên.	1,500	1,500	-				1,500	-	1,500				1,500				
123	Trường Trung cấp văn hoá nghệ thuật và du lịch tỉnh Phú Thọ	5,340	5,340	-				5,340	3,649	1,692	-	-	-	5,340	-	-	-	-
	- Chi định mức + phân bổ học sinh	4,324	4,324	-				4,324	3,533	792				4,324				

-	Chi chế độ ưu đãi học sinh, sinh viên các ngành nghề thuật truyền thống (QĐ số 41/2014/QĐ-TTg ngày 21/7/2014)	116	116	-				116	116					116				
-	Kinh phí tham gia các hội diễn + Các hội thi và chi bồi dưỡng tập luyện, biểu diễn Hát Xoan, ...	400	400	-				400	400					400				
-	Chi tư vấn đào tạo và tuyển sinh	200	200	-				200	200					200				
-	Kinh phí mua sắm thiết bị	300	300	-				300	300					300				
124	Cao đẳng nghề Phú Thọ	18,206	18,206	-				18,206	8,354	9,852	-	-	-	18,206	-	-	-	-

		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách																
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển						Chi thường xuyên theo lĩnh vực									
			Tổng cộng	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ								
-	Theo định mức + phân bổ học sinh	15,106	15,106	-				15,106	8,354	6,752				15,106				
-	Chi tư vấn dạy nghề	500	500	-				500		500				500				
-	Kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin quản lý học sinh, sinh viên.	1,000	1,000	-				1,000		1,000				1,000				
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản...	1,600	1,600	-				1,600		1,600				1,600				
125	Trường Trung cấp nghề công nghệ và vận tải Phú Thọ	4,962	4,962	-				4,962	2,934	2,028	-	-	-	4,762	-	-	-	
-	Theo định mức + phân bổ học sinh	4,462	4,462	-				4,462	2,934	1,528				4,462				
-	Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-				300		300				300				
-	Chi công tác tư vấn học nghề.	200	200	-				200		200				200				
126	Trung tâm dịch vụ việc làm	4,032	4,032	-				4,032	1,800	2,232	-	-	-	2,732	-	-	-	
-	Theo định mức + phân bổ học sinh	2,232	2,232	-				2,232	1,800	432				2,232				
-	Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-				500	-	500				500				
-	Chi công tác tư vấn học nghề.	300	300	-				300		300				300				
-	Hỗ trợ tổ chức sân giao dịch việc làm	1,000	1,000	-				1,000		1,000				1,000				
127	Trung tâm hướng nghiệp dạy nghề và giới thiệu việc làm Thanh niên	1,383	1,383	-				1,383	510	873	-	-	-	1,383	-	-	-	
-	Chi định mức + phân bổ học sinh	1,183	1,183	-				1,183	510	673				1,183				
-	Chi tư vấn và định hướng nghề nghiệp cho học sinh, thanh niên.	200	200	-				200		200				200				
128	Trung cấp nghề Dân tộc Nội trú Phú Thọ	4,895	4,895	-				4,895	3,564	1,332	-	-	-	4,895	-	-	-	
-	Theo định mức + phân bổ học sinh	3,092	3,092	-				3,092	2,461	632				3,092				
-	Chi học bổng học sinh dân tộc nội trú học nghề	1,103	1,103	-				1,103	1,103	-				1,103				
-	Chi tư vấn dạy nghề: 200 triệu; mua sắm, sửa chữa tài sản: 500 triệu.	700	700	-				700	-	700				700				
129	Trường năng khiếu Thể dục thể thao	13,141	13,141	-				13,141	11,592	1,549	-	-	-	13,141	-	-	-	
-	Chi định mức + phân bổ học sinh	3,691	3,691	-				3,691	2,642	1,049				3,691				
-	Tiền ăn + tiền công + dụng cụ tập luyện ...	8,800	8,800	-				8,800	8,800					8,800				
-	Tiền thưởng cho vận động viên và huấn luyện viên đạt giải toàn quốc.	150	150	-				150	150					150				
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản.	500	500	-				500		500				500				
130	Trung tâm Dạy nghề Công đoàn Phú thọ	400	400	-				400		400				400				
131	Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ việc làm nông dân	485	485	-				485		485				485				
132	Trung tâm giới thiệu Việc làm phụ nữ	522	522	-				522		522				522				
133	Trường trung cấp nghề HERMANGMEINER	509	509	-				509		509				509				
134	Trung tâm kỹ thuật Tổng hợp hướng nghiệp tỉnh	760	760	-				760		760				760				
135	Hội khuyến học	425	425	-				425	325	100				425				
136	Sở Y tế	28,228	28,228	-				28,228	4,098	24,130	-	-	-	28,228	-	-	-	
-	Chi định mức	4,068	4,068	-				4,068	4,068	-				4,068				
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	60	60	-				60	30	30				60				
-	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị	500	500	-				500		500				500				
-	Nghiệp vụ ngành (có 500 triệu kinh phí đối ứng dự án hỗ trợ y tế các tỉnh Đông Bắc bộ và Đông bằng Sông Hồng; 130 triệu kinh phí đối ứng thực hiện Dự án An ninh y tế khu vực tiểu vùng Sông Mê Công mở rộng).	6,700	6,700	-				6,700		6,700				6,700				
-	Phòng chống dịch .	4,000	4,000	-				4,000		4,000				4,000				
-	Đào tạo bác sỹ và sau đại học	2,000	2,000	-				2,000		2,000				2,000				

-	Kinh phí thực hiện chương trình điều trị nghiện các chất thuốc phiện bằng chất mephadon.	2,000	2,000	-				2,000		2,000				-	2,000			
-	Kinh phí bảo đảm cho các hoạt động phòng chống HIV/AIDS.	1,900	1,900	-				1,900		1,900				-	1,900			
-	Chi ứng dụng công nghệ thông tin.	2,000	2,000	-				2,000		2,000				-	2,000			
-	Dự kiến tăng biên chế và các khoản phát sinh	5,000	5,000	-				5,000		5,000				-	5,000			
137	Bệnh viện đa khoa Tỉnh:	84,706	84,706	-				84,706	81,706	3,000	-	-	-	-	84,706	-	-	-

		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách																
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển						Chi thường xuyên theo lĩnh vực									
			Tổng cộng	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDĐT	PTTH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ								
-	Chi định mức	76,500	76,500	-				76,500	76,500	-				-	76,500			
-	Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất thực hiện đề án giảm quá tải bệnh viện (theo Quyết định số 92/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2013).																	
-	Phân bổ bệnh viện mang tính chất khu vực	3,000	3,000	-				3,000	-	3,000				-	3,000			
-	Phân bổ bệnh viện mang tính chất khu vực	5,206	5,206	-				5,206	5,206	-				-	5,206			
138	Bệnh viện Lao và bệnh phổi Phú Thọ :	10,660	10,660	-				10,660	9,960	700	-	-	-	-	10,660	-	-	-
-	Chi định mức	10,160	10,160	-				10,160	9,960	200				-	10,160			
-	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị	500	500	-				500		500				-	500			
139	Bệnh viện Tâm thần:	10,260	10,260	-				10,260	9,960	300	-	-	-	-	10,260	-	-	-
-	Chi định mức	10,260	10,260	-				10,260	9,960	300				-	10,260			
140	Bệnh viện Y dược cổ truyền và phục hồi chức năng.	14,100	14,100	-				14,100	13,600	500	-	-	-	-	14,100	-	-	-
-	Chi định mức	13,600	13,600	-				13,600	13,600	-				-	13,600			
-	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị	500	500	-				500		500				-	500			
141	Trung tâm y tế dự phòng	8,370	8,370	-				8,370	7,370	1,000	-	-	-	-	8,370	-	-	-
-	Chi định mức	7,870	7,870	-				7,870	7,370	500				-	7,870			
-	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị	500	500	-				500		500				-	500			
142	Bệnh viện mắt	4,400	4,400	-				4,400	4,400					-	4,400			
143	Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản	3,390	3,390	-				3,390	3,390					-	3,390			
144	Trung tâm kiểm nghiệm	3,610	3,610	-				3,610	3,410	200	-	-	-	-	3,610	-	-	-
-	Chi định mức	3,410	3,410	-				3,410	3,410	-				-	3,410			
-	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị	200	200	-				200		200				-	200			
145	Trung tâm Giám định Y khoa (Có 500 triệu kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).	2,260	2,260	-				2,260	1,760	500				-	2,260			
146	Trung tâm Pháp y	2,060	2,060	-				2,060	1,760	300	-	-	-	-	2,060	-	-	-
-	Chi định mức	1,760	1,760	-				1,760	1,760	-				-	1,760			
-	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị	300	300	-				300		300				-	300			
-		-	-	-				-	-	-				-	-			
147	Hội đồng y	90	90	-				90	90					-	90			
148	Trung tâm truyền thông giáo dục sức khoẻ.	2,260	2,260	-				2,260	1,760	500	-	-	-	-	2,260	-	-	-
-	Chi định mức	1,760	1,760	-				1,760	1,760	-				-	1,760			
-	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị	500	500	-				500		500				-	500			
149	Trung tâm phòng chống HIV/ AIDS	4,210	4,210	-				4,210	3,410	800	-	-	-	-	4,210	-	-	-
-	Chi định mức	3,710	3,710	-				3,710	3,410	300				-	3,710			
-	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị	500	500	-				500		500				-	500			
150	Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm	2,246	2,246	-				2,246	2,206	40	-	-	-	-	2,246	-	-	-
-	Chi định mức	2,166	2,166	-				2,166	2,166	-				-	2,166			
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	80	80	-				80	40	40				-	80			
151	Bệnh viện đa khoa thị xã Phú Thọ	17,649	17,649	-				17,649	17,649	-				-	17,649			
152	Bệnh viện đa khoa Thanh ba	13,341	13,341	-				13,341	12,341	1,000	-	-	-	-	13,341	-	-	-
-	Chi định mức	12,341	12,341	-				12,341	12,341					-	12,341			
-	Chi sửa chữa nhà + mua sắm trang thiết bị	1,000	1,000	-				1,000		1,000				-	1,000			
153	Bệnh viện đa khoa Hạ hoá	11,900	11,900	-				11,900	11,900					-	11,900			
154	Bệnh viện đa khoa Đoàn Hùng	11,900	11,900	-				11,900	11,900					-	11,900			
155	Bệnh viện đa khoa Cẩm Khê	13,300	13,300	-				13,300	13,300					-	13,300			
156	Bệnh viện đa khoa Thanh sơn	12,900	12,900	-				12,900	11,900	1,000	-	-	-	-	12,900	-	-	-
-	Chi định mức	11,900	11,900	-				11,900	11,900					-	11,900			
-	Chi sửa chữa nhà + mua sắm trang thiết bị	1,000	1,000	-				1,000		1,000				-	1,000			

157	Trung tâm Y tế Việt tri	15,276	15,276	-				15,276	14,676	600	-	-	-	-	15,276	-	-	-
-	Chi định mức của Trung tâm y tế (trong đó có 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).	4,524	4,524	-				4,524	3,924	600				-	4,524			
-	Y tế xã , thị trấn , phường	10,752	10,752	-				10,752	10,752	-				-	10,752			
158	Trung tâm Y tế Phú tho	7,069	7,069	-				7,069	6,969	100	-	-	-	-	7,069	-	-	-
-	Chi định mức của Trung tâm y tế	2,825	2,825	-				2,825	2,725	100				-	2,825			

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																		
STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách																
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển						Chi thường xuyên theo lĩnh vực									
			Tổng cộng	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ								
-	Y tế xã , thị trấn , phường	4,244	4,244	-	-	-	-	4,244	4,244	-	-	-	-	-	-	-	-	
159	Trung tâm Y tế Thanh ba	19,275	19,275	-	-	-	-	19,275	19,175	100	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức của Trung tâm y tế	4,220	4,220	-	-	-	-	4,220	4,120	100	-	-	-	-	-	-	-	
-	Y tế xã , thị trấn	15,055	15,055	-	-	-	-	15,055	15,055	-	-	-	-	-	-	-	-	
160	Trung tâm Y tế Ha hoà	21,105	21,105	-	-	-	-	21,105	21,005	100	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức của Trung tâm y tế	4,117	4,117	-	-	-	-	4,117	4,017	100	-	-	-	-	-	-	-	
-	Y tế xã , thị trấn	16,988	16,988	-	-	-	-	16,988	16,988	-	-	-	-	-	-	-	-	
161	Trung tâm Y tế Đoàn hùng	20,285	20,285	-	-	-	-	20,285	20,185	100	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức của Trung tâm y tế	4,220	4,220	-	-	-	-	4,220	4,120	100	-	-	-	-	-	-	-	
-	Y tế xã , thị trấn	16,065	16,065	-	-	-	-	16,065	16,065	-	-	-	-	-	-	-	-	
162	Trung tâm Y tế Tam nông	22,921	22,921	-	-	-	-	22,921	22,321	600	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức của Trung tâm y tế (trong đó có 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).	12,499	12,499	-	-	-	-	12,499	11,899	600	-	-	-	-	-	-	-	
-	Y tế xã , thị trấn	10,422	10,422	-	-	-	-	10,422	10,422	-	-	-	-	-	-	-	-	
163	Trung tâm Y tế Lâm Thao	19,034	19,034	-	-	-	-	19,034	18,434	600	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức của Trung tâm y tế (trong đó có 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).	11,879	11,879	-	-	-	-	11,879	11,279	600	-	-	-	-	-	-	-	
-	Y tế xã , thị trấn	7,155	7,155	-	-	-	-	7,155	7,155	-	-	-	-	-	-	-	-	
164	Trung tâm Y tế Phù Ninh	22,150	22,150	-	-	-	-	22,150	21,550	600	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức của Trung tâm y tế (trong đó có 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).	12,097	12,097	-	-	-	-	12,097	11,497	600	-	-	-	-	-	-	-	
-	Y tế xã , thị trấn	10,053	10,053	-	-	-	-	10,053	10,053	-	-	-	-	-	-	-	-	
165	Trung tâm Y tế Cẩm Khê	25,357	25,357	-	-	-	-	25,357	25,257	100	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức của trung tâm y tế	4,220	4,220	-	-	-	-	4,220	4,120	100	-	-	-	-	-	-	-	
-	Y tế xã , thị trấn	21,137	21,137	-	-	-	-	21,137	21,137	-	-	-	-	-	-	-	-	
166	Trung tâm Y tế Thanh thủy	21,448	21,448	-	-	-	-	21,448	19,887	1,561	-	-	-	-	-	-	-	
-	Trung tâm Y tế Thanh thủy (trong đó có: 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất và 961 triệu đồng thanh toán hạng mục kê đá, công, hàng rào, nhà cầu, nhà để xe, nhà bảo vệ, nhà thường trực Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Thủy).	13,460	13,460	-	-	-	-	13,460	11,899	1,561	-	-	-	-	-	-	-	
-	Y tế xã , thị trấn	7,988	7,988	-	-	-	-	7,988	7,988	-	-	-	-	-	-	-	-	
167	Trung tâm Y tế Yên lập	27,937	27,937	-	-	-	-	27,937	27,337	600	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức của Trung tâm y tế (trong đó có 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).	12,796	12,796	-	-	-	-	12,796	12,196	600	-	-	-	-	-	-	-	
-	Y tế xã , thị trấn (Có y tế vùng cao)	15,141	15,141	-	-	-	-	15,141	15,141	-	-	-	-	-	-	-	-	
168	Trung tâm Y tế Thanh sơn	21,225	21,225	-	-	-	-	21,225	21,125	100	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức của Trung tâm y tế	4,580	4,580	-	-	-	-	4,580	4,480	100	-	-	-	-	-	-	-	
-	Y tế xã , thị trấn (Có y tế vùng cao)	16,645	16,645	-	-	-	-	16,645	16,645	-	-	-	-	-	-	-	-	
169	Trung tâm Y tế Tân sơn	30,778	30,778	-	-	-	-	30,778	30,178	600	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi định mức của Trung tâm y tế (trong đó có 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).	17,390	17,390	-	-	-	-	17,390	16,790	600	-	-	-	-	-	-	-	
-	Y tế xã , thị trấn (Có y tế vùng cao)	13,388	13,388	-	-	-	-	13,388	13,388	-	-	-	-	-	-	-	-	
170	Chi cục Dân số	3,173	3,173	-	-	-	-	3,173	2,373	800	-	-	-	-	-	-	-	
-	Chi theo định mức biên chế:	2,373	2,373	-	-	-	-	2,373	2,373	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Kinh phí tuyên truyền, tập huấn nghiệp vụ về công tác dân số	500	500	-	-	-	-	500	500	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-	-	-	-	300	300	-	-	-	-	-	-	-	-	
171	Trung tâm huấn luyện thể dục thể thao	16,100	16,100	-	-	-	-	16,100	3,200	12,900	-	-	-	-	-	-	16,100	
-	Định mức	3,200	3,200	-	-	-	-	3,200	3,200	-	-	-	-	-	-	-	3,200	

-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản.	300	300	-				300		300				-			300	
-	Chi đào tạo Vận động viên thể thao thành tích cao	12,600	12,600	-				12,600		12,600				-			12,600	
172	Trung tâm Khai thác các công trình Thể thao	1,725	1,725	-				1,725	525	1,200	-	-	-	-	-	-	1,725	-
-	Chi định mức	525	525	-				525	525	-				-			525	
-	Mua sắm tài sản, thiết bị	300	300	-				300		300				-			300	

		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																									
STT	Tên đơn vị	Chi cân đối ngân sách																									
		Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển						Chi thường xuyên theo lĩnh vực							QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDĐT	PTTH				
			Tổng cộng	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm																		
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ																	
-	Chi kiểm tra, bảo trì giàn mái nhà thi đấu, sửa chữa thường xuyên hệ thống điện, đường cấp thoát nước ...	500	500	-				500		500							-								500		
-	Chi tiền điện, bảo vệ 3 công trình	200	200	-				200		200							-								200		
-	Chi nghiệp vụ.	200	200	-				200		200							-								200		
173	Đài truyền hình	28,209	28,209	-				28,209		15,199		13,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	28,209	
-	Chi định mức	7,776	7,776	-				7,776		7,776							-									7,776	
-	Chi tiền nhuận bút	7,423	7,423	-				7,423		7,423							-									7,423	
-	Chi nâng cao chất lượng chương trình phát thanh truyền hình, tăng thời lượng phát sóng và mua bản quyền các chương trình theo chuẩn HD.	3,500	3,500	-				3,500		-		3,500					-									3,500	
-	Chi tiền điện, tiền nước, nhiên liệu, công tác phí , chi phí nghiệp vụ chuyên môn do phát sóng lên vệ tinh.	2,900	2,900	-				2,900		-		2,900					-									2,900	
-	Chi thuê bao kênh vệ tinh (kênh HD).	4,400	4,400	-				4,400		-		4,400					-									4,400	
-	Chi mở chuyên mục "Giám đốc số với cư tri".	210	210	-				210		-		210					-									210	
-	Chi đầu tư cơ sở vật chất (Đã bao gồm đầu tư cơ sở vật chất theo chuẩn HD).	2,000	2,000	-				2,000		-		2,000					-									2,000	
II	CHI SỰ NGHIỆP KIẾN THIẾT THỊ CHÍNH VÀ KINH TẾ KHÁC	32,217	32,217	-				32,217				32,217															
1	Kinh phí hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch	7,217	7,217	-				7,217				7,217															
2	Bổ sung nguồn vốn cho Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh	2,000	2,000	-				2,000				2,000															
3	Chi bổ sung cơ mục tiêu theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho sự nghiệp kiến thiết thị chính và kinh tế khác	23,000	23,000	-				23,000				23,000															
-	Cải tạo, nâng cấp hồ công viên Văn Lang trong quần thể Khu du lịch Văn Lang, thành phố Việt Trì	7,000	7,000	-				7,000				7,000															
-	Cải tạo, nâng cấp đường và hệ phố hai bên đường Trần Phú, đoạn từ nút A7 đến nút giao với đường Hàn Thuyên, thành phố Việt Trì	13,000	13,000	-				13,000				13,000															
-	Cải tạo hồ sinh thái tại khu vực hồ Đồng Thống thuộc phường Thanh Miếu thành, phố Việt Trì	3,000	3,000	-				3,000				3,000															
III	CHI AN NINH	11,235	11,235	-				11,235				11,235															
IV	CHI QUỐC PHÒNG	20,145	20,145	-				20,145				20,145															
V	CHI HỖ TRỢ THỰC HIỆN LUẬT DQTV, PLCA VÀ CÁC NHIỆM VỤ ANQP KHÁC	21,480	21,480	-				21,480				21,480															
VI	CHI KHÁC NGÂN SÁCH	10,000	10,000	-				10,000				10,000															
VII	MỘT SỐ NHIỆM VỤ KHÁC THEO QUY ĐỊNH	1,235,712	1,235,712	-				1,235,712		506,112		729,600	66,474	1,320	5,820	525,278	169,323	31,945	17,960							-	
1	Kinh phí thi đua khen thưởng	8,000	8,000	-				8,000				8,000					-										
2	Kinh phí triển khai thi hành pháp luật (tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật; xây dựng, biên soạn, cấp phát tài liệu tuyên truyền ...)	1,500	1,500	-				1,500				1,500	1,500				-										
3	Kinh phí thực hiện Đề án thực hiện khâu đột phá về Cải cách hành chính; trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 2365/QĐ-UBND ngày 19/9/2016.	3,000	3,000	-				3,000				3,000	3,000				-										
4	Kinh phí kiểm tra, rà soát văn bản pháp luật các ngành	500	500	-				500				500	500				-										
5	Ban chỉ đạo cải cách tư pháp tỉnh Phú Thọ (Toà án tỉnh)	200	200	-				200				200	200				-										
6	Kinh phí thống kê, tổng hợp 18 chỉ tiêu cấp xã theo công văn số 1812/CV-TU ngày 12/4/2010; Rà soát, khảo sát thống kê hộ, nhân khẩu theo chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 24/12/2009	100	100	-				100				100	100				-										

7	Chi sửa chữa, mua sắm phương tiện năm 2017	15,000	15,000	-				15,000		15,000	15,000							
8	Kinh phí tổ chức thực hiện những ngày lễ lớn;	5,000	5,000	-				5,000		5,000	5,000							
9	Kinh phí thực hiện ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước	4,000	4,000	-				4,000		4,000	4,000							
10	Chi nghiệp vụ đối ngoại và xúc tiến đầu tư	7,000	7,000	-				7,000		7,000	7,000							

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																	
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển						Chi thường xuyên theo lĩnh vực									
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giao dục, Đào tạo và dạy nghề	Y tế	Văn hoá	TDĐT	PTTH	
	Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ													
12	Kinh phí đảm bảo hoạt động trật tự an toàn giao thông tỉnh: 2.516 triệu đồng (bao gồm: Ban ATGT tỉnh: 1.275 triệu đồng, trong đó đã bao gồm thu hồi tạm ứng kinh phí mua máy in năm 2016: 500 triệu đồng; Thanh tra giao thông tỉnh: 1.241 triệu đồng).	2,516	2,516	-				2,516			2,516								
13	Kinh phí đảm bảo hoạt động của các lực lượng sử phạt (Không bao gồm phạt an toàn giao thông) theo Thông tư số 153/2013/TT-BTC và hoạt động chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả theo QĐ số 20/2016/QĐ-TTg.	5,000	5,000	-				5,000			5,000								
15	Hỗ trợ thiết bị và duy trì hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (Tabmis) ngành tài chính.	1,000	1,000	-				1,000			1,000								
16	Kinh phí quản lý, tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo QĐ số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của TTCP.	600	600	-				600			600								
17	Kinh phí xây dựng chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh.	800	800	-				800			800								
18	Kinh phí đối ứng các dự án có tính chất sự nghiệp	7,000	7,000	-				7,000			7,000								
19	Kinh phí thực hiện Dự án 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính; Kế hoạch 2696/KH-UBND ngày 02/7/2014 của UBND tỉnh Phú Thọ về triển khai thực hiện Dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính tỉnh Phú Thọ	3,000	3,000	-				3,000			3,000								
20	Kinh phí đảm bảo hoạt động của Hội thẩm nhân dân - Tòa án nhân dân tỉnh.	500	500	-				500			500								
21	Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý theo QĐ số 32/2016/QĐ-TTg (Bổ sung có mục tiêu từ NSTW).	1,758	1,758	-				1,758			1,758								
22	Kinh phí hỗ trợ chênh lệch giữa giá in và giá bán báo Phú Thọ	1,320	1,320	-				1,320			1,320								
23	Chi đảm bảo hoạt động khối đoàn thể	1,500	1,500	-				1,500					1,500						
24	Chi các nghiệp vụ phát sinh theo kết luận của TTTU	2,000	2,000	-				2,000					2,000						
25	Kinh phí hỗ trợ thành lập HTX	320	320	-				320					320						
26	Chi hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội, xã hội nghề nghiệp	2,000	2,000	-				2,000					2,000						
27	Hỗ trợ tuyên truyền phổ biến pháp luật	500	500	-				500								500			
28	Kinh phí tổ chức đào tạo vận động viên.	3,500	3,500	-				3,500								3,500			
29	Chi cho công tác khuyến học của tỉnh (thực hiện QĐ số 281/QĐ-TTg; KH số 2577/KH-UBND ngày 23/6/2014 về đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020; KH số 242/KH-UBND ngày 20/01/2016 về nhân rộng và đánh giá, công nhận mô hình học tập GD 2016-2020.	1,000	1,000	-				1,000									1,000		
30	Hỗ trợ các trường mầm non, TH+THPT đạt chuẩn quốc gia; mức dự kiến hỗ trợ (12 trường MN+ 03 trường TH x 300 triệu/trường; 18 trường THCS x 400 triệu/trường; 3 trường THPT x 600 triệu/trường), KH số trường đạt chuẩn theo KH số 3689/KH-UBND ngày 30/8/2016.	13,500	13,500	-				13,500									13,500		
31	Kinh phí Bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định.	227,836	227,836	-				227,836									227,836		

32	Kinh phí bảo đảm phụ cấp thâm niên nhà giáo, phụ cấp vùng đặc biệt khó khăn và các chế độ, chính sách khác theo quy định.	69,276	69,276	-				69,276	69,276					69,276				
33	Kinh phí thực hiện tiền ăn trưa Quyết định 239/QĐ-TTg và Quyết định 60/QĐ-TTg.	32,365	32,365	-				32,365	-	32,365				32,365				
34	Kinh phí thực Thông tư 42/TTLT chính sách giáo dục với người khuyết tật.	7,523	7,523	-				7,523	-	7,523				7,523				

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017															
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách														
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y tế	Văn hoá	TDĐT
Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	Định mức	Nghiệp vụ													
35	Kinh phí thực hiện quyết định 66/QĐ-TT; Thông tư 35/TTLT chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên.	2,011	2,011	-				2,011	-	2,011					2,011		
36	Kinh phí thực hiện Nghị định 86/2015/NĐ-CP chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập	93,032	93,032	-				93,032	-	93,032					93,032		
37	Kinh phí thực hiện Quyết định 53/QĐ-TTg chính sách nội trú với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp.	3,534	3,534	-				3,534	-	3,534					3,534		
38	Dự kiến các nhiệm vụ phát sinh + tăng biên chế khối tỉnh	9,101	9,101	-				9,101	1,101	8,000					9,101		
39	Hỗ trợ học sinh bán trú và Trường phổ thông dân tộc bán trú.	8,490	8,490	-				8,490	-	8,490					8,490		
40	Hỗ trợ học sinh phổ thông trung học ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.	14,810	14,810	-				14,810	-	14,810					14,810		
41	Đào tạo trên chuẩn cho giáo viên	3,000	3,000	-				3,000	-	3,000					3,000		
42	Chi chế độ sinh viên cử tuyển trả cho các trường đại học	700	700	-				700	-	700					700		
43	Hỗ trợ kinh phí đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp vừa và nhỏ	600	600	-				600	-	600					600		
44	Kinh phí hỗ trợ học phí cho các đối tượng học trung cấp nghề và cao đẳng nghề.	7,000	7,000	-				7,000	-	7,000					7,000		
45	Chi công tác giáo dục đào tạo an ninh quốc phòng theo ND 116/2007/NĐ-CP và đào tạo khác	7,000	7,000	-				7,000	-	7,000					7,000		
46	Chi đào tạo sau đại học và chế độ ưu đãi thu hút tay nghề cao	6,500	6,500	-				6,500	-	6,500					6,500		
47	Kinh phí mở các lớp đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức theo kế hoạch năm 2017.	6,500	6,500	-				6,500	-	6,500					6,500		
48	Kinh phí đào tạo sau đại học và đào tạo lại khối Đảng + đoàn thể cấp tỉnh	1,500	1,500	-				1,500	-	1,500					1,500		
49	Chi các khoản phát sinh khối đào tạo	6,000	6,000	-				6,000	-	6,000					6,000		
50	Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế theo luật.	159,323	159,323	-				159,323	159,323						159,323		
51	Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất ngành y tế (Chi đạt chuẩn tiêu chí quốc gia các trạm y tế cấp xã: 10 tỷ đồng).	10,000	10,000	-				10,000	-	10,000					10,000		
52	Hỗ trợ kinh phí tu bổ tôn tạo di tích cấp tỉnh	2,000	2,000	-				2,000	-	2,000					2,000		
53	Kinh phí tổ chức Giỗ tổ Hùng vương 2017 và tổ chức các ngày lễ lớn	6,000	6,000	-				6,000	-	6,000					6,000		
54	Chi lập hồ sơ di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đề nghị đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia năm 2015-2016.	700	700	-				700	-	700					700		
55	Kinh phí triển khai thực hiện phong trào xây dựng đời sống văn hoá ở các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp (Liên đoàn Lao động tỉnh)	500	500	-				500	-	500					500		
56	Kinh phí thực hiện đề án "xây dựng đời sống văn hoá công nhân ở khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020" theo QĐ 1780/QĐ-TTg ngày 12/10/2011 của TTCP	700	700	-				700	-	700					700		
57	Kinh phí thực hiện Đề án bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá phi vật thể - Hát Xoan Phú Thọ (Giai đoạn 2013-2020) theo QĐ số 2058/QĐ-TTg ngày 07/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ.	5,000	5,000	-				5,000	-	5,000					5,000		
58	Hỗ trợ kinh phí sáng tạo báo chí của Hội văn học Nghệ thuật và hội Nhà báo địa phương.	645	645	-				645	-	645					645		
59	Kinh phí xét tặng danh hiệu nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú 2017	700	700	-				700	-	700					700		

60	Hỗ trợ hoạt động văn hoá cho các ngành, đoàn thể	1,500	1,500	-				1,500		1,500				-		1,500	
61	Kế hoạch phát triển du lịch tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016-2020.	4,000	4,000	-				4,000		4,000				-		4,000	
62	Tổ chức hội nghị tổng kết 5 năm thực hiện QĐ 1780/QĐ-TTg ngày 12/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.							500		500				-		500	
		500	500	-													

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017														
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách													
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực								
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá
	Chi đầu tư XD/CB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ										
63	Chi phí xây dựng đề án năm Du lịch quốc gia 2020, tổ chức các hoạt động hưởng ứng năm Du lịch quốc gia Tây Bắc 2017; xây dựng mô hình điểm Du lịch cộng đồng Xuân Sơn.	1,000	1,000	-				1,000		1,000						1,000
64	Kinh phí lập quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Đền Hùng.	500	500	-				500		500						500
65	Kinh phí tham gia ngày hội văn hóa, thể thao, du lịch các dân tộc vùng tây bắc.	1,200	1,200	-				1,200		1,200						1,200
66	Kinh phí kỷ niệm 70 năm chiến thắng Sông Lô.	2,000	2,000	-				2,000		2,000						2,000
67	Kinh phí tổ chức lễ kỷ niệm 20 năm ngày tái lập tỉnh Phú Thọ.	5,000	5,000	-				5,000		5,000						5,000
68	Hỗ trợ đổi bóng chuyên (Công an tỉnh)	1,500	1,500	-				1,500		1,500						1,500
69	Chi chế độ tiền ăn + luyện tập vận động viên và huấn luyện viên	3,000	3,000	-				3,000		3,000						3,000
70	Chi cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các công trình khu liên hiệp thể thao tỉnh	5,000	5,000	-				5,000		5,000						5,000
71	Hỗ trợ thể dục thể thao các ngành đoàn thể	1,000	1,000	-				1,000		1,000						1,000
72	Chi thưởng giải bóng chuyên Cúp Hùng vương	360	360	-				360		360						360
73	Chi tổ chức các giải thể thao cấp tỉnh	1,000	1,000	-				1,000		1,000						1,000
74	Kinh phí đăng cai các giải toàn quốc, khu vực	400	400	-				400		400						400
75	Đại hội Thể dục thể thao tỉnh Phú Thọ 2017.	5,000	5,000	-				5,000		5,000						5,000
76	Tham gia thi đấu hội thi thể thao các dân tộc thiểu số 2017	700	700	-				700		700						700
77	Chi thực hiện quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 về chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng (29 thôn bản và 9.800ha rừng).	2,140	2,140	-				2,140		2,140						
78	Kinh phí thực hiện các chương trình sản xuất nông, lâm nghiệp của tỉnh	59,358	59,358	-				59,358		59,358						
79	Chi hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất lúa.	39,813	39,813	-				39,813		39,813						
80	Kinh phí thực hiện chính sách miễn thu thủy lợi phí	99,141	99,141	-				99,141		99,141						
81	Chi bổ sung cơ mục tiêu theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho sự nghiệp thủy lợi	9,000	9,000	-				9,000		9,000						
-	Cải tạo, nâng cấp hồ Chồ xã Đông Lạc, huyện Yên Lập	5,000	5,000	-				5,000		5,000						
-	Cải tạo nâng cấp dự án đập Đá Thờ và hệ thống kênh tưới các xã Hương Lung, Tạ Xá, Sơn Tinh, huyện Cẩm Khê	4,000	4,000	-				4,000		4,000						
82	Kinh phí chúc thọ và tặng quà cho người cao tuổi 90 tuổi (2000 cụ *400) và 100 tuổi (300 cụ*850)	1,055	1,055	-				1,055		1,055						
83	Trợ cấp hàng tháng cho thanh niên xung phong theo TT số 08/2012/TTLT BTC-BLĐ-BNV	864	864	-				864		864						
84	Kinh phí chi cho đối tượng bảo trợ xã hội được chăm sóc, nuôi dưỡng trong các cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội ngoài công lập theo ND số 136/2013/ND-CP.	3,740	3,740	-				3,740		3,740						
85	Điều tra triệt phá ổ nhóm, lập hồ sơ phòng chống mại dâm (Công an tỉnh)	100	100	-				100		100						
86	Điều tra triệt phá đường dây buôn bán phụ nữ và trẻ em (Công an tỉnh)	100	100	-				100		100						
87	Mục tiêu quản lý trẻ em làm trái pháp luật (Công an tỉnh)	100	100	-				100		100						
88	Kinh phí thực hiện Kế hoạch số 2089/KH-UBND ngày 04/6/2015 về tăng cường công tác phòng chống, kiểm soát ma túy và đối mới công tác cai nghiện đến năm 2020 và nhiệm vụ phát sinh.	2,200	2,200	-				2,200		2,200						
89	Chi hỗ trợ đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp.	3,000	3,000	-				3,000		3,000						

90	Kinh phí xây dựng bổ sung bảng giá đất (do có thêm các tuyến đường mới đưa vào sử dụng).	200	200	-				200		200							
91	Kinh phí xác định hệ số điều chỉnh Bảng giá đất năm 2017.	250	250	-	-	-	-	250		250							
92	Kinh phí chăm sóc cây, hoa cảnh và vệ sinh môi trường Khu Di tích Đền Hùng	2,000	2,000	-				2,000		2,000							

		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách															
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TDĐT	PTTH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Định mức	Nghiệp vụ								
93	Duy tu sửa chữa thường xuyên đường tỉnh, mức chi 40 triệu đồng/km.	29,418	29,418	-				29,418	29,418	-								
94	Hỗ trợ phát triển giao thông nông thôn	4,000	4,000	-				4,000		4,000								
95	Khắc phục giao thông sau bão lũ, đảm bảo giao thông trên một số tuyến đường tỉnh.	7,500	7,500	-				7,500	-	7,500								
-	Khắc phục hậu quả lụt, bão, đảm bảo giao thông bước 1 trên ĐT.316I, ĐT.316H, ĐT.321, ĐT.321C và ĐT.323	54	54	-				54		54								
-	Khắc phục hậu quả lụt, bão đảm bảo giao thông bước 2 trên các tuyến ĐT.313B, ĐT.316B, ĐT.321C	3,559	3,559	-				3,559		3,559								
-	Khắc phục hậu quả lụt bão đảm bảo giao thông bước 1 trên các tuyến ĐT.314, ĐT.320, ĐT.320D và ĐT.321B	3,887	3,887	-				3,887		3,887								
96	Chi bổ sung có mục tiêu theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho sự nghiệp giao thông	90,000	90,000	-				90,000	-	90,000								
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên huyện Thanh Sơn - Thanh Thủy (giai đoạn 1), đoạn Thanh Sơn	7,000	7,000	-				7,000		7,000								
-	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 314 đoạn Thanh Ba - Hương Xạ	9,000	9,000	-				9,000		9,000								
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường huyện nội TL314 với TL 320, huyện Hạ Hòa	5,000	5,000	-				5,000		5,000								
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông nông thôn liên xã Đào Xá - Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy	9,000	9,000	-				9,000		9,000								
-	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 323C, huyện Phù Ninh (đoạn quốc lộ 2- để hữu sông Lô)	7,000	7,000	-				7,000		7,000								
-	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 316B	7,000	7,000	-				7,000		7,000								
-	Cải tạo, nâng cấp đường Ngọc Lập - Ngọc Đồng, huyện Yên Lập	8,000	8,000	-				8,000		8,000								
-	Cải tạo, nâng cấp và gia cố tuyến đê Tả ngòi Vĩnh Mộ	5,000	5,000	-				5,000		5,000								
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông và hệ thống chiếu sáng các tuyến đường trong thị trấn Hạ Hòa	4,000	4,000	-				4,000		4,000								
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn liên xã Tiên Kiên-Hy Cương- Xuân Lũng (3 tuyến) huyện Lâm Thao	2,000	2,000	-				2,000		2,000								
-	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ khu Đồng Thanh xã Đồng Lạc đi khu 8 xã Minh Hòa, huyện Yên Lập	4,000	4,000	-				4,000		4,000								
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ ĐT 320 đi Lang Sơn - Hạ Hòa	3,000	3,000	-				3,000		3,000								
-	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Tắt Thằng huyện Thanh Sơn đi xã Sơn Thủy, huyện Thanh Thủy	3,000	3,000	-				3,000		3,000								
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ khu 3, khu 4, khu 6, khu 7 xã Thanh Đình đi xã Chu Hóa, thành phố Việt Trì	5,000	5,000	-				5,000		5,000								
-	Cải tạo nâng cấp đường giao thông từ TL313 đi trung tâm xã Sơn Tinh, huyện Cẩm Khê	4,000	4,000	-				4,000		4,000								
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Hiền Quan - Hương Nha, huyện Tam Nông	3,000	3,000	-				3,000		3,000								
-	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn xã Hậu Bông huyện Hạ Hòa (điều chỉnh đoạn ĐT 320 đi khu 1 và khu 5; bổ sung các đoạn từ ĐT 320 đi đê P15, từ đê P12 đi ku 7, từ đê P15 đi khu dịch lịch sử Đình Tráng)	5,000	5,000	-				5,000		5,000								

		Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017															
STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách														
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên theo lĩnh vực										
				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Bao gồm		QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục, Đào tạo và dạy nghề	Y Tế	Văn hoá	TĐTT	PTTH
					Chi đầu tư XD/CB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất		Chi từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	Định mức								
98	Thực hiện đo đạc, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình (Từ nguồn thu tiền sử dụng đất)	10,000	10,000	-				10,000	10,000								
99	Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách khác của địa phương	8,000	8,000	-				8,000	8,000								
C	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	1,200	1,200					-	-								
D	DỰ PHÒNG NGĂN SÁCH	114,140	114,140					-	-								
E	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1,529,538	-					-	-								
F	BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	341,890	-					-	-								
G	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH, THỊ	3,782,411	-					-	-								

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2017 (Tiếp theo)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																	
		Chi cân đối ngân sách																	
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực										Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị		
		ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương								
10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL																		
	TỔNG CỘNG	58,902	31,630	433,088	90,216	11,235	20,145	21,480	10,000	8,000	42,005	123,972	1,392,791	1,200	114,140	1,529,538	341,890	3,782,411	
A	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN																		
B	CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH	58,902	31,630	433,088	90,216	11,235	20,145	21,480	10,000	8,000	42,005	123,972	1,392,791	-	-	-	-	-	
I	CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ CỦA TỈNH	50,743	28,630	60,501	32,152						40,982	123,972	1,392,791						
1	Văn phòng UBND tỉnh	-	-	-	-						857	-	-						
-	Chi định mức QLNN										104								
-	Trung tâm Công báo -Tin học										13								
-	Chi các hoạt động nghiệp vụ										140								
-	Chi hoạt động của thường trực UBND tỉnh,										200								
-	Kinh phí xây dựng, hoàn thiện và rà soát các văn bản quy phạm pháp luật																		
-	Chi duy trì cảnh quan môi trường khu vực UBND tỉnh										150								
-	Ban chỉ đạo phòng chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma tuý, mại dâm tỉnh																		
-	Chi sửa chữa và mua sắm thiết bị, tài sản UBND tỉnh										100								
-	In và phát hành Công báo của tỉnh																		
-	Chi hoạt động của Ban tiếp công dân.										25								
-	Chi cải tạo, nâng cấp và xây mới một số hạng mục công trình thuộc trụ sở làm việc của các cơ quan khu vực UBND tỉnh Phú Thọ.																		
-	Chi cải tạo nhà ăn thành nhà làm việc										50								
-	Chi triển khai ứng dụng công nghệ thông tin (triển khai hệ thống một cửa điện tử tích hợp dịch vụ công trực tuyến; triển khai hệ thống quản lý văn bản và điều hành tích hợp chữ ký số ...).										50								
-	Chi khác										25								
2	Văn phòng HĐND tỉnh.	-	-	-	-						396	-	-						
-	Chi định mức										41								
-	Phụ cấp kiêm nhiệm đại biểu HĐND tỉnh										-								
-	Phụ cấp nghiên cứu tài liệu + công tác phí của các đại biểu cơ sở + Đặt báo + Tài liệu chuyên môn các đại biểu										-								
-	Chi các kỹ hợp HĐND tỉnh										-								
-	Chi hỗ trợ đoàn đại biểu quốc hội										-								
-	Chi hoạt động của 4 ban của HĐND Tỉnh										-								
-	Chi các hoạt động giám sát, khảo sát.										50								
-	Chi hoạt động tiếp xúc cử tri										25								
-	Chi các hội nghị giao ban trong tỉnh										15								
-	Kinh phí xây dựng và rà soát các văn bản quy phạm pháp luật										-								
-	Chi hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh										125								
-	Kinh phí đảm bảo các hoạt động của HĐND theo mức chi của Nghị quyết 44/NQ-HĐND ngày 12/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ chi hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Phú Thọ										25								
-	Chi xây dựng bản tin										-								
-	Kinh phí duy trì trang thông tin điện tử đoàn đại biểu quốc hội và HĐND tỉnh										50								

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017														Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị	
		Chi cân đối ngân sách												Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				Dự phòng ngân sách
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực							Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách tiền lương									
		ĐBXH	KHCN	Sư nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác		Chi khác ngân sách	10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL							
-	Chi hoạt động chuyên môn phục vụ kỳ họp: Chi họp thăm tra, chi xây dựng các báo cáo của ban thăm tra, chi chuẩn bị các văn bản phục vụ các kỳ họp...			-									15						
-	Chi xây dựng cuốn kỷ yếu HĐND khóa mới Nk 2016-2021.			-									-						
-	Chi mua sắm trang phục cho đại biểu nhiệm kỳ mới 2016-2021.			-									-						
-	Chi thực hiện chuyên mục "Giải độc sơ với cử tri".			-									-						
-	Chi sửa chữa và mua sắm tài sản			-									50						
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	-	-	-	-								275	150	800				
-	Chi định mức			-									120	150	800				
-	Chi hoạt động tư vấn, giám sát đánh giá dự án đầu tư			-									-						
-	Chi ban chỉ đạo các CTMTQG			-									-						
-	Kinh phí xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật			-									-						
-	Kinh phí chi gặp mặt các doanh nghiệp và doanh nhân hàng năm			-									-						
-	Chi ban chỉ đạo, văn phòng phát triển bền vững tỉnh Phú Thọ			-									-						
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.			-									-						
-	Kinh phí duy trì trang thông tin điện tử.			-									-						
-	Kinh phí chi một cửa liên thông			-									20						
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-									50						
-	Kinh phí nghiệp vụ Ban đổi mới doanh nghiệp			-									10						
-	Chi Ban chỉ đạo Xã hội hoá về công tác giáo dục, y tế.			-									-						
-	Chi nghiệp vụ: Hoạt động KT đối ngoại; xây dựng báo cáo phát triển KTXH... và các hoạt động nghiệp vụ khác.			-									75						
4	Sở Khoa học công nghệ	-	11,200	-	-								925	-	-				
-	Chi định mức			-									55						
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.			-									-						
-	Công tác kế hoạch hoá, thông kê khoa học công nghệ và hoạt động của Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh; Quản lý khoa học, quản lý cơ sở		1,500	-									150						
-	Chi công tác quản lý công nghệ và thanh tra KHCN		450	-									45						
-	Công tác sơ hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân		300	-									30						
-	Hoạt động tin học và thông tin khoa học công nghệ		450	-									45						
-	Chi hoạt động ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học		450	-									45						
-	Công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng		500	-									50						
-	Đào tạo trao đổi, hợp tác về khoa học và công nghệ trong và ngoài nước		550	-									55						
-	Bổ sung trang thiết bị, tăng cường tiềm lực phục vụ nghiên cứu và quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ		500	-									50						
-	Hỗ trợ các hoạt động khoa học công nghệ của các sở, ban, ngành, các hội khoa học, hội đồng khoa học công nghệ các cấp và các nhiệm vụ cấp cơ sở		1,500	-									150						
-	Hỗ trợ nhân rộng kết quả nghiên cứu và ứng dụng chuyển giao tiến bộ KH-CN trên địa bàn tỉnh.		3,000	-									150						
-	Hỗ trợ xây dựng bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm, hàng hóa đặc trưng và có lợi thế của tỉnh.		2,000	-									100						
5	Trung tâm Tin học và Thông kê Khoa học và Công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	-	1,202	-	-								53	-	-				
-	Chi định mức		902	-									23						
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản.		300	-									30						
6	Trung tâm Kỹ thuật đo lường - thử nghiệm (Sở Khoa học và Công nghệ)		820	-									22						

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017															
		Chi cân đối ngân sách													Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực							Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách						
		ĐBXH	KHCN	Sư nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác				Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách tiền lương			
									10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL							
7	Trung tâm ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)		984	-						22							
8	Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	-	13,524	-	-					634	-	-					
	Chi định mức		255	-						7							
	Chi hoạt động nghiệp vụ của Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ		269	-						27							
	Chi nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ		12,000	-						600							
	Bổ sung vốn điều lệ Quỹ phát triển khoa học công nghệ		1,000	-													
9	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng			-						34	10	300					
10	Chi cục thú y	-	-	8,310	-					236	80	210					
	- Chi định mức biên chế QLNN			-						31							
	- Chi định mức biên chế sự nghiệp			4,510						55	80	210					
	Chi kiểm tra vệ sinh thú y, công tác thú y thủy sản và phòng chống bệnh dại			600						60							
	- Phòng chống dịch diện rộng			2,000						-							
	- Kinh phí sửa chữa các trạm thú y: Cẩm Khê, Đoan Hùng			200						20							
	- Thuê trụ sở làm việc các trạm (Việt Trì, Thanh thủy, Thanh sơn, Tân sơn, Hạ Hoà, Lâm Thao)			120						-							
	- Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản			500						50							
	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra			180						-							
	Chi hoạt động nghiệp vụ tuyên truyền; chi phân tích mẫu thuốc và thức ăn chăn nuôi			200						20							
11	Văn phòng Chi cục bảo vệ thực vật	-	-	6,596	-					268	4	40					
	- Chi định mức biên chế QLNN			-						21	4	25					
	- Chi định mức biên chế sự nghiệp			4,346						55		15					
	- Chi kiểm tra, lấy mẫu thuốc, phân tích			150						-							
	- Hỗ trợ công tác tuyên truyền + Nghiệp vụ			200						20							
	- Kinh phí xây dựng mô hình kỹ thuật diệt chuột hại cây trồng			200						20							
	- Chi hoạt động kiểm dịch thực vật			150						8							
	Chi thực hiện KH: Đẩy mạnh ứng dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trên cây trồng			500						50							
	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra			100						-							
	- Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			500						50							
	- Chi hoạt động phòng trừ sâu bệnh+ duy trì bẫy đèn			450						45							
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	-	-	650	-					150	32	80					
	- Chi định mức biên chế			-						83	32	80					
	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg+Chi trang phục thanh tra + chi lấy mẫu kiểm tra, phân tích mẫu giống và phân bón			-						-							
	Chi sửa chữa lớn trụ sở			-						25							
	Chi duy trì trang thông tin điện tử			-						-							
	Chi nghiệp vụ sở			-						-							
	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản cố định			-						20							
	Ban chỉ đạo các chương trình nông nghiệp của tỉnh			200													
	Chi cho công tác báo cáo tiến độ SX NLN			450						23							
13	Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão	-	-	12,556	-					1,044	-	-					
	- Chi định mức biên chế QLNN			-						24							
	- Chi định mức đội quản lý đê			2,296						34							
	- Tu bổ đê, kè cống			5,000						500							
	- Cải tạo, sửa chữa nâng cấp kè			4,000						400							

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																	
		Chi cân đối ngân sách													Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị		
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực								Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách							
		ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách				Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương					
									10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL									
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.			60															
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản và nghiệp vụ.			500															
-	Chi Ban chỉ huy phòng chống lụt bão: 400 triệu đồng; chi sửa chữa hạt Thanh Thủy: 300 triệu.			700															
14	Chi cục Thủy lợi	-	-	7,226	-														
-	Chi định mức biên chế QLNN			-															
-	Định mức biên chế sự nghiệp			1,066															
-	Chi ban chỉ đạo, quản lý CTMT nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn			200															
-	Chi hoạt động tuyên truyền, kiểm tra chống úng, chống hạn, vệ sinh môi trường nông thôn.			300															
-	Chi sửa chữa + mua sắm tài sản			300															
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.			60															
-	Chi nghiệp vụ.			300															
-	Duy tu sửa chữa thường xuyên các công trình cấp nước sinh hoạt do cộng đồng quản lý và các công trình thủy lợi.			5,000															
15	Chi cục Thủy sản	-	-	2,880	-														
-	Chi định mức biên chế QLNN			-															
-	Chi định mức biên chế sự nghiệp			820															
-	Chi nghiệp vụ			-															
-	Hỗ trợ mua cá hậu bị giống mới để sản xuất cá bố mẹ, bảo tồn lưu giữ giống cá quý hiếm...			400															
-	Hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật sản xuất giống mới và cải tạo đàn cá bố mẹ cho các cơ sở sản xuất giống trên địa bàn			300															
-	Chi điều tra cảnh báo phòng trị bệnh dịch thủy sản (chỉ lấy mẫu, xét nghiệm, kiểm tra...); điều tra , lấy mẫu thức ăn phục vụ thanh tra chuyên ngành			200															
-	Chi sửa chữa nhà và mua sắm tài sản, thiết bị phục vụ chuyên môn			400															
-	Chi thực hiện quan trắc môi trường, lấy mẫu phân tích, xét nghiệp cảnh báo, phòng trị dịch bệnh thủy sản.			200															
-	Tổ chức thực hiện KH phát triển cá lồng thâm canh			200															
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.			60															
-	Chi tuyên truyền khuyến khích phát triển thủy sản			300															
16	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	-	-	-	-														
-	Chi định mức			-															
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.			-															
-	Chi mua sắm thiết bị, tài sản, sửa chữa tài sản			-															
-	Chi xây dựng quản lý chuỗi cung cấp thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn.			-															
-	Chi giám sát chất lượng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông lâm thủy sản.			-															
-	Chi xúc tiến thương mại, kết nối doanh nghiệp, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm.			-															
-	Chi tổ chức các đoàn thanh tra liên ngành kiểm tra, giám sát cảnh báo nguy cơ mất an toàn thực phẩm.			-															
-	Chi nghiệp vụ tuyên truyền , tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, phổ biến pháp luật về an toàn TP, lấy mẫu phân tích ...			-															
17	Chi cục Lâm nghiệp			340															

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017														Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi cân đối ngân sách																
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																
		ĐBXH	KHCN	Sư nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách tiền lương		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách			
10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL																	
-	XD mô hình trình diễn, khuyến nông, khuyến ngư		2,000						100									
-	Chi sửa chữa nhà làm việc và các công trình		500						50									
-	Chi hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm cho nông dân		200						20									
24	Trung tâm giống vật nuôi Phù Thọ	-	4,058	-					107	-	10,300							
-	Chi định mức biên chế		1,558						27		10,300							
-	Chi tuyển tuyển + nghiệp vụ.		300						30									
-	Hỗ trợ sản xuất giống lợn gốc ông bà để sản xuất giống bố mẹ chất lượng		800						-									
-	Hỗ trợ sản xuất gà giống		300						-									
-	Chi mua sắm + sửa chữa tài sản		500						50									
-	Hỗ trợ sản xuất tinh dịch lợn		300						-									
-	Chi hỗ trợ cải tạo đàn bò bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo.		300						-									
25	Ban quản lý dự án công trình xây dựng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		425						3	-								
26	Sở Nội vụ	-	-	-	-				196	-	-							
-	Chi định mức		-						47									
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.		-						-									
-	Kinh phí thực hiện chương trình phát triển thanh niên giai đoạn 2015-2020.		-						30									
-	Kinh phí triển khai thực hiện chính sách tinh giản biên chế.		-						25									
-	Chi nghiệp vụ.		-						44									
-	Chi sửa chữa + mua sắm tài sản và duy trì mạng Lan		-						50									
27	Ban Tôn giáo	-	-	-	-				22	-	-							
-	Chi định mức		-						12									
-	Chi nghiệp vụ		-						-									
-	Mua sắm tài sản		-						10									
-	Chi chúc mừng, thăm hỏi các tổ chức, chức việc, chức sắc tôn giáo.		-						-									
28	Ban dân tộc	-	-	-	-				87	-	-							
-	Chi định mức biên chế		-						32									
-	Cung cấp thông tin, tập huấn bồi dưỡng kiến thức và thăm hỏi người có uy tín theo QĐ 18/2011/QĐ-TTg		-						-									
-	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản		-						30									
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.		-						-									
-	Chi nghiệp vụ		-						25									
29	Ban thi đua khen thưởng	-	-	-	-				74	-	-							
-	Chi định mức		-						34									
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản		-						20									
-	Các nhiệm vụ phục vụ thi đua khen thưởng		-						20									
30	Thanh tra tỉnh	-	-	-	-				138	-	-							
-	Chi theo định mức		-						53									
-	Chi trang phục thanh tra + Chi bồi dưỡng công chức thanh tra.		-						-									
-	Thanh tra viên trực tiếp tiếp dân và xử lý đơn thư		-						-									
-	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản-		-						30									
-	Kinh phí duy trì mạng Lan và trang thông tin điện tử		-						-									
-	Kinh phí trích cho thanh tra tỉnh để thực hiện các nội dung theo Thông tư Liên tịch số 90/2012/TTLT-BTC- TTCP ngày 30/5/2012 và Nghị quyết 29/2012/NQ-HĐND ngày 17/12/2012.		-						-									
-	Chi nghiệp vụ		-						55									
31	Trung tâm Thông tin tư liệu thanh tra (Thanh tra tỉnh)	-	-	-	-				34	-	-							
-	Chi theo định mức		-						14									

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
		Chi cân đối ngân sách												Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị		
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực								Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách						
		ĐBXH	KHCN	Sư nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách				Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định				Nguồn thực hiện các cách tiền lương	
		10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL															
-	Chi nghiệp vụ + duy trì thông tin điện tử + tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về khiếu nại tố cáo...			-							-							
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản.			-							20							
32	Sở Tài chính	-	-	-	-						259	-	2,500					
-	Chi theo định mức			-							104		2,500					
-	Công bố giá hàng tháng và kiểm tra kê khai giá.			-							-							
-	Duy trì diện rộng hệ thống TABMIT....			-							50							
-	Kinh phí xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật			-							-							
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 52/2009/NĐ-CP, Nghị định số 04/2016/NĐ-CP về quản lý TSNN; Thông tư 123/2011/TT-BTC về việc quản lý, khai thác phần mềm quản lý, đăng ký tài sản nhà nước trong công tác kiểm tra, rà soát, đăng nhập dữ liệu tài sản nhà, đất, xe ô tô, tài sản khác 500tr trở lên; tài sản kết cấu giao thông đường bộ, TS ban QL dự án vào cơ sở dữ liệu quốc gia; triển khai thực hiện Quyết định số 08/2016/QĐ-TTg quy định việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung ...			-							-							
-	Kinh phí chi nghiệp vụ: Thực hiện Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 về thực hiện cs thu lợi phí; Thông tư liên tịch số 32/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính về theo dõi, đơn đốc thu hồi nợ, giao nhận và hoàn trả vốn đầu tư lưới điện hạ áp nông thôn; công tác quản lý tài chính doanh nghiệp.			-							-							
-	Chi hội đồng thẩm định bảng giá đất theo ND 44/2014/NĐ-CP ; Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể tính tiền sử dụng đất theo ND 45/2014/NĐ-CP; TT số 48/2012/TT-BTC; TT số 137/2010/TT-BTC; TT số 38/2014/TT-BTC theo quy định Luật Giá.			-							-							
-	Kinh phí duy trì mạng Lan, trang thông tin điện tử và công tác thống kê, lưu trữ tài chính			-							-							
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-							50							
-	Chi nghiệp vụ ngành.			-							55							
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra và nghiệp vụ.			-							-							
33	Sở Công thương	-	-	-	-						222	90	350					
-	Chi định mức			-							87	90	350					
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.			-							-							
-	Chi hoạt động của Ban hội nhập kinh tế quốc tế			-							-							
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản, nâng cấp hệ thống điện của sở.			-							-							
-	Kinh phí bán giao lưới điện áp nông thôn (Ban quản lý RE II)+ Tổ chức thu hồi vốn Dự án năng lượng nông thôn.			-							-							
-	Chi xúc tiến thương mại, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ thương mại; Hỗ trợ tổ chức đưa hàng về nông thôn miền núi			-							60							
-	Chi BCD an toàn lưới điện cao áp (200 triệu); tập huấn kiến thức cho các CSSXKD (150 triệu); đánh giá tác động môi trường ngành công thương (150 triệu).			-							30							
-	Kinh phí quy hoạch phát triển Điện lực tỉnh Phú Thọ đến năm 2025 có xét đến năm 2030.			-							-							
-	Kinh phí tổ chức hội nghị ngành công thương và hội nghị khuyến công khu vực phía bắc năm 2017.			-							-							

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
		Chi cân đối ngân sách													Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị	
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực									Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách					
		ĐBXH	KHCN	Sư nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định				Nguồn thực hiện cải cách tiền lương				
									10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
-	Kinh phí quy hoạch Dự án thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Phú Thọ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (QĐ số 951/QĐ-UBND ngày 25/3/2011; QĐ số 1263/QĐ-UBND ngày 16/5/2012): 300 triệu; Dự án Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp tỉnh Phú Thọ đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (QĐ số 746/QĐ-UBND ngày 31/3/2016): 300 triệu.			-														
-	Chi nghiệp vụ ngành.			-														
-	Kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin; xây dựng đề án cơ sở dữ liệu ngành công thương.			-						45								
34	Sở Xây dựng	-	-	-	-					152	425	1,200						
-	Chi định mức			-						104	425	1,200						
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.			-						-								
-	Kinh phí mua sắm tài, sửa chữa tài sản.			-						18								
-	Kinh phí mở lớp tập huấn văn bản pháp luật liên quan đến xây dựng			-						-								
-	Kinh phí điều tra, thu thập số liệu báo cáo thông kê ngành Xây dựng theo Thông tư 06/2012/TT-BXD ngày 10/10/2012 của Bộ Xây dựng.			-						-								
-	Kinh phí hoạt động của BCD thực hiện chính sách hỗ trợ về nhà ở đối với hộ nghèo.			-						-								
-	Chi nghiệp vụ.			-						-								
-	Kinh phí xác định, công bố chi số giá xây dựng năm 2017 theo TT số 02/2012/TT-BXD.			-						30								
35	Sở Giao thông vận tải	-	-	-	-					186	500	17,274						
-	Chi định mức			-						156	500	17,274						
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản.			-						30								
-	Chi nghiệp vụ ngành.			-						-								
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.			-						-								
36	Sở Tư pháp.	-	-	-	-					322	20	400						
-	Chi định mức			-						84	20	400						
-	Chi công tác cải cách hành chính nhà nước và hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính			-						20								
-	Kinh phí duy trì tủ sách pháp luật (2triệu đồng/xã/năm; riêng huyện Tân Sơn: 2,5triệu đồng/xã/năm)			-						-								
-	Chi phục vụ công tác hành chính tư pháp: Mua biểu mẫu, sổ sách cấp hộ tịch cho các xã phường, thị trấn; quản lý khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp			-						40								
-	Kinh phí chi phục vụ công tác xây dựng thi hành văn bản quy phạm pháp luật; Công tác hành chính tư pháp;			-						30								
-	Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra, rà soát hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật			-						-								
-	Mua sắm, sửa chữa, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và sửa chữa trụ sở làm việc Sở Tư pháp.			-						35								
-	Kinh phí thực hiện Đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và đăng ký hộ tịch (cấp tỉnh)			-						30								
-	Chi nghiệp vụ.			-						33								
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.			-						-								
-	Kinh phí tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật			-						50								
37	Sở Tài nguyên và Môi trường	-	-	-	20,427					373	222	2,300						

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017															
		Chi cân đối ngân sách													Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực										Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách			
		ĐBXH	KHCN	Sư nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương						
									10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL							
-	Chi định mức			-						45	222	2,300					
-	Chi nghiệp vụ kiểm tra, giám sát, tuyên truyền, tập huấn nghiệp vụ ...			-						33							
-	Chính lý biến động đất đai.			-	1,000					-							
-	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2016-2020.			-	1,500					-							
-	Kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 cấp tỉnh.			-	800					-							
-	Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai của các tổ chức sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.			-	1,000					-							
-	Xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới, đo đạc thống kê chi tiết hiện trạng sử dụng đất nông, lâm trường quốc doanh trên địa bàn toàn tỉnh.			-	3,000					-							
-	Các hoạt động quản lý khoáng sản và thẩm định cấp quyền khai thác khoáng sản			-	200					20							
-	Xây dựng mạng lưới quan trắc động thái nước dưới đất vùng Lâm Thao.			-	500					-							
-	Kinh phí thực hiện dự án xây dựng CSDL tài nguyên môi trường.			-	1,000					-							
-	Kinh phí lập, thực hiện dự án điều tra hoá đất kỹ đầu tỉnh Phú Thọ.			-	2,000					-							
-	Kinh phí thực hiện dự án "Quy hoạch phân bố và bảo vệ tài nguyên nước tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2030".			-	2,000					-							
-	Các hoạt động quản lý tài nguyên nước - khí tượng thủy văn			-	100					10							
-	Quản lý thu thập, xử lý thông tin tài nguyên và môi trường.			-	1,000					100							
-	Duy trì trang thông tin + Xây dựng bản tin Tài nguyên môi trường			-	400					-							
-	Thực hiện mạng lưới quan trắc, phân tích, cảnh báo ô nhiễm môi trường giai đoạn 2016-2020.			-	500					-							
-	Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường tỉnh			-	100					-							
-	Phối hợp với các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh thực hiện chương trình bảo vệ môi trường			-	200					20							
-	Kinh phí điều tra, khảo sát, lập công bố danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.			-	1,000					-							
-	Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Phú Thọ đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030.			-	1,000					-							
-	Chi trang phục + Chế độ bồi dưỡng công chức thanh tra.			-	217					-							
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản của sở Tài nguyên			-	400					40							
-	Kinh phí đo đạc trích lục bản đồ đối với những nhà đầu tư không sử dụng ngân sách nhà nước đầu tư vào tỉnh Phú Thọ			-	100					-							
-	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của 11 huyện trên địa bàn tỉnh.			-	360					-							
-	Đề án cung cấp thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện đến 2020.			-	200					20							
-	Kinh phí thực hiện Dự án hệ thống mạng thông tin về Tài nguyên môi trường.			-	1,000					-							
-	Kinh phí xây dựng Đề án bảo vệ môi trường nông thôn tỉnh.			-	400					40							
-	Đầu tư trang thiết bị và phần mềm để tiếp nhận số liệu quan trắc nước thải tự động từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ.			-	200					20							
-	Rà soát, kiểm tra các nguồn thải vào lưu vực sông.			-	50					5							
-	Triển khai Đề án quy hoạch tổng thể lĩnh vực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020.			-	200					20							

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
		Chi cân đối ngân sách													Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị	
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực								Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách						
		ĐBXH	KHCN	Sư nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách				Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách tiền lương				
									10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
38	Chi cục quản lý đất đai	-	-	-	100						115	-	-					
-	Chi định mức			-							45							
-	Chi tập huấn, tuyên truyền phổ biến Luật đất đai			-							20							
-	Chi xác định giá đất, thẩm định hồ sơ xác định giá đất làm căn cứ thu tiền SDD, tiền thuê đất của các huyện, thành, thị.			-							-							
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản			-							20							
-	Chi nghiệp vụ			-							20							
-	Lập danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2017			-	100						10							
39	Chi cục Bảo vệ Môi trường	-	-	-	800						164	-	-					
-	Chi định mức			-							64							
-	Chi nghiệp vụ			-							10							
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-							10							
-	Tuyên truyền phổ biến pháp luật về tài nguyên môi trường			-	200						20							
-	Xây dựng báo cáo chuyên đề hiện trạng môi trường; Kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường, thẩm định đánh giá tác động môi trường (DTM)			-	350						35							
-	Lấy mẫu, giám định các thông số môi trường phục vụ việc xác nhận hoàn thành các công trình xử lý môi trường trước khi đưa vào vận hành; Kiểm tra hiện trạng môi trường khu vực thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (DTM) ... Quản lý môi trường.			-	250						25							
40	Trung tâm Công nghệ thông tin - Sở Tài nguyên và Môi trường	-	-	-	1,295						75	-	160					
-	Chi định mức			-	595						5		160					
-	Chi nghiệp vụ (hướng dẫn, kiểm tra, thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác dữ liệu tài nguyên môi trường tại Phòng Tài nguyên môi trường cấp huyện và cấp xã; tiếp nhận, xử lý, phân loại và xác định giá trị tài liệu về tài nguyên môi trường và chỉ cho hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin...)			-	500						50							
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản			-	200						20							
41	Trung tâm quan trắc bảo vệ môi trường	-	-	-	2,045						132	-	-					
-	Chi định mức			-	595						7							
-	Chi nghiệp vụ			-	350						35							
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản			-	200						20							
-	Vận hành Trạm quan trắc môi trường không khí tự động			-	400						20							
-	Kinh phí sửa chữa, thay thế các linh kiện của Trạm quan trắc môi trường không khí tự động Theo văn bản quy định của Bộ Tài nguyên và môi trường.			-	500						50							
42	Trung tâm kỹ thuật công nghệ tài nguyên	-	-	-	1,685						81	-	-					
-	Chi định mức			-	935						6							
-	Chi nghiệp vụ			-	450						45							
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản			-	300						30							
43	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	-	-	-	1,520						53	52	224					
-	Chi định mức			-	1,020						3	52	224					
-	Chi nghiệp vụ trích lục bản đồ, trích sao hồ sơ địa chính, điều chỉnh hồ sơ biến động đất đai...			-	200						20							
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản			-	300						30							
44	Trung tâm phát triển quỹ đất	-	-	-	1,825						70	-	-					
-	Chi định mức			-	1,275						15							
-	Chi nghiệp vụ quản lý quỹ đất (Cắm mốc giới, đo đạc bản đồ, lập kế hoạch phương án khai thác sử dụng đất ...).			-	250						25							
-	Chi thực hiện nhiệm vụ đấu giá quyền sử dụng đất			-	-						-							
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản			-	300						30							
45	Quỹ Bảo vệ môi trường.	-	-	-	2,455						5	-	-					

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017													Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị	
		Chi cân đối ngân sách											Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				Dự phòng ngân sách
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực							Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách tiền lương							
		ĐBXH	KHCN	Sư nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác			10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL						
-	Điều tra, nghiên cứu sưu tầm văn hoá phi vật thể các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020; Kinh phí điều tra sưu tầm văn hóa phi vật thể "Tin ngưỡng thờ cúng Hùng Vương"; Kiểm kê, sưu tầm, bảo quản, trưng bày, tuyên truyền di sản Văn hóa truyền thống điển hình các dân tộc thiểu số; Sưu tầm, trưng bày Ngôi nhà Việt Cổ.			-														
-	Sưu tầm tư liệu hiện vật trưng bày, tuyên truyền về biển đảo Trường Sa, Hoàng Sa			-														
-	Chi hoạt động Bảo tàng (điện, nước và các hoạt động phục vụ khách tham quan).			-								15						
-	Chi làm nhà vòm bảo quản máy bay, tu sửa sơn lại hiện vật 02 máy bay MIC 21.			-								15						
-	Chi nghiệp vụ.			-								30						
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản:			-								30						
48	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Đền Hùng			-								1						
49	Thư viện tỉnh	-	-	-	-							184	10	40				
-	Chi định mức			-								24	10	40				
-	Kinh phí mua sắm tài sản + công cụ phục vụ nghiệp vụ			-								50						
-	Kinh phí sử lý môi, bảo quản sách			-								20						
-	Chi phí mua phần mềm thư viện ILIB 6,5 + duy trì Website thư viện.			-								15						
-	Chi tổ chức Thiểu nhi Đát tổ tuyên truyền giới thiệu sách + triển lãm sách, tư liệu phục vụ Giỗ tổ Hùng Vương; tổ chức hội thi cán bộ thư viện giỏi ...			-								35						
-	Kinh phí duy trì dự án BMGF-VN thư viện tỉnh			-								-						
-	Bổ sung sách báo hàng năm cho thư viện tỉnh			-								-						
-	Kinh phí vận chuyển xếp dỡ sách báo, phục vụ sửa chữa trụ sở thư viện			-								10						
-	Chi nghiệp vụ.			-								30						
-	Chi bổ sung sách cho kho lưu động để luân chuyển đến các điểm bưu điện- văn hoá xã			-								-						
50	Khu di tích lịch sử đền hùng	-	-	-	-							116	695	34.832				
-	Chi định mức			-								66	695	34.832				
-	Chi mua sắm tài sản.			-								50						
-	Kinh phí bảo vệ 39,6 ha rừng nhận bàn giao từ Công ty Giấy.			-								-						
-	Chi xây dựng kế hoạch bảo tồn, phát huy giá trị Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, giai đoạn 2016-2020.			-								-						
51	Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Phú Thọ	-	-	-	-							55	-	-				
-	Chi định mức			-								18						
-	Kinh phí hoạt động 9 chuyên ngành (25 triệu/ chuyên ngành).			-								-						
-	Trao thưởng hàng năm của 9 chuyên ngành			-								-						
-	Kinh phí mở lớp nâng cao sáng tác bồi dưỡng tài năng trẻ			-								-						
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức ngày thơ Việt Nam năm 2017: 50 triệu;			-								-						
-	Kinh phí hỗ trợ cho 3 ngành mỹ thuật, nhiếp ảnh và Âm nhạc đi dự liên hoan và triển lãm : 3 x 20 =60 triệu; Hội thảo về nhà văn Nguyễn Hữu Nhân: 50 triệu.			-								-						
-	Chi hỗ trợ hoạt động 7 chi hội trực thuộc Trung ương tại tỉnh Phú Thọ			-								-						
-	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản			-								30						
-	Kinh phí tổ chức hội thảo và xuất bản tập sách âm nhạc kỷ niệm 20 năm tái lập tỉnh: 80 triệu; Tổ chức cuộc thi ảnh nghệ thuật "Vẻ đẹp tiềm ẩn quê hương con người Phú Thọ 2017: 70 triệu).			-								8						
-	Hỗ trợ kinh phí trả nhuận bút			-								-						

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017													Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị	
		Chi cân đối ngân sách											Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				Dự phòng ngân sách
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực							Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương							
		ĐBXH	KHCN	Sư nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác			10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL						
52	Tạp chí văn nghệ Đất Tô	-	-	-	-								35	-	-			
-	Chi định mức												15					
-	Hỗ trợ trả nhuận bút Tạp chí văn nghệ Đất Tô và phụ san Tạp chí văn nghệ Đất Tô																	
-	Cấp tạp chí văn hóa đất tổ cho các xã ĐBK+ATK: 100tr; Cấp tạp chí cho 301 đối tượng lãnh đạo trong tỉnh: 100tr.																	
-	Kinh phí tổ chức cuộc thi vẽ đề tài "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" + tổ chức hội báo xuân + xuất bản các phụ trương ...																	
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản.																	
53	Hội Nhà báo	-	-	-	-								56	-	-			
-	Chi định mức												6					
-	Chi giải thưởng hội nhà báo hàng năm: 150 triệu; Tổ chức hội báo xuân: 100 triệu.																	
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản.												20					
-	Chi nghiệp vụ												30					
54	Trung tâm phát hành phim và chiếu bóng	-	-	-	-								207	10	708			
-	Chi định mức biên chế												2	10	708			
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản máy móc, thiết bị.												30					
-	Chi mua sắm máy chiếu phim HD.												50					
-	Chi sửa chữa rạp Hoà Phong.												75					
-	Chi nghiệp vụ.												50					
-	Chi trợ giá các buổi chiếu phim miễn phí 2.745.000đ x 1.616 buổi, phim thiếu nhi 126 buổi x 2.637.000đ + cấp bù kinh phí các buổi chiếu phim do nhà nước điều chỉnh chính sách tiền lương: 86 triệu.																	
55	Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch	-	-	-	-								84	-	-			
-	Chi định mức												34					
-	Chi nghiệp vụ												30					
-	Kinh phí chương trình xúc tiến du lịch tỉnh Phú Thọ năm 2017.																	
-	Biên tập, in ấn phát hành Bản tin Du lịch Phú Thọ + in tờ rơi, tờ gấp quảng bá du lịch Phú Thọ																	
-	Sửa chữa, mua sắm tài sản																	
56	Trung tâm dịch vụ môi trường và Hạ tầng kỹ thuật khu Di tích lịch sử Đền Hùng	-	-	-	-													
-	Chi định mức;																	
-	Kinh phí duy tu, bảo dưỡng 20km đường thuộc Khu di tích lịch sử Đền Hùng quản lý.																	
57	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	45,444											1,044	3	17			
*	Chi quản lý nhà nước													149	3	17		
-	Chi định mức													66	3	17		
-	Chi hoạt động tuyên truyền chính sách người có công, bảo trợ xã hội ...																	
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản																	
*	Trung tâm Trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần	8,326												117	-			
-	Chi định mức	4,200												47				
-	Chi phụ cấp trực theo QĐ 73/2011/QĐ-TTg	426																
-	Trợ cấp các đối tượng theo ND 136/2013/ND-CP.	3,000																
-	Chi tuyên truyền tư vấn cho người tâm thần đưa vào cộng đồng.	300																
-	Chi mua sắm sửa chữa tài sản.	400																
*	Trung tâm giáo dục Lao động xã hội	9,084												88	-	-		
-	Chi định mức	5,200												48				

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017														Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi cân đối ngân sách																
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																
		ĐBXH	KHCN	Sư nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách			
10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL																	
-	Chi phụ cấp thu hút đặc thù (theo TT số 18/2004/TT-BLĐTBXH; QĐ số 4115/QĐ-UBND).	884		-						-								
-	Chi mua sắm sửa chữa tài sản.	400		-						40								
-	Kinh phí tổ chức cai nghiện cho đối tượng ma túy tại trung tâm.	2,600		-						-								
*	Trung tâm điều dưỡng người có công	5,644	-	-	-					133	-	-						
-	Chi định mức	4,800		-						93								
-	Chi phụ cấp trực theo QĐ 73/2011/QĐ-TTg	144		-						-								
-	Chi mua sắm sửa chữa tài sản.	400		-						40								
-	Chi hỗ trợ đưa người có công đi điều dưỡng tập trung	300		-						-								
*	Nghiệp vụ ngành	600		-						60								
*	Thu gom các đối tượng lang thang	100		-						-								
*	Mai táng phí cựu Cựu chiến binh, thanh niên xung phong, quân nhân, dân công hỏa tuyến ... theo chế độ.	12,000		-						-								
*	Chi công tác an toàn vệ sinh lao động + phòng chống cháy nổ	200		-						20								
*	Các đoàn đi thăm viếng nghĩa trang liệt sĩ	600		-						-								
*	Chi quà các đối tượng chính sách tết +27/7+báo	1,100		-						-								
*	Hoạt động của ban chỉ đạo giải quyết việc làm	200		-						-								
*	Hỗ trợ hoạt động xuất khẩu lao động và tuyên truyền về xuất khẩu lao động	500		-						50								
*	Kinh phí chi công tác tuyên truyền, kiểm tra giám sát thực hiện đề án công tác xã hội	70		-						-								
*	Đưa đón các đối tượng đi điều dưỡng	400		-						20								
*	Kinh phí kỷ niệm ngày Thương binh liệt sỹ 27/7	500		-						-								
*	Thu thập, xử lý thông tin cung cầu lao động	350		-						35								
*	Kinh phí thực hiện đề án trợ giúp người khuyết tật	100		-						10								
*	Chi rà soát hộ nghèo (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)	250		-						-								
*	Chi ban chỉ đạo giảm nghèo	100		-						-								
*	Chi tổ chức hội thi giáo viên dạy nghề:	500		-						50								
*	Chi hoạt động của hội đồng trọng tài giải quyết tranh chấp lao động, hội nghị tuyên truyền, kiểm tra việc thực hiện bộ luật lao động tại các doanh nghiệp.	200		-						20								
*	Kinh phí thực hiện chương trình bảo vệ trẻ em tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016-2020; Chi nghiệp vụ chăm sóc trẻ em.	500		-						50								
*	Kinh phí thực hiện quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 28/6/2013 phê duyệt chương trình hành động vì trẻ em Phú Thọ giai đoạn 2013-2020	200		-						20								
*	Kinh phí thực hiện QĐ số 234/QĐ-TTg ngày 05/02/2016 của Thủ tướng CP về chương trình phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ em GD 2016-2020; Triển khai KH số 3673/KH-UBND ngày 29/8/2016 về phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ em tỉnh Phú Thọ, GD 2016-2020.	200		-						20								
*	Chi hoạt động bình đẳng giới và Ban chỉ đạo vì sự tiến bộ của phụ nữ	450		-						45								
*	Kinh phí thực hiện đề án 647/QĐ-TTg về chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt giai đoạn 2014-2020	300		-						30								
*	Chi các ban chỉ đạo các chương trình của ngành (người cao tuổi; dạy nghề; ...)	300		-						-								
*	Kinh phí chi cho các hoạt động quản lý đối tượng bảo trợ xã hội	200		-						20								
*	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.	100		-						-								

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017														Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi cân đối ngân sách																
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực										Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách				
		ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương							
10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL																	
*	Hỗ trợ kinh phí tiên ăn và tiền đi lại cho trẻ em phẫu thuật tim bẩm sinh	50		-							-							
*	Kinh phí xây dựng công trình Kho lưu trữ và quản lý hồ sơ Người có công với cách mạng.	1,070		-							-							
*	Các nhiệm vụ phát sinh khác	600		-							60							
*	Kinh phí quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Phú Thọ.	200		-							10							
*	Kinh phí tổ chức mở các lớp kỹ năng nghề	150		-							8							
*	Kinh phí thực hiện KH số 87/KH-UBND ngày 12/01/2015 về Trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; KH số 880/KH-UBND về thúc đẩy sự tham gia của Trẻ em, GD 2016-2020.	300		-							30							
58	Chi cục phòng chống tệ nạn xã hội	550	-	-	-						99	-	-					
-	Chi định mức			-							21							
-	Chi nghiệp vụ tuyên truyền về phòng chống tệ nạn xã hội.			-							30							
-	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản			-							20							
-	Hoạt động nghiệp vụ, kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình phòng chống mại dâm, Công tác phòng chống ma túy.	500		-							25							
-	Hoạt động nghiệp vụ tiếp nhận phụ nữ và trẻ em từ nước ngoài về.	50		-							3							
59	Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Phú Thọ	500	-	-	-						15	-	-					
-	Định mức	300		-							5							
-	Kinh phí vận động tài trợ + tổ chức lễ trao quà và nghiệp vụ	200		-							10							
60	Trung tâm quản lý sau cai nghiện ma túy	2,749	-	-	-						48	-	-					
-	Định mức	1,300		-							28							
-	Chi phụ cấp thu hút đặc thù (theo QĐ số 73/2011/QĐ-TTg; QĐ số 4115/QĐ-UBND).	272		-							-							
-	Chi chế độ cho đối tượng sau cai nghiện theo TT 121/2010/TTLT BTC-BLDTBXH ngày 12/8/2010.	977		-							-							
-	Chi mua sắm sửa chữa tài sản.	200		-							20							
61	Ban Quản lý các khu công nghiệp Phú Thọ	-	-	-	-						166	16	68					
-	Chi định mức biên chế			-							46	16	68					
-	Định mức biên chế sự nghiệp			-							-							
-	Chi quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp			-							20							
-	Chi lập quy hoạch chi tiết các khu công nghiệp			-							-							
-	Chi nghiệp vụ xúc tiến đầu tư vào các khu công nghiệp + chi ứng dụng công nghệ thông tin quản lý khu Công nghiệp			-							80							
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-							20							
62	Sở Thông tin và truyền thông	-	-	-	-						296	-	-					
-	Chi định mức biên chế			-							75							
-	Chi nhuận bút và nghiệp vụ phục vụ chuyên môn công giao tiếp điện tử			-							-							
-	Kinh phí duy trì trung tâm tích hợp dữ liệu			-							35							
-	Kinh phí sửa chữa trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ.			-							30							
-	Kinh phí thực hiện kế hoạch tổng thể tuyên truyền bảo vệ chủ quyền của Việt nam ở biển Đông.			-							-							
-	Kinh phí thực hiện đề án số 3935/ĐA-UBND ngày 05/10/2012 của UBND tỉnh về đề án phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2013-2020			-							50							
-	Kinh phí tập huấn, bồi dưỡng để nâng cấp đại diện truyền thanh theo kế hoạch số 3885/KH-UBND ngày 24/9/2013 của UBND tỉnh			-							10							

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017														Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị	
		Chi cân đối ngân sách												Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				Dự phòng ngân sách
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực							Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương								
		ĐBXH	KHCN	Sư nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác			10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL							
-	Kinh phí tuyên truyền quảng bá hình ảnh của Phú Thọ trên các loại hình thông tin của Thông tấn xã Việt Nam (theo thỏa thuận giữa Chủ tịch UBND tỉnh với Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam ngày 03/6/2015).			-									30						
-	Chi nghiệp vụ công tác báo chí, xuất bản, bưu chính viễn thông, công tác thanh tra kiểm tra về lĩnh vực thông tin truyền thông			-									25						
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.			-									-						
-	Kinh phí xây dựng phương án và thực hiện điều tra, khảo sát, kiểm tra, giám sát và xác nhận hỗ trợ đầu tư truyền hình kỹ thuật số mặt đất đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo QĐ số 2451/QĐ-TTg ngày 27/12/2011; TT số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30/3/2016).			-									8						
-	Quy hoạch phát triển Công nghệ thông tin.			-									-						
-	Chi nghiệp vụ ngành.			-									33						
63	Chi cục quản lý thị trường	-	-	-	-								272	-	4,200				
-	Chi theo định mức			-									192		4,200				
-	Chi trang phục ngành.			-									-						
-	Thuê trụ sở làm việc của đội Quản lý thị trường Yên Lập			-									-						
-	Kinh phí hoạt động của ban chỉ đạo 389			-									-						
-	Mua sắm + sửa chữa tài sản			-									50						
-	Chi tổ chức tuyên truyền, triển khai, tập huấn pháp lệnh quản lý thị trường số 11/2016/UBTVQH ngày 08/3/2016 và nghiệp vụ.			-									30						
-	Mua ấn chỉ Quản lý thị trường hàng năm			-									-						
64	Sở Ngoại vụ	-	-	-	-								250	-	-				
-	Định mức			-									55						
-	Chi tiếp đón các đoàn khách đến làm việc tại tỉnh			-									70						
-	Chi thuê phiên dịch các đoàn khách, thuê dịch tài liệu, văn bản đối ngoại xúc tiến đầu tư			-									-						
-	Chi tiền sách, báo truyền thông đối ngoại; in công văn, thiệp ngoại giao, chúc mừng các đại sứ ngày quốc khánh			-									15						
-	Chi mở lớp tập huấn về công tác đối ngoại			-									15						
-	Chi hoạt động nghiệp vụ			-									30						
-	Chi duy trì hoạt động trang Web; xuất bản bản tin đối ngoại			-									35						
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.			-									-						
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-									30						
65	Chi cục Văn thư lưu trữ	-	-	-	-								197	-	-				
-	Chi định mức			-									27						
-	Kinh phí nghiệp vụ lưu trữ.			-									40						
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản phục vụ công tác văn thư lưu trữ.			-									40						
-	Kinh phí chi cải tạo hệ thống cửa nhà làm việc, kho lưu trữ lịch sử, cải tạo bếp cũ thành kho để tài liệu và một số hạng mục khác.			-									-						
-	Kinh phí vệ sinh kho bảo quản và vệ sinh tài liệu lưu trữ trên nền giấy theo Thông tư 15/2011/TT-BNV.			-									-						
-	Kinh phí mua thuốc chống mối, khử trùng kho lưu trữ.			-									60						
-	Chi tập huấn công tác văn thư lưu trữ			-									30						
-	Kinh phí thực hiện tạo lập, chuyển đổi, số hóa thông tin tài liệu của văn phòng HĐND và UBND tỉnh (dữ liệu điện tử).			-									-						
-	Kinh phí chỉnh lý tài liệu còn tồn đọng tại các sở ngành, UBND các huyện.			-									-						

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
		Chi cân đối ngân sách													Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị	
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực								Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách						
		ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách				Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	10% TK làm nguồn CCTL				35-40% số thu để làm nguồn CCTL
66	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp.	-	-	-	-						176	20	60					
-	Chi định mức			-							45	20	60					
-	Chi sự nghiệp khuyến công tỉnh Phú Thọ.			-							-							
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản.			-							20							
-	Kinh phí thực hiện chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.			-							20							
-	Chi nghiệp vụ khuyến công			-							-							
-	Kinh phí đào tạo			-							66							
-	Chi chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.			-							25							
67	Công ty phát triển hạ tầng Khu công nghiệp	-	-	-	-						28	-	14,457					
-	Chi định mức			-							28		14,457					
68	Trung tâm tư vấn đầu tư và dịch vụ Khu công nghiệp			-							12	20	1,300					
69	Trung tâm quy hoạch xây dựng Phú Thọ			-							18	24	5,000					
70	Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Phú Thọ (Sở Xây dựng)			-							8	30	6,000					
71	Trung tâm thông tin tư vấn tài sản và Dịch vụ Tài chính	-	-	-	-						116	-	-					
-	Chi định mức			-							16							
-	Chi mua sắm + sửa chữa tài sản			-							20							
-	Chi tuyên truyền, tập huấn, cập nhật các chính sách kế toán tài chính, quản lý tài sản công			-							50							
-	Xây dựng bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2017			-							20							
-	Chi nghiệp vụ.			-							10							
72	Trung tâm xúc tiến đầu tư (Sở Kế hoạch và Đầu tư)	-	-	-	-						82	50	500					
-	Chi định mức			-							32	50	500					
-	Chi đón tiếp các đoàn khách nước ngoài đến làm việc với tỉnh + chi nghiệp vụ			-							-							
-	Chi mua sắm + sửa chữa tài sản			-							30							
-	Phát hành bản tin Xúc tiến đầu tư			-							20							
73	Ban quản lý dự án Văn hoá thể thao và du lịch			-							52	-						
-	Chi định mức			-							17							
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản + Nghiệp vụ			-							35							
74	Quỹ phát triển đất tỉnh Phú Thọ	-	-	-	-						22	-	-					
-	Chi định mức biên chế			-							7							
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-							5							
-	Chi nghiệp vụ + Phụ cấp cán bộ kiêm nhiệm			-							10							
75	Trung tâm Công nghệ thông tin Tây bắc	-	-	-	-						97	-	-					
-	Chi định mức biên chế			-							17							
-	Mua sắm + sửa chữa tài sản			-							20							
-	Chi triển khai công tác ứng cứu khẩn cấp sự cố máy tính và mạng máy tính trong tỉnh và chi nghiệp vụ.			-							30							
-	Chi bổ sung hoạt động theo tiêu chí trung tâm vùng			-							30							
76	Phòng công chứng số 1			-							4	140	700					
77	Phòng công chứng số 2			-							3	24	120					
78	Trung tâm trợ giúp pháp lý:	-	-	-	-						69	-	-					
-	Chi định mức biên chế			-							34							
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản + Máy trang phục cho trợ giúp viên pháp lý.			-							10							
-	Chi trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật.			-							-							
-	Chi công tác truyền thông về trợ giúp pháp lý; Chi trợ giúp pháp lý lưu động và các nghiệp vụ khác			-							25							
79	Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản:			-							7	68	200					
80	Văn phòng Ban an toàn giao thông tỉnh.			-							19							
81	Ban quản lý dự án xây dựng và bảo trì công trình giao thông			-							1							

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017														Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị	
		Chi cân đối ngân sách												Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				Dự phòng ngân sách
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực							Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
		ĐBXH	KHCN	Sư nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL							
82	Trung tâm Công Giao tiếp điện tử Phú Thọ (Sở Thông tin và Truyền thông)	-	-	-	-					81	-	-							
-	Chi định mức									31									
-	Chi đảm bảo an toàn an ninh thông tin mạng									10									
-	Chi hoạt động nghiệp vụ công giao tiếp điện tử.									20									
-	Mua sắm tài sản									20									
83	Trung tâm Thông tin tư vấn và Dịch vụ đối ngoại (Sở Ngoại vụ).	-	-	-	-					113	-	-							
-	Chi định mức									23									
-	Chi mua sắm tài sản									20									
-	Chi hoạt động trang thông tin đối ngoại.									10									
-	Kinh phí thực hiện vận động tài trợ của các tổ chức phi chính phủ.																		
-	Chi nghiệp vụ: Thông tin, tư vấn, tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn, ... về hoạt động đối ngoại.									30									
-	Chi nghiệp vụ: Thông tin, tư vấn, tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn, ... về hoạt động đối ngoại.									30									
84	Trung tâm xúc tiến thương mại (Sở Công thương).	-	-	-	-					154	-	-							
-	Chi định mức									29									
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản									30									
-	Chi xây dựng tài liệu xúc tiến thương mại									10									
-	Chi tham gia hội trợ xúc tiến thương mại các tỉnh; hỗ trợ chương trình đưa hàng Việt về nông thôn...									15									
-	Chi thực hiện Kế hoạch phát triển Thương mại điện tử tỉnh giai đoạn 2016-2020									50									
-	Xây dựng kế hoạch hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm trong nông nghiệp giai đoạn 2017-2020; hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến xuất khẩu...									20									
85	Văn phòng tỉnh uỷ	-	-	-	-					1,796	-	-							
*	Chi của Văn phòng tỉnh uỷ	-	-	-	-					246	-	-							
-	Chi theo định mức									51									
-	Phụ cấp cấp uỷ theo QĐ169 (55 BCH đảng bộ tỉnh)									-									
-	Chi nghiệp vụ công nghệ thông tin									25									
-	Chi nghiệp vụ về tài chính đảng									-									
-	Chi mở các lớp tập huấn nghiệp vụ (công tác tài chính đảng; Công nghệ thông tin lễ tân, khánh tiết; công tác văn thư, lưu trữ).									30									
-	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng									40									
-	Chi tiền ăn và các chế độ cho 3 cán bộ cơ yếu + trang phục cán bộ nghiệp vụ lễ tân									-									
-	Chi tuyên truyền phổ biến pháp luật, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo									-									
-	Kinh phí tổ chức đi học tập trao đổi kinh nghiệm									-									
-	Mua sắm sửa chữa tài sản									100									
*	Chi nghiệp vụ khối Đảng									1,300									
-	Chi tặng thưởng đảng bộ trong sạch, vững mạnh									-									
-	Chi duy trì cảnh quan môi trường tỉnh uỷ									100									
-	Chi học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh									30									
-	Chi học tập nghị quyết Trung ương + Tỉnh.									300									
-	Chi khen thưởng của khối tỉnh uỷ									-									
-	Chi hoạt động các ban chỉ đạo của Tỉnh uỷ									45									
-	Chi tiếp các đoàn khách đến thăm và làm việc với tỉnh									150									
-	Chi đưa đón cán bộ lão thành cách mạng đi tham quan nghỉ mát									-									
-	Chi hoạt động của Thường trực Tỉnh uỷ + Ban Thường vụ.									225									
-	Chi tặng huy hiệu 40,50,60... năm tuổi Đảng									-									

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
		Chi cân đối ngân sách											Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị			
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực								Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách						
		ĐBXH	KHCN	Sư nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách							Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện các cách tiền lương	
									10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
-	Chi xây dựng, biên tập, in ấn phát hành cuốn: Thông tin công tác dân vận tỉnh Phú Thọ			-														
-	Chi tổ chức các hội nghị; Thực hiện các nghị quyết, Quyết định, Chương trình của tỉnh ủy về công tác dân vận			-														
-	Chi hoạt động của Ban chỉ đạo điều hành phối hợp hoạt động công tác dân vận.			-														
90	Báo Phú Thọ	-	-	-	-													
-	Chi theo định mức			-														
-	Hỗ trợ chi 3 hợp đồng theo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy			-														
-	Xuất bản đặc san tin ảnh Phú Thọ miền núi			-														
-	Chi nhuận bút các loại báo + Báo biểu (Báo thường 330 tờ x 260 ký x 1200đ; Báo cuối tuần 330 tờ x 51 ký x 1800 đồng)			-														
-	In màu trang 1 và trang 4 (7.454 tờ x 5 số /tuần x 52 tuần x 396 đồng / tờ)			-														
-	Bổ sung kinh phí cước phát hành các ấn phẩm Báo Phú Thọ			-														
-	Chi hỗ trợ tổ chức kỷ niệm 55 năm ngày xuất bản số đầu tiên và in sách những tác phẩm xuất sắc của phóng viên Báo Phú Thọ + Tổ chức hội thảo báo Đảng các tỉnh phía bắc.			-														
-	Chi sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, vật tư dùng cho công tác chế bản.			-														
91	Ban Nội chính	-	-	-	-													
-	Chi theo định mức			-														
-	Mở các lớp tập huấn tuyên truyền về phòng chống tham nhũng tại các huyện, thành, thị			-														
-	Chi nghiệp vụ công tác xây dựng đảng			-														
-	Chi tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật + Chi xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo, tiếp công dân			-														
-	Nâng cấp và duy trì trang thông tin điện tử			-														
-	Chi hoạt động của Ban chỉ đạo cải cách tư pháp tỉnh			-														
-	Biên tập, in ấn, phát hành cuốn Bản tin Nội chính và Phòng chống tham nhũng			-														
-	Chi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát về lĩnh vực nội chính và Phòng chống tham nhũng.			-														
-	Mua tin tố cáo về tham nhũng			-														
-	Chi thực hiện các cuộc kiểm tra, rà soát các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội của Ban thường vụ Tỉnh ủy.			-														
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-														
-	Đảng ủy khởi các cơ quan tỉnh	-	-	-	-													
-	Chi theo định mức			-														
-	Chi phụ cấp cấp ủy theo QĐ169-QĐ/TW			-														
-	Chi khen thưởng cơ sở			-														
-	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng (Các lớp cam tình đảng và lớp Đảng viên mới ..., chi kiểm tra, giám sát và bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng).			-														
-	Chi hoạt động Ban chỉ đạo cơ quan văn hoá quy chế dân chủ, học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; xã hội hoá học tập			-														
-	Hoạt động của hội Cựu chiến binh.			-														
-	Hoạt động của Đoàn thanh niên			-														
-	Hoạt động của Công đoàn viên chức			-														
-	Kinh phí triển khai các Nghị quyết TW, Tỉnh và của Đảng ủy khởi.			-														
-	Chi xây dựng, thẩm định đề án, các báo cáo... trình Ban chấp hành, Ban thường vụ theo quy định số 12-QĐ/TU ngày 07/10/2010 của Tỉnh ủy			-														

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017														Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị	
		Chi cân đối ngân sách												Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				Dự phòng ngân sách
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực							Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương								
		ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác			10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL							
-	Chi ban chỉ đạo toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư			-															
-	Kinh phí tổ chức đại hội Ủy ban Đoàn kết công giáo nhiệm kỳ 2017-2022.			-															
-	Kinh phí tổ chức hội nghị đánh giá 10 năm trong công tác triển khai "Phụng dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng".			-															
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản và các nghiệp vụ khác			-									55						
101	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh	-	-	-	-								69	-	-				
-	Chi định mức			-									29						
-	Hỗ trợ kinh phí hoạt động 9 hội thành viên (25 triệu đồng /1 hội)			-									-						
-	Kinh phí tổ chức các hội nghị và thông tin tuyên truyền; vận động viên trợ phi chính phủ và chi phí nghiệp vụ khác			-									20						
-	Chi mua sắm trang thiết bị + sửa chữa tài sản			-									20						
102	Hội nông dân	-	-	-	-								160	-	-				
-	Chi định mức			-									29						
-	Chi theo định mức sự nghiệp (thuộc Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ việc làm).			-									15						
-	Kinh phí tổ chức tập huấn thực hiện Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 quy định về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân.			-									30						
-	Chi các hội nghị tập huấn, triển khai xây dựng mô hình kinh tế tập thể theo nghị quyết của tỉnh uỷ về xây dựng nông thôn mới + Thực hiện quy chế giám sát, phân biện xã hội.			-									40						
-	Hỗ trợ kinh phí hoạt động ban chỉ đạo giải quyết khiếu nại tố cáo của nông dân theo Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ; Ban chỉ đạo triển khai kết luận 61 và quyết định 673 cấp tỉnh			-									-						
-	Kinh phí tổ chức hội nghị giao ban cụm + Tham gia các Hội nghị đo TW tổ chức.			-									-						
-	Kinh phí vận hành Trang thông tin điện tử Hội nông dân + In cuốn thông tin công tác hội.			-									-						
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản			-									20						
-	Quỹ hỗ trợ nông dân			-									-						
-	Tổ chức hội nghị tổng kết phong trào Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi và hộ nghèo vượt khó các cấp.			-									11						
-	Chi tổ chức hội thi Nhà nông đua tài toàn quốc lần thứ IV/2017.			-									15						
103	Hội cựu chiến binh			-									93	-					
-	Chi định mức			-									23						
-	Kinh phí chi nghiệp vụ chuyên môn			-									20						
-	Kinh phí triển khai các hội nghị và các hoạt động khác			-									30						
-	Hỗ trợ kinh phí đi dự các hội nghị do trung ương tổ chức			-									-						
-	Kinh phí tổ chức đại hội nhiệm kỳ 2017-2022			-									-						
-	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản			-									20						
104	Liên minh HTX			-									182	-					
-	Chi định mức			-									32						
-	Hỗ trợ chi nghiệp vụ			-									20						
-	Xây dựng và phát hành Bản tin kinh tế tập thể			-									-						
-	Kinh phí hoạt động ban đổi mới và phát triển kinh tế tập thể			-									-						
-	Bổ sung vốn điều lệ cho quỹ phát triển hợp tác xã			-									-						

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017													Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị		
		Chi cân đối ngân sách											Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				Dự phòng ngân sách	
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực							Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
		ĐBXH	KHCN	Sư nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL							
110	Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh Phú Thọ			-															
111	Hội bảo trợ người tàn tật và trẻ em mồ côi tỉnh Phú Thọ			-															
112	Hội người mù	-	-	-	-														
	- Chi định mức và nghiệp vụ.			-															
113	Hội luật gia			-															
114	Hội nạn nhân chất độc da cam/đioxin			-															
115	Hội sinh vật cảnh và làm vườn	-	-	-	-														
	- Chi định mức và nghiệp vụ.			-															
116	Sở Giáo dục và Đào tạo	-	-	-	-					2,985	-	-							
	- Chi định mức			-						48									
	- Chi bồi dưỡng công chức thanh tra và trang phục thanh tra.			-						-									
	- Chi nghiệp vụ.			-						33									
	- Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-						50									
	- Chi nghiệp vụ (tổ chức các cuộc thi, kỳ thi; bồi dưỡng đội ngũ; chi các ban chỉ đạo; các hội nghị, tập huấn; chi nghiên cứu đề tài khoa học cấp ngành; chi mua phôi bằng tốt nghiệp; chi biên soạn tài liệu; trang thiết bị, văn phòng phẩm phục vụ các kỳ thi và công tác chuyên môn...)			-						793									
	- Chi mua sắm thiết bị phòng học bộ môn vật lý, hóa học, sinh học, ngoại ngữ cho các trường trung học xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia.			-						600									
	- Chi học bổng cho học sinh THPT đạt giải theo qui định của tỉnh.			-						-									
	- Chi thực hiện nhiệm vụ duy trì phổ cập các cấp			-						-									
	- Chi thực hiện kế hoạch dạy và học ngoại ngữ, chi mua thiết bị dạy học cho giáo dục phổ thông theo kế hoạch 3132/KH-UBND ngày 13/9/2011 của UBND tỉnh, giai đoạn 2011-2020.			-						300									
	- Chi ứng dụng công nghệ thông tin phần mềm quản lý thư viện; nâng cấp, xây dựng, kết nối hệ thống thông tin quản lý trường học và các hoạt động giáo dục...			-						185									
	- Chi mua thiết bị, đồ chơi ngoài trời cho các trường mầm non và bổ sung thiết bị cho các lớp mầm non 5 tuổi để xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, duy trì phổ cập và chương trình giáo dục mầm non mới.			-						475									
	- Chi khác giáo dục			-						500									
	- Kinh phí khen thưởng thi đua của ngành			-						-									
*	Khối các trường Trung học phổ thông	-	-	-	-					5,155	6,631	44,586							
	Trường THPT Thanh Sơn	-	-	-	-					182	288	1,155							
	Chi định mức			-						82	288	1,155							
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-						100	-	-							
	Trường THPT Minh Đài	-	-	-	-					205	66	351							
	Chi định mức			-						55	66	351							
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-						150	-	-							
	Trường THPT Văn Miếu	-	-	-	-					194	42	282							
	Chi định mức			-						44	42	282							
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-						150	-	-							
	Trường THPT Hương Cẩn	-	-	-	-					156	38	810							
	Chi định mức			-						56	38	810							
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-						100	-	-							
	Trường THPT Thạch Kiệt	-	-	-	-					157	28	263							
	Chi định mức			-						57	28	263							
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-						100	-	-							
	Trường THPT Yên Lập	-	-	-	-					158	97	1,498							
	Chi định mức			-						58	97	1,498							

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017													Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi cân đối ngân sách															
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực															
		ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương		Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL																
	Chi cải tạo, sửa chữa Nhà lớp học 02 tầng 10 phòng học			-						100		-					
	Trường THPT Minh Hoà	-	-	-	-					180	20	380					
	Chi định mức			-						30	20	380					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-						150							
	Trường THPT Lương Sơn	-	-	-	-					148	37	340					
	Chi định mức			-						48	37	340					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-						100		-					
	Trường THPT Cẩm Khê	-	-	-	-					125	161	2,130					
	Chi định mức			-						75	161	2,130					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-						50		-					
	Trường THPT Hiền Đa	-	-	-	-					104	164	1,457					
	Chi định mức			-						54	164	1,457					
	Chi cải tạo, sửa chữa nhà công vụ.			-						50		-					
	Trường THPT Phương Xá	-	-	-	-					106	220	1,625					
	Chi định mức			-						66	220	1,625					
	Chi thanh toán cải tạo, sửa chữa sân, đường trường			-						40		-					
	Trường THPT Hạ Hoà	-	-	-	-					120	195	1,073					
	Chi định mức			-						50	195	1,073					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-						70		-					
	Trường THPT Xuân ánh	-	-	-	-					90	85	823					
	Chi định mức			-						50	85	823					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-						40		-					
	Trường THPT Vĩnh Chân	-	-	-	-					90	82	671					
	Chi định mức			-						50	82	671					
	Chi thanh toán cải tạo, sửa chữa sân, đường trường.			-						40		-					
	Trường THPT Thanh Ba	-	-	-	-					145	128	1,119					
	Chi định mức			-						75	128	1,119					
	Chi sửa chữa, cải tạo nhà lớp học hai tầng 10 phòng học			-						70		-					
	Trường THPT Yên Khê	-	-	-	-					92	57	176					
	Chi định mức			-						42	57	176					
	Chi cải tạo, sửa chữa tài sản, nhà xe			-						50		-					
	Trường THPT Đoàn Hùng	-	-	-	-					102	191	1,047					
	Chi định mức			-						62	191	1,047					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-						40		-					
	Trường THPT Chân Mộng	-	-	-	-					103	81	999					
	Chi định mức			-						53	81	999					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-						50		-					
	Trường THPT Quê Lâm	-	-	-	-					85	69	958					
	Chi định mức			-						45	69	958					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-						40		-					
	Trường THPT Thanh Thủy	-	-	-	-					94	259	2,381					
	Chi định mức			-						64	259	2,381					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-						30		-					
	Trường THPT Trung Nghĩa	-	-	-	-					77	88	750					
	Chi định mức			-						47	88	750					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-						30		-					
	Trường THPT Phú Ninh	-	-	-	-					90	118	1,045					
	Chi định mức			-						60	118	1,045					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-						30		-					
	Trường THPT Từ Đà	-	-	-	-					83	184	1,362					
	Chi định mức			-						43	184	1,362					
	Chi thanh toán cải tạo, sửa chữa công, hàng rào của trường			-						40		-					
	Trường THPT Trung Giáp	-	-	-	-					94	77	698					
	Chi định mức			-						44	77	698					

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
		Chi cân đối ngân sách												Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị		
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực								Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách						
		ĐBXH	KHCN	Sư nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách				Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định				10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL
	Chi sửa chữa, cải tạo nhà lớp học 9A2, mái nhà lớp học mẫu 8A			-						50			-					
	Trường THPT Long Châu Sa	-	-	-	-					123	285	1,894						
	Chi định mức			-						73	285	1,894						
	Chi cải tạo, sửa chữa nhà lớp học 2 tầng			-						50								
	Trường THPT Phong Châu	-	-	-	-					112	212	1,240						
	Chi định mức			-						72	212	1,240						
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-						40								
	Trường THPT Mỹ Văn	-	-	-	-					80	73	1,484						
	Chi định mức			-						50	73	1,484						
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-						30								
	Trường THPT Tam Nông	-	-	-	-					109	107	1,566						
	Chi định mức			-						59	107	1,566						
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-						50								
	Trường THPT Hưng hoá	-	-	-	-					82	155	1,542						
	Chi định mức			-						42	155	1,542						
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-						40								
	Trường THPT Hùng Vương	-	-	-	-					158	654	3,097						
	Chi định mức			-						58	654	3,097						
	Chi cải tạo, sửa chữa tài sản, sân trường.			-						100								
	Trường THPT Việt Trì	-	-	-	-					108	690	3,003						
	Chi định mức			-						58	690	3,003						
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-						50								
	Trường THPT CN Việt Trì	-	-	-	-					70	483	1,207						
	Chi định mức			-						40	483	1,207						
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-						30								
	Trường THPT KT Việt Trì	-	-	-	-					67	429	1,976						
	Chi định mức			-						37	429	1,976						
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-						30								
	Trường THPT Chuyên Hùng Vương	-	-	-	-					245	767	3,454						
	Chi định mức			-						145	767	3,454						
	Chi cải tạo, sửa chữa nhà và sân trường Khu A			-						100								
	Trường THPT Dân tộc Nội trú Tĩnh	-	-	-	-					153	-	-						
	Chi định mức			-						83	-	-						
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-						70								
	Trường Dân tộc Nội trú Thanh Sơn	-	-	-	-					136	-	-						
	Chi định mức			-						66	-	-						
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-						70								
	Trường Dân tộc Nội trú Yên Lập	-	-	-	-					119	-	-						
	Chi định mức			-						49	-	-						
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-						70								
	Trường Dân tộc Nội trú Đoàn Hùng	-	-	-	-					109	-	-						
	Chi định mức			-						39	-	-						
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-						70								
	Trường Dân tộc Nội trú - THCS Tân Sơn	-	-	-	-					113	-	-						
	Chi định mức			-						43	-	-						
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-						70								
	Trung tâm KT-TH-HN tỉnh	-	-	-	-					103	-	-						
	Chi định mức			-						53	-	-						
	Chi tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông.			-						-								
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-						50								
	Trường Bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý Giáo dục	-	-	-	-					169	-	730						
	Chi định mức			-						53	-	730						
	Chi các lớp đào tạo, bồi dưỡng.			-						66								

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017													Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị		
		Chi cân đối ngân sách											Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				Dự phòng ngân sách	
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực							Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
		ĐBXH	KHCN	Sư nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL							
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-									50		-				
	Trung tâm Ngoại ngữ Tin học	-	-	-	-								118	-	-				
	Chi định mức			-									30	-	-				
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản			-									30						
	Chi các lớp đào tạo, bồi dưỡng			-									58						
117	Trường trung cấp nông lâm nghiệp Phú Thọ	-	-	-	-								204	280	910				
	- Chi theo định mức			-									124	280	910				
	- Chi mua sắm thiết bị dạy học và biên soạn giáo trình			-									30						
	- Chi tư vấn tuyển sinh: 100 triệu; xây dựng mô hình nông nghiệp cho học sinh thực hành, thực tập: 100 triệu.			-									20						
	- Chi sửa chữa, mua sắm tài sản			-									30						
118	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Phú Thọ	-	-	-	-								100	120	500				
	- Chi theo định mức			-									60	120	500				
	- Chi tư vấn đào tạo và tuyển sinh			-									10						
	- Mua sắm, sửa chữa tài sản			-									30						
119	Trung tâm giáo dục thường xuyên Tỉnh	-	-	-	-								517	-	-				
	- Chi theo định mức			-									437	-	-				
	- Chi tư vấn đào tạo và tuyển sinh			-									30						
	- Mua sắm, sửa chữa tài sản			-									50						
120	Trường chính trị tỉnh	-	-	-	-								249	-	4.800				
	- Chi theo định mức			-									149	-	4.800				
	- Chi hỗ trợ tiền ăn các lớp trung cấp chính trị chính quy			-									-						
	- Mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động giảng dạy: 900 triệu; kỷ niệm 60 năm thành lập trường: 100 triệu.			-									100						
121	Trường Đại học Hùng vương	-	-	-	-								2.502	4.000	40.326				
	- Chi theo định mức + phần bổ học sinh			-									1.239	4.000	40.326				
	- Đào tạo 80 sinh viên Lào			-									-						
	- Chi học bổng cho học sinh sư phạm (TT 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01/8/2013)			-									-						
	- Chi trợ cấp xã hội theo TT LT số 53/1998/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH và TTLT số 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH.			-									-						
	- Chi đào tạo theo học tín chỉ và kiểm định chất lượng			-									-						
	- Phân bổ thêm theo khu vực			-									963						
	- Chi mua sắm + sửa chữa thường xuyên			-									200						
	- Kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin quản lý sinh viên.			-									-						
	- Kinh phí đào tạo Giáo viên chất lượng cao			-									-						
	- Kinh phí thực hiện Đề án tăng cường năng lực ngoại ngữ đến năm 2020.			-									-						
	- Kinh phí thực hiện Đề án phân tích hóa học.			-									-						
	- Chi cải tạo sửa chữa nhà Trung tâm hành chính hiệu bộ			-									100						
122	Trường cao đẳng y tế	-	-	-	-								480	2.900	15.658				
	- Chi định mức + phần bổ học sinh			-									380	2.900	15.658				
	- Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy và học			-									100						
	- Kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin quản lý sinh viên.			-									-						
123	Trường Trung cấp văn hoá nghệ thuật và du lịch tỉnh Phú Thọ	-	-	-	-								125	60	400				
	- Chi định mức + phần bổ học sinh			-									55	60	400				
	- Chi chế độ ưu đãi học sinh, sinh viên các ngành nghệ thuật truyền thống (QĐ số 41/2014/QĐ-TTg ngày 21/7/2014)			-									-						
	- Kinh phí tham gia các hội diễn + Các hội thi và chi bồi dưỡng tập luyện, biểu diễn Hát Xoan, ...			-									20						
	- Chi tư vấn đào tạo và tuyển sinh			-									20						
	- Kinh phí mua sắm thiết bị			-									30						
124	Cao đẳng nghề Phú Thọ	-	-	-	-								683	480	1.200				

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017															
		Chi cân đối ngân sách												Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị	
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực								Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách					
		ĐBXH	KHCN	Sư nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách				Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định				10% TK làm nguồn CCTL
-	Theo định mức + phân bổ học sinh			-						473	480	1,200					
-	Chi tư vấn dạy nghề			-						50							
-	Kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin quản lý học sinh, sinh viên.			-													
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản...			-						160							
125	Trường Trung cấp nghề công nghệ và vận tải Phú Thọ	200	-	-	-					157	80	850					
-	Theo định mức + phân bổ học sinh			-						107	80	850					
-	Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa tài sản			-						30							
-	Chi công tác tư vấn học nghề.	200		-						20							
126	Trung tâm dịch vụ việc làm	1,300	-	-	-					160	40	1,500					
-	Theo định mức + phân bổ học sinh			-						30	40	1,500					
-	Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa tài sản			-						50							
-	Chi công tác tư vấn học nghề.	300		-						30							
-	Hỗ trợ tổ chức sản giao dịch việc làm	1,000		-						50							
127	Trung tâm hướng nghiệp dạy nghề và giới thiệu việc làm Thanh niên	-	-	-	-					77	-	-					
-	Chi định mức + phân bổ học sinh			-						57							
-	Chi tư vấn và định hướng nghề nghiệp cho học sinh, thanh niên.			-						20							
128	Trung cấp nghề Dân tộc Nội trú Phú Thọ	-	-	-	-					114	-	-					
-	Theo định mức + phân bổ học sinh			-						44	-	-					
-	Chi học bổng học sinh dân tộc nội trú học nghề			-						-							
-	Chi tư vấn dạy nghề: 200 triệu; mua sắm, sửa chữa tài sản: 500 triệu.			-						70							
129	Trường năng khiếu Thể dục thể thao	-	-	-	-					123	-	-					
-	Chi định mức + phân bổ học sinh			-						73							
-	Tiền ăn + tiền công + dụng cụ tập luyện ...			-						-							
-	Tiền thưởng cho vận động viên và huấn luyện viên đạt giải toàn quốc.			-						-							
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản.			-						50							
130	Trung tâm Dạy nghề Công đoàn Phú thọ			-						28							
131	Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ việc làm nông dân			-						34							
132	Trung tâm giới thiệu Việc làm phụ nữ			-						37							
133	Trường trung cấp nghề HERMANGMEINER			-						36							
134	Trung tâm kỹ thuật Tổng hợp hướng nghiệp tỉnh			-						53							
135	Hội khuyến học			-						-							
136	Sở Y tế	-	-	-	-					1,258	506	1,725					
-	Chi định mức			-						88	506	1,725					
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.			-						-							
-	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị			-						50							
-	Nghiệp vụ ngành (có 500 triệu kinh phí đối ứng dự án hỗ trợ y tế các tỉnh Đông Bắc bộ và Đông bằng Sông Hồng; 130 triệu kinh phí đối ứng thực hiện Dự án An ninh y tế khu vực tiểu vùng Sông Mê Công mở rộng).			-						670							
-	Phòng chống dịch .			-						200							
-	Đào tạo bác sỹ và sau đại học			-						-							
-	Kinh phí thực hiện chương trình điều trị nghiện các chất thuốc phiện bằng chất mephadon.			-						-							
-	Kinh phí bảo đảm cho các hoạt động phòng chống HIV/AIDS.			-						-							
-	Chi ứng dụng công nghệ thông tin.			-						-							
-	Dự kiến tăng biên chế và các khoản phát sinh			-						250							
137	Bệnh viện đa khoa Tỉnh:	-	-	-	-					1,621	66,546	623,990					

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017														Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi cân đối ngân sách																
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực										Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách				
		ĐBXH	KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương							
10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL																	
-	Chi định mức			-							800	66,546		623,990				
-	Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất thực hiện đề án giảm quá tải bệnh viện (theo Quyết định số 92/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2013).			-							300							
-	Phân bổ bệnh viện mang tính chất khu vực			-							521							
138	Bệnh viện Lao và bệnh phổi Phú Thọ :	-	-	-	-						120	985		9,873				
-	Chi định mức			-							70	985		9,873				
-	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị			-							50							
139	Bệnh viện Tâm thần:	-	-	-	-						38	1,037		12,140				
-	Chi định mức			-							38	1,037		12,140				
140	Bệnh viện Y dược cổ truyền và phục hồi chức năng.	-	-	-	-						133	2,580		28,062				
-	Chi định mức			-							83	2,580		28,062				
-	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị			-							50							
141	Trung tâm y tế dự phòng	-	-	-	-						105	791		6,315				
-	Chi định mức			-							55	791		6,315				
-	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị			-							50							
142	Bệnh viện mắt			-							-	1,435		10,954				
143	Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản			-							20	171		908				
144	Trung tâm kiểm nghiệm	-	-	-	-						53	545		4,488				
-	Chi định mức			-							33	545		4,488				
-	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị			-							20	-						
145	Trung tâm Giám định Y khoa (Có 500 triệu kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).			-							15	-		6,528				
146	Trung tâm Pháp y	-	-	-	-						54	-		5,679				
-	Chi định mức			-							24	-		5,679				
-	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị			-							30							
147	Hội đồng y			-							-	-						
148	Trung tâm truyền thông giáo dục sức khỏe.	-	-	-	-						73	-		1,240				
-	Chi định mức			-							23	-		1,240				
-	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị			-							50							
149	Trung tâm phòng chống HIV/ AIDS	-	-	-	-						72	-		500				
-	Chi định mức			-							22	-		500				
-	Kinh phí sửa chữa + mua sắm tài sản trang thiết bị			-							50							
150	Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm	-	-	-	-						22	-		-				
-	Chi định mức			-							22	-		-				
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ 12/2014/QĐ-TTg + Trang phục thanh tra.			-							-	-						
151	Bệnh viện da khoa thị xã Phú Thọ			-							-	2,907		47,220				
152	Bệnh viện da khoa Thanh ba	-	-	-	-						100	2,804		43,555				
-	Chi định mức			-							-	2,804		43,555				
-	Chi sửa chữa nhà + mua sắm trang thiết bị			-							100							
153	Bệnh viện da khoa Hạ hoá			-							48	3,305		43,849				
154	Bệnh viện da khoa Đoàn hùng			-							98	2,842		47,105				
155	Bệnh viện da khoa Cẩm Khê			-							120	3,833		47,605				
156	Bệnh viện da khoa Thanh sơn	-	-	-	-						180	4,003		48,105				
-	Chi định mức			-							80	4,003		48,105				
-	Chi sửa chữa nhà + mua sắm trang thiết bị			-							100							
157	Trung tâm Y tế Việt trị	-	-	-	-						70	300		1,027				
-	Chi định mức của Trung tâm y tế (trong đó có 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).			-							70	286		989				
-	Y tế xã , thị trấn , phường			-							-	14		39				
158	Trung tâm Y tế Phú thọ	-	-	-	-						30	138		1,226				
-	Chi định mức của Trung tâm y tế			-							30	7		500				

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017														Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị	
		Chi cân đối ngân sách												Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				Dự phòng ngân sách
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực								Nguồn thực hiện cải cách tiền lương									
		ĐBXH	KHCN	Sư nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL							
-	Y tế xã, thị trấn, phường			-									-	131	726				
159	Trung tâm Y tế Thanh ba	-	-	-	-								36	245	3,940				
-	Chi định mức của Trung tâm y tế			-									36	181	538				
-	Y tế xã, thị trấn			-									-	64	3,402				
160	Trung tâm Y tế Ha hoá	-	-	-	-								45	134	1,789				
-	Chi định mức của Trung tâm y tế			-									45	68	196				
-	Y tế xã, thị trấn			-									-	65	1,593				
161	Trung tâm Y tế Đoàn hùng	-	-	-	-								65	173	1,521				
-	Chi định mức của Trung tâm y tế			-									65	20	50				
-	Y tế xã, thị trấn			-									-	153	1,471				
162	Trung tâm Y tế Tam nông	-	-	-	-								77	1,184	23,617				
-	Chi định mức của Trung tâm y tế (trong đó có 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).			-									77	1,152	22,652				
-	Y tế xã, thị trấn			-									-	32	965				
163	Trung tâm Y tế Lâm Thao	-	-	-	-								87	1,657	25,534				
-	Chi định mức của Trung tâm y tế (trong đó có 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).			-									87	1,616	24,665				
-	Y tế xã, thị trấn			-									-	41	869				
164	Trung tâm Y tế Phù Ninh	-	-	-	-								82	1,429	22,406				
-	Chi định mức của Trung tâm y tế (trong đó có 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).			-									82	1,421	21,882				
-	Y tế xã, thị trấn			-									-	8	524				
165	Trung tâm Y tế Cẩm Khê	-	-	-	-								56	193	3,475				
-	Chi định mức của trung tâm y tế			-									56	52	150				
-	Y tế xã, thị trấn			-									-	140	3,325				
166	Trung tâm Y tế Thanh thủy	-	-	-	-								78	1,562	25,427				
-	Trung tâm Y tế Thanh thủy (trong đó có: 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất và 961 triệu đồng thanh toán hạng mục kê đá, cống, hàng rào, nhà cầu, nhà để xe, nhà bảo vệ, nhà trường trực Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Thủy).			-									78		1,422	23,932			
-	Y tế xã, thị trấn			-									-	140	1,495				
167	Trung tâm Y tế Yên lập	-	-	-	-								103	1,962	26,224				
-	Chi định mức của Trung tâm y tế (trong đó có 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).			-									103	1,594	22,513				
-	Y tế xã, thị trấn (Có y tế vùng cao)			-									-	368	3,711				
168	Trung tâm Y tế Thanh sơn	-	-	-	-								40	933	4,656				
-	Chi định mức của Trung tâm y tế			-									40	300	750				
-	Y tế xã, thị trấn (Có y tế vùng cao)			-									-	633	3,906				
169	Trung tâm Y tế Tân sơn	-	-	-	-								90	1,740	26,493				
-	Chi định mức của Trung tâm y tế (trong đó có 500 triệu đồng kinh phí tăng cường cơ sở vật chất).			-									90	1,592	22,487				
-	Y tế xã, thị trấn (Có y tế vùng cao)			-									-	148	4,006				
170	Chi cục Dân số	-	-	-	-								130	-	-				
-	Chi theo định mức biên chế:			-									50	-	-				
-	Kinh phí tuyên truyền, tập huấn nghiệp vụ về công tác dân số			-									50	-	-				
-	Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa tài sản			-									30	-	-				
171	Trung tâm huấn luyện thể dục thể thao	-	-	-	-								91	-	-				
-	Định mức			-									61	-	-				
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản.			-									30	-	-				
-	Chi đào tạo Vận động viên thể thao thành tích cao			-										-	-				
172	Trung tâm Khai thác các công trình Thể thao	-	-	-	-								77	-	1,750				
-	Chi định mức			-									2	-	1,750				
-	Mua sắm tài sản, thiết bị			-									30	-	-				

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																
		Chi cân đối ngân sách													Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị	
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực								Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách						
		ĐBXH	KHCN	Sư nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách				Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương				
									10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL								
12	Kinh phí đảm bảo hoạt động trật tự an toàn giao thông tỉnh: 2.516 triệu đồng (bao gồm: Ban ATGT tỉnh: 1.275 triệu đồng, trong đó đã bao gồm thu hồi tạm ứng kinh phí mua máy in năm 2016: 500 triệu đồng; Thanh tra giao thông tỉnh: 1.241 triệu đồng).																	
13	Kinh phí đảm bảo hoạt động của các lực lượng xử phạt (Không bao gồm phạt an toàn giao thông) theo Thông tư số 153/2013/TT-BTC và hoạt động chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả theo QĐ số 20/2016/QĐ-TTg.																	
15	Hỗ trợ thiết bị và duy trì hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (Tabmis) ngành tài chính.																	
16	Kinh phí quản lý, tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo QĐ số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của TTCP.																	
17	Kinh phí xây dựng chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh.																	
18	Kinh phí đối ứng các dự án cơ tính chất sự nghiệp																	
19	Kinh phí thực hiện Dự án 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính; Kế hoạch 2696/KH-UBND ngày 02/7/2014 của UBND tỉnh Phú Thọ về triển khai thực hiện Dự án án hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính tỉnh Phú Thọ																	
20	Kinh phí đảm bảo hoạt động của Hội thẩm nhân dân - Tòa án nhân dân tỉnh.																	
21	Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý theo QĐ số 32/2016/QĐ-TTg (Bổ sung có mục tiêu từ NSTW).																	
22	Kinh phí hỗ trợ chênh lệch giữa giá in và giá bản báo Phú Thọ																	
23	Chi đảm bảo hoạt động khối đoàn thể																	
24	Chi các nghiệp vụ phát sinh theo kết luận của TTTU																	
25	Kinh phí hỗ trợ thành lập HTX																	
26	Chi hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội, xã hội nghề nghiệp																	
27	Hỗ trợ tuyên truyền phổ biến pháp luật																	
28	Kinh phí tổ chức đào tạo vận động viên.																	
29	Chi cho công tác khuyến học của tỉnh (thực hiện QĐ số 281/QĐ-TTg; KH số 2577/KH-UBND ngày 23/6/2014 về đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020; KH số 242/KH-UBND ngày 20/01/2016 về nhân rộng và đánh giá, công nhận mô hình học tập GD 2016-2020.																	
30	Hỗ trợ các trường mầm non, TH+THPT đạt chuẩn quốc gia; mức dự kiến hỗ trợ (12 trường MN+ 03 trường TH x 300 triệu/trường; 18 trường THCS x 400 triệu/trường; 3 trường THPT x 600 triệu/trường), KH số trường đạt chuẩn theo KH số 3689/KH-UBND ngày 30/8/2016.																	
31	Kinh phí Bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định.																	
32	Kinh phí bảo đảm phụ cấp thâm niên nhà giáo, phụ cấp vùng đặc biệt khó khăn và các chế độ, chính sách khác theo quy định.																	
33	Kinh phí thực hiện tiền ăn trưa Quyết định 239/QĐ-TTg và Quyết định 60/QĐ-TTg.																	
34	Kinh phí thực Thông tư 42/TTLT chính sách giáo dục với người khuyết tật.																	

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017													Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị	
		Chi cân đối ngân sách											Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				Dự phòng ngân sách
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực								Nguồn thực hiện cải cách tiền lương								
		ĐBXH	KHCN	Sư nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL						
35	Kinh phí thực hiện quyết định 66/QĐ-TT; Thông tư 35/TTLT chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên.			-									-					
36	Kinh phí thực hiện Nghị định 86/2015/NĐ-CP chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập			-									-					
37	Kinh phí thực hiện Quyết định 53/QĐ-TTg chính sách nội trú với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp.			-									-					
38	Dự kiến các nhiệm vụ phát sinh + tăng biên chế khối tỉnh			-									-					
39	Hỗ trợ học sinh bán trú và Trường phổ thông dân tộc bán trú.			-									-					
40	Hỗ trợ học sinh phổ thông trung học ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.			-									-					
41	Đào tạo trên chuẩn cho giáo viên			-									-					
42	Chi chế độ sinh viên cử tuyển trả cho các trường đại học			-									-					
43	Hỗ trợ kinh phí đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp vừa và nhỏ			-									-					
44	Kinh phí hỗ trợ học phí cho các đối tượng học trung cấp nghề và cao đẳng nghề.			-									-					
45	Chi công tác giáo dục đào tạo an ninh quốc phòng theo ND 116/2007/NĐ-CP và đào tạo khác			-									-					
46	Chi đào tạo sau đại học và chế độ ưu đãi thu hút tay nghề cao			-									-					
47	Kinh phí mở các lớp đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức theo kế hoạch năm 2017.			-									-					
48	Kinh phí đào tạo sau đại học và đào tạo lại khối Đảng + đoàn thể cấp tỉnh			-									-					
49	Chi các khoản phát sinh khối đào tạo			-									-					
50	Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế theo luật.			-									-					
51	Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất ngành y tế (Chi đạt chuẩn tiêu chí quốc gia các trạm y tế cấp xã: 10 tỷ đồng).			-									-					
52	Hỗ trợ kinh phí tu bổ tôn tạo di tích cấp tỉnh			-									-					
53	Kinh phí tổ chức Giỗ tổ Hùng vương 2017 và tổ chức các ngày lễ lớn			-									-					
54	Chi lập hồ sơ di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Phú Thọ để nghị đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia năm 2015-2016.			-									70					
55	Kinh phí triển khai thực hiện phong trào xây dựng đời sống văn hoá ở các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp (Liên đoàn Lao động tỉnh)			-									50					
56	Kinh phí thực hiện đề án "xây dựng đời sống văn hoá công nhân ở khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020" theo QĐ 1780/QĐ-TTg ngày 12/10/2011 của TTCP			-									70					
57	Kinh phí thực hiện Đề án bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá phi vật thể - Hát Xoan Phú Thọ (Giai đoạn 2013-2020) theo QĐ số 2058/QĐ-TTg ngày 07/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ.			-									-					
58	Hỗ trợ kinh phí sáng tạo báo chí của Hội văn học Nghệ thuật và hội Nhà báo địa phương.			-									65					
59	Kinh phí xét tặng danh hiệu nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú 2017			-									-					
60	Hỗ trợ hoạt động văn hoá cho các ngành, đoàn thể			-									-					
61	Kế hoạch phát triển du lịch tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016-2020.			-									-					
62	Tổ chức hội nghị tổng kết 5 năm thực hiện QĐ 1780/QĐ-TTg ngày 12/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng đời sống văn hoá công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.			-									50					

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																	
		Chi cân đối ngân sách													Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị		
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực								Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách							
		ĐBXH	KHCN	Sư nghiệp kinh tế	TN-MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách				Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương					
									10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL									
63	Chi phí xây dựng để án năm Du lịch quốc gia 2020, tổ chức các hoạt động hưởng ứng năm Du lịch quốc gia Tây Bắc 2017; xây dựng mô hình điểm Du lịch cộng đồng Xuân Sơn.			-															
64	Kinh phí lập quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Đền Hùng.			-															
65	Kinh phí tham gia ngày hội văn hóa, thể thao, du lịch các dân tộc vùng tây bắc.			-							60								
66	Kinh phí kỷ niệm 70 năm chiến thắng Sông Lô.			-															
67	Kinh phí tổ chức lễ kỷ niệm 20 năm ngày tái lập tỉnh Phú Thọ.			-															
68	Hỗ trợ đội bóng chuyên (Công an tỉnh)			-															
69	Chi chế độ tiền ăn + luyện tập vận động viên và huấn luyện viên			-															
70	Chi cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các công trình khu liên hiệp thể thao tỉnh			-															
71	Hỗ trợ thể dục thể thao các ngành đoàn thể			-															
72	Chi thường giải bóng chuyên Cúp Hùng vương			-															
73	Chi tổ chức các giải thể thao cấp tỉnh			-							50								
74	Kinh phí đăng cai các giải toàn quốc, khu vực			-															
75	Đại hội Thể dục thể thao tỉnh Phú Thọ 2017.			-															
76	Tham gia thi đấu hội thi thể thao các dân tộc thiểu số 2017			-															
77	Chi thực hiện quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 về chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng (29 thôn bản và 9.800ha rừng).			2,140															
78	Kinh phí thực hiện các chương trình sản xuất nông, lâm nghiệp của tỉnh			59,358															
79	Chi hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất lúa.			39,813															
80	Kinh phí thực hiện chính sách miễn thu thủy lợi phí			99,141															
81	Chi bổ sung có mục tiêu theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho sự nghiệp thủy lợi			9,000															
-	Cải tạo, nâng cấp hồ Chồ xã Đông Lạc, huyện Yên Lập			5,000															
-	Cải tạo nâng cấp dự án đập Đá Thờ và hệ thống kênh tưới các xã Hương Lung, Tạ Xá, Sơn Tinh, huyện Cẩm Khê			4,000															
82	Kinh phí chúc thọ và tặng quà cho người cao tuổi 90 tuổi (2000 cụ *400) và 100 tuổi (300 cụ*850)	1,055		-															
83	Trợ cấp hàng tháng cho thanh niên xung phong theo TT số 08/2012/TTLT BTC-BLĐ-BNV	864		-															
84	Kinh phí chi cho đối tượng bảo trợ xã hội được chăm sóc, nuôi dưỡng trong các cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội ngoài công lập theo ND số 136/2013/ND-CP.	3,740		-															
85	Điều tra triệt phá ổ nhóm, lập hồ sơ phòng chống mại dâm (Công an tỉnh)	100		-															
86	Điều tra triệt phá đường dây buôn bán phụ nữ và trẻ em (Công an tỉnh)	100		-															
87	Mục tiêu quản lý trẻ em làm trái pháp luật (Công an tỉnh)	100		-															
88	Kinh phí thực hiện Kế hoạch số 2089/KH-UBND ngày 04/6/2015 về tăng cường công tác phòng chống, kiểm soát ma túy và đổi mới công tác cai nghiện đến năm 2020 và nhiệm vụ phát sinh.	2,200		-															
89	Chi hỗ trợ đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp.	3,000		-															
90	Kinh phí xây dựng bổ sung bảng giá đất (do có thêm các tuyến đường mới đưa vào sử dụng).			-	200							20							
91	Kinh phí xác định hệ số điều chỉnh Bảng giá đất năm 2017.			-	250														
92	Kinh phí chăm sóc cây, hoa cảnh và vệ sinh môi trường Khu Di tích Đền Hùng			-	2,000														

STT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017																	
		Chi cân đối ngân sách												Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Bội thu ngân sách địa phương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị			
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực									Các khoản thu	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách						
		ĐBXH	KHCN	Sư nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định							Nguồn thực hiện cải cách tiền lương		
									10% TK làm nguồn CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL									
98	Thực hiện đo đạc, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình (Từ nguồn thu tiền sử dụng đất)			-	10,000														
99	Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách khác của địa phương								8,000										
C	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH																		
D	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH																		
E	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG																		
F	BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG																		341,890
G	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH, THỊ																		3,782,411